

15 THÁNG 8 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

TỪ MINH Viễn tượng bầu cử Tổng-thống tại Hoa-kỳ •
VIỆT PHƯƠNG Mao Trạch Đông và Lưu Thiệu Kỳ hay
cuộc tranh chấp quyền hành tại Trung Hoa lục-dịa •
TRẦN NGỌC NINH thương thảo với ô. Bình Nguyên
Lộc về từ nguyên của hai tiếng « cái » và
« con » • VÕ PHIẾN bệnh tật và chữ nghĩa • PHẠM
VĂN LƯƠNG một vài nhà tiền-phong trong ngành
giải-phẫu • GEORGES E. GAUTHIER mấy lời kết
thúc • BÌNH NGUYÊN LỘC danh từ mới của Trung-
Hoa • PHẠM VĂN BÌNH qua phá Tam Giang •
NGUYỄN MỘNG GIÁC vào đời • TƯỜNG LINH
một sớm mai về • ĐÔNG TRÌNH em gái hồi cư •

SINH HOẠT thời sự thể

giới • thời sự khoa học

• thời sự văn nghệ •

375

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút: LÊ NGỘ CHÂU

Thư ký: TÔN THẤT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO DÀI HẠN

SÁU THÁNG

770đ.

MỘT NĂM

1500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ.

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ.
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ.
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu)	: 175đ.
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ.

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mầu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mầu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25,539.

BÁCH KHOA

Số 375 ngày 15 - 8 - 1972

TỪ MINH <i>viễn tượng bầu cử Tổng-Thống tại Hoa-kỳ</i>	09
VIỆT PHƯƠNG <i>Mao Trạch Đông và Lưu Thiểu Kỳ hay cuộc tranh chấp quyền hành tại Trung-hoa lục-địa</i>	14
TRẦN NGỌC NINH <i>thương thảo về từ nguyên của hai tiếng « Cái » và « Con »</i>	19
VÕ PHIẾN <i>anh Bình-dịnh bệnh tật và chữ nghĩa</i>	23
PHẠM VĂN LƯƠNG <i>một vài nhà tiên-phong trong ngành giải-phẫu (cuộc nói chuyện của Bác-sĩ Phạm Văn Lương tại Đà-nẵng 11-6-1972)</i>	27
GEORGES ETIENNE GAUTHIER <i>một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm Duy : Mấy lời kết thúc</i>	37
BINH NGUYỄN LỘC <i>danh từ mới của Trung Hoa</i>	45
PHẠM VĂN BÌNH <i>qua phá Tam Giang</i>	49
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	57
TƯỜNG LINH <i>một sớm mai về (thơ)</i>	64
ĐÔNG TRINH <i>em gái hồi cư (thơ)</i>	65
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ.</i>	67
TỪ MINH <i>thời sự thế giới.</i>	72
THẾ NHÂN <i>sắc luật sửa đổi quy chế báo chí</i>	75

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 80\$ Công sở : 160\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Tự-điền danh-ngôn thế-giới của Xuân Tước và Bằng Giang do Sông Mới xuất bản và Ô. Bằng Giang gửi tặng. Sách dày trên 670 trang, các danh ngôn Việt Nam và các nước trên thế giới, từ tục ngữ, ca dao đến thơ Xuân Diệu, Thế Lữ, Hà Liên Tử... các câu trích trong sách của Khổng Tử, Mạnh Tử, Horace, Homère, La Rochefoucauld, Nguyễn văn Trung v.v... sắp xếp theo các chủ đề: Ai tình, Bác ái, Gia đình, Văn hóa v.v... và các chủ-đề sắp xếp theo A, B, C... Biên soạn công phu. Giá 600đ.

— Tờ chức thư viện báo chí Việt ngữ, khảo luận tốt nghiệp Cử nhân báo chí của Phan Thị Bình Minh, Ban Báo chí học, Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn Viện Đại học Vạn Hạnh. Sách dày 60 trang, khổ 20x27 in ronéo gồm 3 chương: Hiện

trạng thư viện báo chí tại V.N., nhu cầu và những vấn đề của thư viện báo chí tại V.N., Tờ chức một thư viện báo chí Việt ngữ. Có kèm thêm 2 phụ lục: Thư mục về sách Việt ngữ cho thư viện báo chí và một cuộc phỏng vấn ông Giám đốc Thư viện Quốc gia.

Nghiệp-vụ tín-dụng của Huỳnh Công Huân và Kế toán đại cương của Nguyễn văn Đạt do Trung tâm giáo-dục Tráng niên Cấp-tiến xuất bản và gửi tặng. Cả 2 cuốn đều thuộc loại sách huấn-luyện kỹ-thuật chuyên-môn ngân-hàng. Cuốn thứ nhất dày 234 trang, giá 350.đ; Cuốn thứ hai dày 140 trang, giá 250.đ.

— Bao giờ tập truyện của Tạ Tỵ Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 242 trang gồm 12 truyện mới nhất của tác giả, viết về một thế hệ tuổi trẻ giữa cơn biến động vĩ đại của lịch sử, Bản đặc biệt — Bản thường giá 300.đ.

— Cô bé treo mũng tập truyện của Hoàng ngọc Tuấn do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Tập truyện thứ tư của tác giả dày 193 trang gồm 6 truyện ngắn « đào sâu tấm lòng yêu thương và khát vọng của tuổi trẻ đối với cuộc sống muôn màu » giá 250đ.

Bạn đọc thân mến

Bách Khoa các số 373 (15-7-72) và 374 (1-8-72), hai số liên tiếp vừa qua, đều bị tịch thu, nên những số báo này có thể đã không đến tay quý bạn được hoặc đến quá trễ; xin chân thành cáo lỗi cùng quý bạn.

Mặt khác vào những số báo gần đây, giá giấy đã tăng thêm mỗi rame 300đ. nữa, nên mỗi số Bách Khoa chi phí tăng lên quá nhiều, chúng tôi phải tạm tăng giá báo mỗi số từ 70đ. lên 80đ. Trân trọng mong bạn đọc, đã ủng hộ tờ báo của quý bạn suốt 16 năm nay, vui lòng chấp nhận giá mới trên đây, để tạp chí Bách-Khoa đứng vững được trong giai đoạn mỗi ngày một cam go này.

Tòa soạn BÁCH KHOA

Viễn - tượng bầu cử Tổng Thống tại Hoa - kỳ

Cuộc bầu cử Tổng-thống tại Hoa-kỳ đang bước vào một giai đoạn mới. Đó là giai-đoạn chính-thức vận-động. Trong tháng 7 vừa qua ông George McGovern, Thượng Nghị-sĩ của tiểu-bang Nam Dakota đã được Đại-hội Đảng Dân-chủ họp tại Miami Beach cử làm Ứng-cử-viên chính-thức của Đảng đề ra tranh cử chức vụ Tổng-thống Hoa-kỳ vào tháng 11 tới. Ngày 21-8 tới sẽ đến lượt Đại-hội đảng Cộng-hòa nhóm họp để chính thức cử ông Nixon đương đầu với ông McGovern. Cuộc bầu cử này sẽ không được diễn ra trong một thể bình đẳng giữa hai bên vì ngay từ

đầu người ta thấy ông Nixon trong chức vụ đương kim Tổng-thống đã hoàn toàn nắm được ưu-thế. Hơn nữa uy-tín cá-nhân của ông càng ngày càng gia tăng khiến người ta thấy hiện thời ông McGovern đang đi thẳng tới thảm bại cũng như ông Goldwater đã bị Tổng-thống Johnson đánh ngã sát ván vào năm 1964. Sự thật thì việc McGovern được đề-cử làm ứng-cử-viên đã là một phép lạ vì ngay chính trong Đảng Dân-chủ cũng ít người ưa ông. Tuy đang gặp những khó khăn khó vượt qua, ông McGovern vẫn đang chờ đợi một phép lạ thứ hai vào tháng 11 tới.

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA ỨNG-CỬ-VIÊN DÂN-CHỦ GEORGE MC GOVERN

Ông McGovern đang ở vào một tình trạng khó khăn chưa có một ứng cử-viên Tổng-thống nào gặp phải từ trước tới nay. Khó khăn đầu tiên của McGovern là việc ông không có một thành-tích chính-trị nào đáng kể, không có một quá khứ chánh-trị sáng lạn. Tuy đã từng làm Thượng-Nghị-sĩ đại-diện tiểu-bang South Dakota từ nhiều năm nay McGovern chưa có một hành động nào được dân chúng chú ý tới.

Ông chỉ bắt đầu xuất hiện lần đầu tiên trong đời sống chính-trị quốc-gia Mỹ khi Đại-hội đảng Dân-chủ nhóm

họp vào tháng 8. 1968 đề chỉ-định ứng-cử-viên Tổng-thống. Đề lấy phiếu của phe bờ-câu chủ bại ông McGovern đã có một lập trường phản chiến cuồng nhiệt hơn cả các chuẩn ứng-cử-viên khác như McCarthy, Edward Kennedy. Nhưng vì không có một chính-sách chính-xác ông đã bị ông Humphrey đánh bại.

Bốn năm đã trôi qua McGovern lần này đã có đủ thời giờ hoạt động mạnh hơn để bắt buộc đảng Dân-chủ phải cử ông ra làm ứng-cử-viên chính-thức. Lần này ông đã thành công nhờ những biện-pháp cải-tỏ thủ-tục làm

việc của Đại-hội đảng. Ngoài ra ông còn dựa vào các giới đảng viên trẻ tuổi để ra tranh cử trong các cuộc bầu cử sơ khởi được tổ-chức từ đầu năm tới giờ. Thật ra thì các đảng viên trẻ tuổi cũng không có một lý-tưởng hay một chủ-thuyết chính-trị nào mới lạ. Họ chỉ có một lập-trường duy nhất là muốn thay đổi guồng máy của đảng. Vì guồng máy đảng nằm trong tay các lãnh-tụ lão-thành nên luôn luôn có khuynh hướng thủ cựu. Các ứng-cử viên được đảng chỉ-định đều là những nhân vật thủ-cựu. Vì vậy mà các đảng viên trẻ cho rằng họ là đa số thì sự ước muốn của đa số phải được thể-hiện trong việc lựa chọn một ứng-cử-viên trẻ trung hơn, hiểu đống hơn, có đầu óc cấp tiến hơn. Sự ước muốn thay đổi bộ mặt đảng lại trùng hợp với lòng ước muốn thay đổi xã-hội của một nhóm thanh niên tự coi mình là « Hippies » « Yppics » v.v... Do đó ông McGovern, năm nay mới 50 tuổi, được các phát trẻ ủng hộ. Tuy McGovern không phải là nhân vật trẻ nhất, nhưng vì ông Edward Kennedy, 40 tuổi, không ra ứng cử, nên ông đương nhiên được các giới trẻ chấp nhận.

Với các biện-pháp cải-tổ mới, Đại-hội đảng Dân chủ năm nay không còn nằm trong tay của các lãnh tụ già nữa mà quyền quyết định được trao cho toàn thể các đảng viên. Phe lãnh-tụ thủ cựu trong đó có ông Humphrey, Muskie v.v... đã thành lập phong trào « Chặn Mc Govern » (Stop McGovern movement). Theo thông lệ thì chuẩn

ứng-cử-viên nào thắng trong cuộc bầu cử sơ khởi của một Tiểu-bang thì tất cả các đại-diện đảng của Tiểu-bang này phải bỏ phiếu cho chuẩn ứng-cử-viên đắc thắng tại Đại hội. Nhưng « Phong trào chặn Mc Govern » đòi huỷ bỏ qui-tắc này vì họ cho rằng Mc Govern đã thắng trong cuộc bầu cử sơ khởi ở Tiểu bang California với 44% số thăm thì ông chỉ được quyền có 120 đại diện trên tổng-số 271 đại diện của California mà thôi. Và để có đủ căn-bản pháp-lý « Phong trào chặn McGovern » còn đưa vấn đề ra trước Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ xin huỷ bỏ qui tắc này. Như vậy ta thấy ngay trước khi Đại-hội nhóm họp, các đảng viên Dân-chủ đã chia rẽ đến độ đưa nhau ra tranh tụng.

Vì Tối-Cao Pháp-Viện tránh né không chịu phán quyết nên vấn đề được đưa ra trước Đại-hội đảng cứu xét. Bằng 1.618,28 phiếu thuận và 1.238,22 phiếu chống Đại-hội quyết định cho phép ông McGovern được « hưởng trọn gói » tại California. Như vậy có nghĩa là ông được sự ủng-hộ của 271 đại diện đảng của Tiểu-bang California. Vì California là Tiểu-bang có số đại-diện đông đảo nhất nên ông McGovern đã làm cán cân lực-lượng ngã hẳn về phía mình. Thấy vậy ông Humphrey khóc tuyên bố rút lui, và kẻ đó là ông Muskie cũng buồn rầu không kém.

Một lãnh tụ lão thành bị phái trẻ quật ngã một cách nặng nề nhất là ông Richard Daley, Thị-trưởng Chicago. Tuy ông Daley nắm được 59 đại-diện nhưng đối thủ của ông là Alderman

William Singer, 31 tuổi, đã tố cáo là ông Daley vi-phạm luật cải - tồ Đại-hội nên ông Daley đã bị mất quyền bầu cử tại Đại-hội,

Cái khó khăn thứ hai của ông Mc Govern là ông không có một chính-sách nhất-định nên mỗi khi lời tuyên bố của ông bị phản đối thì ông lại trở cò. Thí dụ như về vấn đề tù binh Mỹ ở Việt nam, ô. McGovern tuyên bố với thân nhân các tù binh rằng ông sẽ "giữ nguyên lực lượng quân sự tại Thái-lan và trên mặt biển để buộc Bắc Việt phải phóng thích các tù binh", nhưng khi có 300 người chủ hòa đến biểu-tình trước khách-sạn của ông thì ông lại nói rằng : "Ông sẽ đóng cửa các căn cứ quân sự ở Á châu sau khi tù binh được phóng thích". Tuy muốn giảm thiểu chi phí quân-sự nhưng ông lại cùng một lúc đòi giữ nguyên lực lượng và ảnh-hưởng của Hoa-kỳ trên thế-giới.

Trong bài diễn-văn chấp nhận làm ứng-cử-viên ông McGovern có những luận điệu của một mục sư. Thật vậy thân phụ ông trước kia là một mục sư thuộc giáo Methodist. Nghe ông nói người ta có cảm tưởng như đọc Thánh-kinh nào là loại bỏ chiến tranh, nào là cho người đói ăn, chữa bệnh cho người đau, lấy của người giàu cho người nghèo. Tất cả những lời lẽ này không có gì mới lạ vì đã được những vị cha lập quốc của Hoa-kỳ đã xử dụng khi họ nổi loạn chống Anh-quốc vào thế-kỷ thứ 18.

Cái khó khăn thứ 3 của ông Mc-

Govern là ông không được Tổng Công-đoàn Lao-công AFL — CIO ủng hộ. Từ năm 1944 tới giờ, đây là lần đầu tiên mà các nghiệp-đoàn từ chối ủng hộ một ứng-cử-viên Dân-chủ. Sự không ủng hộ của Tổng Công-đoàn Lao-công đã chứng minh rằng tuy tự coi mình là một người theo khuynh-hướng xã-hội cấp-tiến ông McGovern không phải là một người bảo vệ giới lao-động.

Cái khó khăn cuối cùng mà ông McGovern còn gặp là việc ông chọn Thượng Nghị Sĩ Thomas Eagleton làm ứng-cử-viên Phó Tổng-thống. Một tháng trời sau khi được chỉ-định đứng cùng liên-danh với ông McGovern, ông Thomas Eagleton, Thượng Nghị sĩ Tiểu-bang Missouri, bị tố cáo là uống rượu, lái xe ẩu bị cảnh-sát bắt nhiều lần. Trầm trọng hơn nữa, ông Eagleton đã còn phải vào bệnh viện nhiều lần để chữa bệnh thần-kinh và rút cục lại là ông Eagleton phải rút lui khỏi cuộc chạy đua vào Bạch Ốc. Đây là lần đầu tiên mà người ta phải thay đổi ứng cử viên Phó Tổng-thống. Tìm người thay thế Eagleton là cả một sự vất vả cho ông McGovern vì các lãnh tụ lão thành như Muskie, Humphrey đều từ chối lời mời của ông McGovern.

Sau cùng tối 5-8, anh rể của Thượng Nghị-sĩ Kennedy, ông R.Sargent Shriver 56 tuổi, nguyên Đại-sứ tại Pháp đã nhận lời đứng chung liên danh với ông McGovern.

ƯU THẾ CỦA ỨNG-CỬ-VIÊN CỘNG-HÒA RICHARD NIXON

Ngay từ khi Đại-hội Đảng Dân-chủ bẻ mặt, các cuộc thăm dò dư-luận trong nước đã cho rằng ông Nixon sẽ thắng với số phiếu là 14% hơn ông McGovern. Ông Nixon trong cuộc bầu cử này đã có rất nhiều ưu-thế. Người ta thường ví cuộc bầu cử Tổng-thống năm 1972 giữa đương kim Tổng-thống Nixon và ông McGovern như cuộc bầu cử năm 1964 giữa đương kim Tổng-thống Johnson và ông Goldwater. Chắc chắn là năm 1972 cũng sẽ như năm 1964, vị đương kim Tổng-thống sẽ đánh bại đối thủ một cách hết sức vẻ vang. Tuy nhiên ông Nixon năm 1972 còn có nhiều ưu thế hơn ông Johnson năm 1964.

Trước hết ông Nixon đang giữ địa vị Tổng-thống. Trong lịch-sử Hoa-kỳ chỉ có một vị đương kim Tổng-thống bị thất cử là ông Hoover bị ông Franklin Rossevelt đánh bại năm 1932 mà thôi.

Không những vậy ông Nixon lại còn là một nhân vật nổi tiếng không những trong nước mà còn được cả thế giới biết tới. Hầu hết các quốc-gia trên thế-giới, kể cả các nước Cộng-sản, đều mong cho ông thắng cử. Thật vậy, đối với các quốc-gia đồng minh, ông Nixon được coi là một người bạn trung-thành trong khi ông McGovern không dấu dếm là ông sẽ giảm mức can thiệp của Hoa-Kỳ bắt đầu từ ngày mà ông bước chân vào Tòa Bạch-Ốc.

Các nước Cộng-sản đã cũng nói

với ông Nixon mở màn một giai-đoạn sống chung hòa bình nên họ muốn ông ngồi lại chính quyền để tiếp tục hợp tác với họ. Phe Cộng-sản nói rằng chính cái quá-khứ chống cộng của ông Nixon sẽ là một bảo đảm cho tương lai của sự hợp-tác giữa Hoa-kỳ và Thế-giới Cộng-sản. Thật vậy những hiệp-trúc hợp tác với các nước Cộng-sản do ông Nixon ký sẽ có nhiều hy vọng được Thượng-viện Mỹ chấp thuận hơn là các thỏa-ước do một nhân vật khả nghi như ông McGovern.

Về mặt đối ngoại, từ đầu năm 1972 tới nay ông Nixon đã liên tiếp thắng lợi khiến cho các đối thủ của ông phải chới với. Tháng 2-1972 ông sang Bắc-kinh, tháng 5-1972 ông sang Mạc-tur-khoa cả hai thủ-đô Cộng-sản này ông đều được đón tiếp nồng hậu như một người bạn chí thân. Ông đã tạo cho Hoa-kỳ một thế ngoại giao mạnh đến nỗi 3 tuần trước khi đi Mạc-tur-khoa ông đã không ngần ngại ra lệnh oanh tạc và phong tỏa Bắc-Việt mà chính phủ Mạc-tur-khoa vẫn không dám có một cử chỉ nào phản đối.

Trong trận chiến Việt-Nam ông Nixon tỏ ra có toàn quyền tự-do để hành động. Vừa tiếp tục phá vỡ các sư đoàn tinh nhuệ của Bắc-Việt vừa chấp nhận tái nhóm hội-đàm Ba-lê, ông Nixon lại còn phái ông Kissinger đi đi về về Paris, Bắc-kinh như người đi chợ để tìm một giải pháp thương thuyết. Trước cuộc bầu cử ở Hoa-kỳ chính quyền Hà-nội tỏ ra hết sức

lúng túng. Họ không biết có nên ủng hộ ông Mc.Govern hay không vì ông này nếu đắc cử sẽ rút quân Mỹ và chấm dứt chiến tranh bằng mọi giá. Họ cũng không biết có nên ủng hộ ông Nixon hay không vì ông Nixon chắc chắn thắng cử, nếu ủng hộ ông ngay từ bây giờ thì sau tháng 11 ông sẽ có đủ uy quyền để nhượng bộ Bắc-việt. Họ cũng không biết có nên bắt bí Nixon trong khi ông này đang vận động bầu cử hay không vì muốn kiếm phiếu, ông Nixon có thể sẽ chịu nhượng bộ tới mức tối đa để chấm dứt chiến tranh. Vì chưa có một thái độ rõ rệt, Bắc Việt tạm thời gây khó khăn cho ông Nixon bằng cách mở các mặt trận đại qui mô ở Quảng Trị, Kontum và An Lộc. Nhưng các cuộc tấn công này đã bị thất bại nên không tạo nổi ưu-thế cho phe Cộng sản tại Hội đàm Paris.

Ngay cả trong chính sách đối-nội mà người ta thường thấy các nhược điểm của ông Nixon trong 4 năm vừa qua, ông Nixon cũng đang cứu vớt được những thất bại cũ. Nạn lạm phát đã giảm xuống rất nhiều và đồng Mỹ-kim không còn bị đe dọa khủng hoảng nữa.

Vì chắc mình sẽ tái đắc cử nên ông Nixon cũng không tìm cách kiếm phiếu thêm bằng cách chọn một vị Phó Tổng-thống mới hấp dẫn hơn ông Agnew. Tuy ông Agnew bị nhiều người cho là quá bảo-thủ và vụng về, tuy đứng cùng liên danh với ông Agnew có cái nguy hại là mất phiếu giới trẻ, nhưng ông Nixon vẫn

cứ chỉ định ông Agnew ra đứng chung liên-danh đề cùng ông chia sẻ chính quyền thêm 4 năm nữa. Quyết định này bị nhiều người chỉ trích. Vì sang năm khi bắt đầu một nhiệm-kỳ mới, ông Nixon đã 60 tuổi. Với tuổi này nhiều sự bất trắc về vấn đề sức khỏe có thể xảy tới cho Tổng thống trong khi Phó Tổng-thống lại không đủ uy tín để nhận lãnh trách nhiệm.

oOo

Tuy hoàn toàn yếu thế, ông Mc-Govern vẫn mong đợi một phép lạ thứ 2 run rui cho ông đắc cử Tổng-thống. Tuy biết là sẽ thất bại, đảng Dân-chủ vẫn rầm rộ tung ra mọi phương-tiện tranh cử để cho chính thể dân chủ tiếp tục hoạt động và để tránh cho ông Nixon khỏi bị độc cử. Đó phải chăng là tinh thần trách nhiệm của các chính đảng và các lãnh-tụ tại những nước tự do. Mỗi người có một sứ-mạng và cương quyết làm tròn sứ mạng dù có bị thương tổn tới quyền lợi cá nhân. Mục đích chính là duy trì được những định-chế tự-do dân-chủ hiện-hữu.

TU MINH

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có: bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 64, 70, 81, 88, 92, 95).

Giá 23.000đ.

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ *hay cuộc tranh chấp quyền hành tại*

Trung-Hoa lục-địa

Đảng Cộng sản Trung quốc thành lập từ trước tới nay đã được một nửa thế kỷ. Nhưng một màn bí mật vẫn bao trùm những hoạt động của Đảng.

Không nói tới thời kỳ sơ khởi mà những người như Trần độc Tú, Lý Lập Tam, Trương Quốc Đào dần dần bị gạt ra khỏi vai trò lãnh đạo vì xu hướng hữu khuynh hay chủ trương sai lầm, ta chỉ kể từ thời kỳ « Vạn lý trường chinh », Trung Cộng đặt thủ đô cách mạng tại Diên An và ngôi sao của Mao Trạch Đông mỗi ngày một thêm sáng chói. Từ ngày đó đến nay, có rất nhiều lãnh tụ Cộng-sản hoặc bị thanh trừng một cách công khai, hoặc ra đi một cách lặng lẽ.

Ví dụ như trường hợp của Bành Đức Hoài, cựu Bộ - trưởng Quốc Phòng và cựu Tổng Tư lệnh chỉ nguyện quân Trung Cộng tại mặt trận Triều Tiên, đã bị hạ bệ vì có thái độ thân Nga (ngày nay cũng không ai biết số phận ông như thế nào), trường hợp của Bành Chân, cựu Thị-trưởng Bắc kinh, trường hợp của Đặng Tiểu Bình, Tổng Bí thư đảng S Trung-quốc, trường hợp của Lưu Thiếu Kỳ và gần đây trường hợp của Lâm Bưu vẫn còn bao trùm trong màn bí mật, không ai biết chắc ông còn sống hay đã tử nạn rồi.

Diễn hình nhất là cuộc tranh chấp giữa Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu

Kỳ là hai nhân vật nhất nhì ở Trung Cộng đã từng hợp tác với nhau suốt thời gian 30 năm trong tình đồng chí khăng khít. Ngày nay Lưu Thiếu Kỳ, tuy đã ngã ngựa, nhưng ảnh hưởng của ông không phải là không còn. Trong một thời gian khá dài, ông đã từng là một nhân vật lãnh đạo trong Bộ Chính trị đảng CS Trung Hoa trước khi leo lên chức vị tối cao « Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa » thay thế Mao Trạch Đông lui về giữ vai trò « Chủ tịch Đảng ». Chức vị này hiện nay vẫn còn bỏ trống. Đồng Tác Vũ chỉ quyền nhiếp mà thôi. Trong thời gian đó ông đã tạo nên một số vây cánh khá lớn ở trong các cấp bộ Đảng và Công đoàn. Chính ông đã viết ra cuốn sách: « Làm thế nào để trở nên một người cộng sản tốt », một khuôn vàng thước ngọc của tất cả các cán bộ cộng sản Trung Hoa và Á Châu. Một phần lớn chính vì ảnh hưởng lớn lao của Lưu Thiếu Kỳ, mà, muốn hạ bệ ông, Mao Trạch Đông với sự trợ giúp đặc lực của Lâm Bưu, đã thực hiện cuộc Đại Cách mạng Văn hóa, dùng thế lực bọn « Vệ binh đỏ » để quét sạch ảnh hưởng của Lưu trong tổ chức Đảng và các Công hội. Trong thời kỳ vệ binh đỏ làm mưa làm gió, các tổ chức đảng ở địa phương đều phải ngưng hoạt động và thanh lọc căn bản. Các tổ chức công đoàn ở các xí nghiệp cũng bị xáo trộn. Nhiều xung đột giữa công

nhân và vệ binh đỏ đã xảy ra. Tình trạng hỗn loạn đó chỉ chấm dứt vào năm 1969, khi Mao thấy rằng ảnh hưởng của Lưu đã bị quét sạch và còn phải khôi phục lại vai trò của Đảng trong quân đội và trong các ngành sản xuất. Sau Cách mạng Văn hóa, chỉ còn một mình đường lối của Mao về phương diện đối nội đối ngoại là đứng vững. Tất cả những tư tưởng tả khuynh, hữu khuynh khác như chủ trương hòa giải với Nga, chủ trương quyết liệt đến cùng với Mỹ, đều bị gạt bỏ.

Nhưng vụ Lâm Bưu, người kế vị của Mao, vừa xảy ra vào năm 1971, chứng tỏ là những lượn sóng ngầm vẫn còn rất mạnh. Chắc chắn là ở Trung-Cộng ngày nay vẫn còn rất nhiều người trong hàng ngũ đảng chịu ảnh hưởng của Lưu và muốn thực hiện một cuộc hòa giải với Nga, đem lại sự thống nhất trong hàng ngũ Cộng-sản quốc tế. Hiện nay Mao đã quá già. Những người kế nghiệp của ông có chắc giữ mãi được đường lối hiện tại không, nhất là Thủ-tướng Chu-Ân-Lai hiện là số 2 ở Trung-Cộng, vốn nổi tiếng là một con người khôn khéo, thực tế, và hay tìm những đường lối ở giữa, không quá lý tưởng và cứng rắn như Mao.

Có một điều người ta phải tự hỏi: Giữa Mao và Lưu không những cùng chung lý tưởng lại là bạn tranh đấu ngay từ khi còn trong bóng tối, đáng lẽ tình nghĩa phải sâu đậm lắm, tại sao lại có thể có những sự khác

nhau lúc đầu nhỏ nhặt sau mỗi ngày một xé to đẽ đến nỗi trở nên hai kẻ tử thù không muốn nhìn thấy mặt nhau nữa. Lưu ở tư thế thấp kém hơn đã bị bôi nhọ đến mất hết cả thanh danh, vợ con cũng bị làm nhục, riêng mình bị buộc tội là chó săn cho đế quốc và bọn xét lại Liên-xô. Vệ binh đỏ lại còn lên án ông là tay sai của Nhật-bản và Tưởng Giới Thạch. Đó là một điều sỉ nhục nhất cho một lãnh tụ Cộng-sản vào cỡ Lưu. Thế mà Lưu cũng đã làm bản tự kiểm thảo nhìn nhận những lỗi lầm của mình. Thái độ của ông có phải là một thái độ thành thật không hay chỉ là một thái độ tránh né để chớ bị một thời cơ thuận lợi hơn?

Muốn biết rõ, ta hãy thử tìm hiểu những sự khác biệt giữa hai nhà lãnh tụ Cộng-sản Trung-Hoa trong vài nét sơ lược dưới đây :

Ta có thể tóm tắt sự khác biệt giữa hai người liên quan đến 3 vấn đề :

— Lập trường đối với vai trò của công nhân và nông dân.

— Lập trường đối với vai trò của lãnh tụ và của quần chúng trong tổ chức đảng.

— Lập trường đối với Nga và sự phát triển theo mẫu Liên-xô.

Về điểm thứ nhất sự khác biệt giữa 2 nhân vật đã có ngay từ đầu. Thực vậy, lúc khởi thủy, Mao chỉ hoạt động trong giới công nhân trong một thời gian rất ngắn từ 1920 đến

1922, sau quay sang hoạt động cách mạng chủ yếu ở nông thôn. Còn Lưu thì vẫn gắn chặt hoạt động của ông với phong trào thợ thuyền.

Trong bản phúc trình Hồ-Nam 1927, Mao đánh giá vai trò cách mạng của nông dân đến 70₀/₀, chủ yếu là của bần nông, và chỉ cho giới thành thị và quân đội một giá trị bằng 30₀/₀. Trong khi đó thì Lưu, đúng theo truyền thống mác-xít, coi nông dân còn ấu trĩ và phải chịu sự lãnh đạo của thợ thuyền. Theo Lưu, muốn đưa Cách mạng tới thắng lợi, giai cấp công nhân còn phải liên kết và lãnh đạo nông dân. Theo Lưu, nông dân thường hay loạn động. Chỉ có công nhân là có kỷ luật và có thể thực hiện được những kế hoạch đề ra đến nơi đến chốn.

Sự khác nhau giữa 2 người càng rõ rệt từ sau cuộc thất bại 1927 (Quốc Cộng Liên hiệp tan vỡ), Lưu hoạt động bí mật ở thành thị, còn Mao thì lãnh đạo phong trào chiến tranh du kích ở nông thôn. Trong một bài diễn văn đọc ở Diên-an vào tháng 5-1944 trước đại diện các xí nghiệp, Lưu nói: « Trong số một triệu rưỡi nhân dân ở vùng biên khu, đa số là nông dân, chỉ có chừng 10.000 là công nhân thôi. Nhưng tương lai họ rất sáng sủa. Từ hàng ngàn năm nay, người nông dân vẫn không thay đổi. Tương lai sẽ ra sao? Số lượng nông dân sẽ càng ngày càng ít đi. Kỹ thuật tân tiến sẽ được áp dụng trong lãnh vực nông nghiệp. Rồi thì nông dân sẽ trở thành công nhân, lái máy

cày và sử dụng máy móc. Nông dân ở vùng biên khu ngày nay đang đóng một vai trò hết sức quan trọng vì lực lượng của họ rất lớn... Nhưng tương lai của giai cấp vô sản và của kỹ nghệ sẽ rất sáng sủa... »

Đó là những lời lẽ đúng theo khuôn mẫu của chủ nghĩa Mác-Lénine-Staline vì sự liên hệ giữa nông dân và thợ thuyền, giữa thành thị và thôn quê qua hai đường lối:

1. Nông dân có thể biến đổi thành công nhân khi được sử dụng máy móc.

2. Muốn tiến theo con đường đó, nông dân phải chịu sự lãnh đạo của thợ thuyền có kỷ luật hơn, đoàn kết hơn và do đó có tổ chức chặt chẽ hơn.

Mao cũng công nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân nhất là từ năm 1928 trở đi, nhưng những sự việc xảy ra trong khoảng 20 năm vừa qua chứng tỏ là ông không hẳn tin ở công thức đó với tất cả những hậu quả của nó.

Về vấn đề tổ chức Đảng và vai trò của nó, sự khác biệt giữa Mao và Lưu không những ở quan niệm về liên hệ giữa cấp lãnh đạo Đảng và quần chúng mà còn ở quan niệm về tổ chức. Lưu coi tổ chức là nguồn gốc của quyền hành còn Mao thì lại chú trọng nhiều hơn đến quyền lãnh đạo cá nhân.

Một thí dụ để chứng tỏ sự khác biệt đó:

Trong một diễn-văn về việc tự rèn

óc tổ chức và kỷ luật vào năm 1941 Lưu nói đại ý rằng mỗi đảng viên dù có khả năng, ảnh hưởng đến đâu cũng chỉ là một trong số hàng trăm ngàn đảng viên. Đảng viên đó phải tự đặt mình trong Đảng chứ không thể tự đặt mình ra ngoài hay ở trên Đảng để lãnh đạo. Ngay cả Mao Trạch Đông là lãnh tụ của toàn Đảng cũng phải phục tùng Đảng.

Một mặt khác, trong dịp mừng lục tuần đại khánh Staline (1942), Mao tuyên bố rằng mặt trận cách mạng và phản cách mạng cũng đều phải có lãnh tụ và có người chỉ huy và người chỉ huy mặt trận cách mạng chỉ có thể là Staline mà thôi.

Về quan hệ với Sô-viết, cả Mao lẫn Lưu trong các thập niên 1930, 1940 đều chấp nhận sự lãnh đạo của Liên xô. Sự khác nhau là ở chỗ Lưu có nhiều trực tiếp liên hệ với Nga hơn, nên hiểu rõ những vấn đề của Sô viết hơn và có lẽ cũng được Moscou tin nhiệm hơn. Staline có lẽ đánh giá ông còn cao hơn là Mao. Hai nhân vật có những quan điểm, hoạt động và cá tính rất khác nhau ngay từ khi bắt đầu hoạt động cách mạng, tại sao lại có thể hợp tác được với nhau trong một thời gian khá dài, vào khoảng 30 năm từ 1935 đến 1965. Trong những năm sau cuộc «Vận lý trường chinh» Mao đã đạt tới vai trò lãnh đạo tối cao, còn Lưu cũng trở nên một nhân vật tối quan trọng

trong đảng Cộng sản Trung Hoa. Hai nhân vật đó cần phải hợp tác với nhau để chống lại một nhân vật khác ở trong ban Bí thư là Trương Quốc Đào, một địch thủ rất nguy hiểm muốn tranh giành quyền lãnh đạo của Mao. Ngoài ra Mao còn phải chống lại một phe ở trong đảng gồm những người đã được huấn luyện ở Mạc Tư khoa do Hoàng Minh cầm đầu (1). Người có thể giúp Mao làm được công việc đó, không có ai khác hơn là Lưu Thiếu Kỳ vì Lưu là người được cơ quan Comintern tin cậy hơn.

Lưu đã giúp Mao trong cuộc vận động «Trung-quốc-hóa chủ nghĩa Mác» (1937-1942) để đưa Mao lên cương vị lãnh tụ toàn đảng. Tuy nhiên Lưu vẫn không chịu tôn sùng Mao một cách quá đáng. Ví dụ như khi nói đến vấn đề tổ chức và kỷ luật đảng, Lưu đề cao nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số mặc dầu đa số đó có thể không đúng. Khi kể những người phục tùng tổ chức Đảng, Lưu nhắc đến Lénine, Staline và chính mình mà không hề đề cập gì đến Mao.

Trong một bức thư gửi cho một người bạn, Lưu phàn nàn là cuộc vận động «Trung-quốc-hóa chủ nghĩa Marx» tiến hành chậm chạp vì có nhiều «đồng chí» không đọc được nguyên bản những tác phẩm của Marx Lénine (một phần nào ám chỉ Mao).

(1) Hoàng Minh hiện nay đang lưu vong ở Nga.

Trong cuộc vận động «chính đảng» năm 1942, có người nói đến «chủ nghĩa Mao Trạch Đông» cũng như đã nói tới chủ nghĩa Mac-Lê, Lưu đã sửa lại và chỉ dùng danh từ «tư tưởng Mao Trạch Đông». Danh từ này sau được phổ thông. Lưu đã giúp Mao củng cố vai trò lãnh-tụ và lý-thuyết-gia của toàn đảng. Lưu cho rằng đường lối của Mao phù hợp với đường lối của những người Bolchevik.

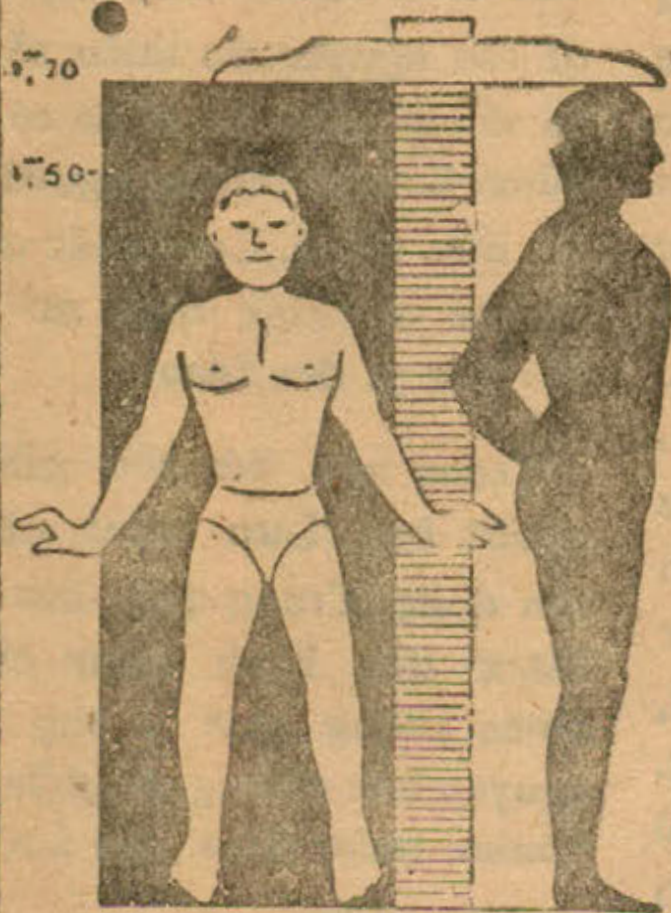
Còn những người tự xưng là Bolchevik (đệ tam quốc tế) chỉ là những người Menchevik (đệ nhị quốc tế) trá hình. Đó chính là điều mà Mao mong muốn để cho người Nga thấy rõ lập trường của ông. Và chỉ có một người có thể làm được việc đó là Lưu.

(còn tiếp 1 kỳ)

VIỆT PHƯƠNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CỨNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

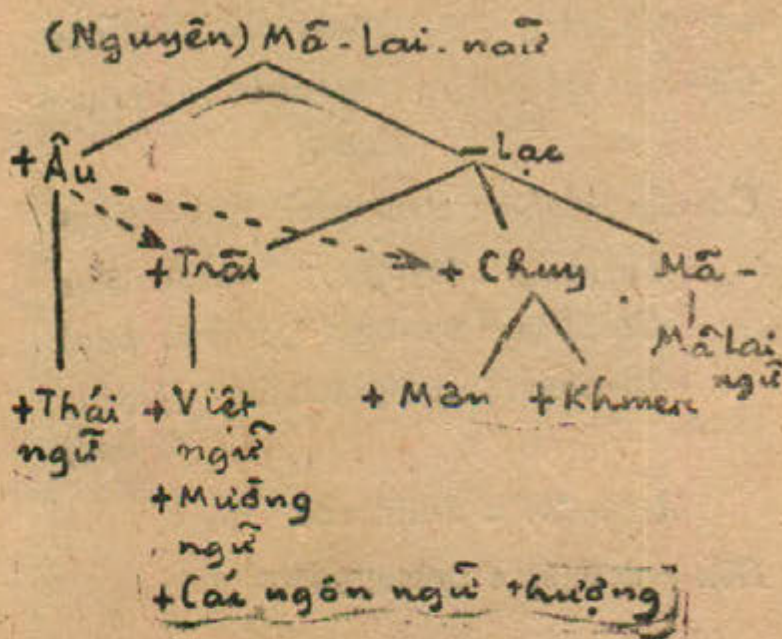
● VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ ●

Thượng thảo về từ-nguyên của hai tiếng « CÁI » và « CO N »

III.— TỪ-NGUYÊN CỦA TIẾNG CON: TIẾNG CON CỦA VIỆT-NGŨ KHÔNG PHẢI LÀ TIẾNG VAY-MƯỢN TỪ THÁI-NGŨ

Về tiếng *con*, như trong *con trâu*, *con gà*, *con quay*, *con sông*, tôi cũng nghĩ rằng tiếng ấy là một tiếng gốc của Việt-ngữ, có trước khi có sự giao-dịch giữa Việt-ngữ và Hoa-ngữ. Ý kiến này có một phần nào giống ý kiến của ông Bình-Nguyên-Lộc, vì ông Lộc cho rằng *con* có gốc trong « Mã-lai-ngữ ». Nhưng sự đồng-ý ngưng lại ở đây, vì tôi không chung một quan-niệm về « Mã-lai-ngữ, » và không nhận rằng tiếng *con* là một tiếng vay-mượn.

Giả-thuyết của ông Bình Nguyên Lộc là : Mã-lai-ngữ đã chia ra hai chi, là chi Âu tức Thái-ngữ, có tiếng *con* dùng làm danh-từ, và chi Lạc, không có tiếng *con*. Chi Lạc lại chia ra thành ba bộ, bộ Trãi, bộ Chuy, và bộ Mã. Bộ Trãi và bộ Chuy mượn tiếng *con* của chi Âu làm loại-từ còn bộ Mã vẫn không có tiếng *con*, Giả-thuyết này rất là đặc-sắc, và tôi xin ghi lại bằng sơ-đồ sau đây :



Sự chứng-minh của ông Bình-Nguyên-Lộc dựa vào việc phân-tích tự-dạng chữ *Lò* = Hán-Việt *Lạc*, về vấn-đề các bộ của dân-tộc mang tên này ; và dựa vào sự hiện-hữu cùng từ-tính của tiếng *con* trong bốn ngữ-tộc, điển-hình bởi Thái-ngữ, Việt-ngữ, Miên-ngữ và Mã-lai-ngữ.

Đứng về phương-diện phương-pháp thì tôi nghĩ rằng sự xây-dựng trên, mặc dầu rất đẹp, đã bị sai lệch vì đem chụp một giả-thuyết lịch-sử chưa đủ chứng-minh vào một công-trình khảo-cứu ngôn-ngữ. Sự khảo-cứu ngôn-ngữ phải được coi là một việc riêng-biệt và độc-lập từ khởi-thủy cho đến những kết-luận cuối-cùng. Chỉ khi nào đã đạt tới được những kết-luận tối-hậu rồi, thì mới so sánh được với những thành-quả của các khoa-học khác để làm nên một bức họa tổng-hợp mà thôi.

Sở dĩ phải làm như thế là vì sự

Chú thích : Liên-lạc thân-tộc trong ngữ-tộc Mã-lai, theo ông Bình Nguyên Lộc.

Ngôn-ngữ có tiếng *con* : có dấu + ;
không có *con* : có dấu -

lan-rộng của một hình-thức ngôn-ngữ không bắt buộc phải đi liền sát với những di-chuyển của các dân-tộc theo lịch-sử và địa-lí. Hơn nữa rất, có thể có sự trùng-hợp giữa một số tiếng trong hai ngôn-ngữ mà không hề có sự tiếp-xúc dân-tộc nào cả; chẳng hạn như, trên địa-hạt tự-vưng, sự giống nhau giữa *cut* [cət] của anh-ngữ và *cắt* [cət] của việt-ngữ, giữa *bad* của anh-ngữ và *bad* của ba-tư-ngữ (cùng nghĩa là «xấu»), giữa *I* [ai] của anh-ngữ, và *ai* [ai] «tôi» của khả-ngữ; giữa *mati* «mắt» của kim-hilạp-ngữ và nhóm *mắt* của việt-ngữ, *mata* của mālai-ngữ, *mota* của chàm-ngữ, *mig* của tibet-ngữ (1); giữa *char* [sar] của pháp-ngữ và các ngôn-ngữ ấn-âu, với *xa* «xe» của hoa-ngữ; giữa *ciel* của pháp-ngữ và *thiên* [t'ien] «trời» của hoa-ngữ; hoặc giả, trên địa-hạt ngữ-pháp và ý-nghĩa-học, sự phân-loại giữa *cái* (vật không-linh-động) và *con* (vật linh-động) trong việt-ngữ và bantu-ngữ (một ngôn-ngữ của thổ-dân Phi-châu.)

Nói một cách rất tổng-quát thì những vay-mượn trên bình-diện tự-vưng dễ có nhất và cũng dễ bị mất đi nhất; những cơ-cấu ngữ-pháp (2) (cú-pháp và từ-pháp) vững vàng hơn; vững-vàng nhất là những cơ-cấu âm-vị, và có lẽ cả những cơ-cấu ý-nghĩa tiềm ẩn trong toàn thể ngôn-ngữ nữa.

Rất có thể nêu lên giả-thuyết rằng tiếng *con* là một tiếng mà việt-ngữ đã mượn của một ngôn-ngữ nào khác. Lại rất có thể sự vay-mượn này đã làm

lệch nghĩa của tiếng *con* đi: chẳng hạn như trong thái-ngữ *con* là «người» mà trong việt-ngữ, *con* phần nhiều lại là một súc-vật. Nhưng thực rất khó mà quan-niệm được rằng *con*, « danh-từ », đã thành *con*, « loại-từ », vì chấp nhận điều ấy tức là phải chấp nhận rằng cái cơ-cấu ngữ-pháp và cơ-cấu ý-nghĩa (2) của việt-ngữ đã bị thay đổi một cách vô-cùng thâm-sâu và tuyệt-đối đặc-sắc bởi thái-ngữ. Hơn nữa, về phương-diện cơ-cấu, sự hiện-hữu của một « loại-từ » như *con* bắt buộc phải liên đới với sự đồng-thời hiện-hữu của một loại-từ như *cái* (hay X), hai loại-từ đối nghịch nhau, bổ túc lẫn nhau, và định nghĩa nhau. Tôi nói « liên-đới » (3) theo một ý nghĩa rất chuyên-môn trong ngữ-lí-học, là « hỗ-tương giả-thiết »: loại-từ *con* tiền giả thiết loại-từ *cái*, và đồng thời bị tiền giả thiết bởi loại-từ *cái*.

(1) Ngay cả sự trùng-hợp giữa *mắt* (việt-ngữ) và *mata* (mālai-ngữ) cũng là một sự-khien có một phần ngẫu-nhiên.

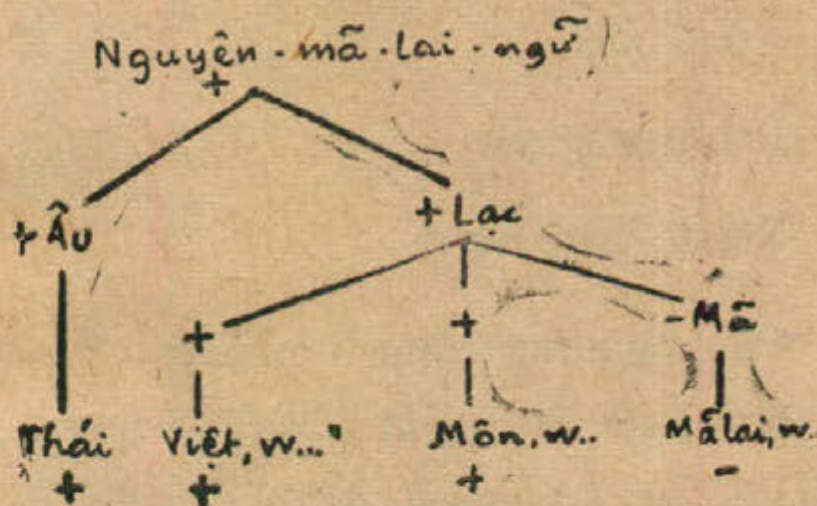
(2) Cơ-cấu âm-vị : structure phonologique
Cơ-cấu ngữ-pháp : structure grammaticale.

Cơ-cấu ý-nghĩa : structure sémantique
Tự-vưng : lexicque, vocabulaire
Cú-pháp : syntaxe (Hợp-từ-học)
Từ-pháp : morphologie (Dạng-vị-học)

(3) Liên-đới : Solidarité
Tiền giả thiết : présupposer

Bởi thế, nếu thực như ông Bình Nguyên Lộc nghĩ là có sự liên-lạc thân-tộc (1) giữa *con* trong thái-ngữ (2) (danh-từ, có nghĩa là « người »), và *con* trong việt-ngữ (« loại-từ », đối nghịch với *cái*), thì thân-tộc-tính này phải được đảo lại ; tiếng *con* của việt-ngữ đã được thái-ngữ mượn làm danh-từ (vì danh-từ là một phạm-trù chung của tất cả các ngôn-ngữ, và vì *con* cũng có thể là danh-từ trong việt-ngữ).

Trở lại với giả-thuyết của ông Bình Nguyên Lộc mà tôi đã mạn phép viết thành sơ-đồ như ở trên, tôi nghĩ rằng luận-lí-học còn cho phép một giả-thuyết khác, như sơ-đồ sau đây :



Nghĩa là : có tiếng *con* ngay từ nguyên-mã-lai-ngữ, và tất cả các ngôn-ngữ phát xuất từ nguyên-mã-lai-ngữ đều còn giữ tiếng *con*, trừ có mã-lai-ngữ đã mất tiếng ấy trong tự-vựng (và ngữ-pháp ?) của mình. Xây-dựng đối với xây-dựng, tôi xin trình bày cái giả-thuyết rất đơn-giản này, một cách thiếu tin-tưởng (3). Tuy nhiên, giả thuyết thứ hai vẫn dựa vào những sự-kiện ngôn-ngữ của giả-thuyết thứ nhất, đồng thời lại giảng giải được tại sao *con* lại chỉ là danh-từ với một

nội dung thu-hẹp trong thái ngữ.

Tiếng *con* trong việt-ngữ không những chỉ các con vật, mà còn chỉ những người nhỏ tuổi không phân biệt trai-gái, và một số vật có tính-cách linh-động trong nhân-sinh-quan của người Việt. Chẳng hạn như *con mắt*, *con người* và cơ quan sinh dục bên ngoài của người đàn-ông (4) ; một vài thứ đồ vật, như *con quay* (*con vù*), *con thuyền* ; và trong vài trường-hợp có một tiếng đồng-âm dùng loại-danh *cái*, để phân biệt vật linh-động và vật trùg tên không-linh-động, như *con cò*, *con chữ*, *con đường* (đối với *cái cò*, *cái chữ*, *miếng đường*). Trong trường-hợp *con cò*, *con xe*, *con pháo*... tiếng *con* có thể là do tiếng *quân* (hoa-ngữ), nhưng vấn-đề này cũng không có quan-trọng gì cả, vì cho là *quân* đi nữa, thì tiếng *quân* này cũng đã bị thu hút bởi tiếng *con*, mà *con* thì như ông Bình Nguyên Lộc đã chứng minh, là một tiếng gốc ở cò-việt-ngữ chứ không phải là ở hán-ngữ nhập tịch vào. Tôi hoàn-toàn đồng ý về điểm này.

- (1) Liên-lạc thân-tộc : Rapport de filiation
- (2) Ở vùng Victoria, Úc-châu, có những thổ-dân còn sống bằng sự nhật-vật, nói một ngôn-ngữ gọi là narrinyeri — ngữ. Ngữ này có tiếng *kon* : « người », nhưng không có một lí-do nào để nói rằng thái-ngữ và narrinyeri — ngữ có chung nguồn-gốc !
- (3) Tôi không nhận sự chung-nguồn của việt-ngữ và mã lai-ngữ, hoặc thái-ngữ, và chỉ nhận rằng đã có những sự vay-mượn giữa hai ngôn-ngữ.
- (4) Thơ Hồ Xuân Hương :

Chàng bảo chịu, thiếp rằng chẳng chịu
Thua thì thua, vẫn níu lấy con.

Nguồn-gốc của loại-danh *con* đặt tạm sang bên, còn có một số tiếng *con* khác, hoặc dùng làm danh-từ (như khi ta nói « có *con* » hay « nhỏ-*con* », hoặc dùng làm tính-từ) như trong chú bê *con*, cái lọ *con*.

Tôi không biết rõ từ-ngữ « nhỏ *con* » gốc-gác ở đâu. Về phương-diện ngữ-pháp, thì từ-ngữ này không khác gì « nhỏ tuổi », « nhỏ xương », « nhỏ giọng », « nhỏ cánh », « nhỏ hột », hay « lớn mặt », « dài hơi », v.v... Có lẽ từ-ngữ này rất mới, và tiếng *con* trong từ-ngữ là tiếng [cɔr] (*corps*) vay-mượn của pháp-ngữ. Sự biến-chuyển ngữ-âm [-r] → [-l] → [-n] là một sự biến-chuyển đã thực sự xảy ra trong dòng tiến-hóa của môn-khmer-ngữ với rất nhiều tiếng thuộc đủ mọi loại-từ của ngữ-pháp. Nhưng trong trường-hợp Pháp [kɔr] → Việt [kɔn] thì hình như là một trường-hợp độc nhất, đã thực hiện vì sự thu-hút của tiếng *con* trong việt-ngữ.

Còn các tiếng *con* khác đều là gốc môn-khmer cả.

— *Con* danh-từ, để chỉ lớp người thứ hai trong liên-hệ thân-tộc dọc, có những tiếng cùng-gốc trong nhiều môn-khmer-ngữ :

Mường *kon*, *kwon*; Mày, Rục, Khùa, Arem, *kon*

Khả *kuan*; Puộc, Tềnh, Xá-cầu *kon*; Xá-khao *kun*, *kuăn*, *kuan*

Mnong (Bunơr, Preh, Chil, Chrau, Gar, Kuang) đều nói *kon*

Rolom (cũng thuộc nhóm Mnong) *kon*, *kôn*, *kuan*

Srê, Stiêng *kon*

Sedang *kon*, *kodn*, *koadn*, *koan kuan*

Bahnar *koon*, *kon*, *kuan*

Jeh *kon*

Halăng *koan*

Pear *khen*

Kuy *kAAAn*

Mal *khuan*

Lawa *kuân*

Praok *kon*

Palaung *kuân*

Riang Lang *kuan*

Bảy ngữ sau cùng là những môn-khmer-ngữ ở ngoài cõi Việt-nam, rải-rác từ Lào sang đến Miến-điện. Các ngữ trên thuộc về các dòng môn-khmer ở Việt-nam. Tôi tái lập tiếng gốc ở nguyên-môn-việt-ngữ là [**kwan*].

— Còn *con*, tính-từ, với nghĩa là nhỏ-bé, rất có thể chỉ là một nghĩa nhánh của danh-từ *con* trên mà thôi. Mường-ngữ *kon*, Chrau-ngữ *ken*, là những tiếng cùng-gốc.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN NGỌC NINH

Bệnh tật và chữ nghĩa

Trong tác phẩm văn chương rất thơ mộng của Hoàng Ngọc Tuấn mang tên *Ở một nơi ai cũng quen nhau*, tôi bắt gặp một nhân vật không mấy tao nhã, tức Hùng-ghè-ruồi.

Quả thực, ở nơi này ai cũng quen nhau : Tôi với anh Hùng ấy rất nên tay bắt mặt mừng. Bởi vì tôi nhận ra ở anh một kẻ tri kỷ. Anh mang trên người nỗi bức mình mà tôi và nhiều bạn bè đã trải qua mấy năm hồi còn học ở Huế, ngày xưa. Trong các bạn ngày ấy, có người đã đem từ trong Quảng ra những toa thuốc gia truyền, nhưng vẫn không thoát nạn.

Chuyện cũ qua đã lâu. Bất ngờ hôm nay gặp lại cậu học sinh xứ Huế cùng lứa với mình hồi ấy, do một văn sĩ hào hoa dẫn đến : À, hóa ra đến bây giờ cái sự bức mình nọ vẫn còn đó, và đang quấy rầy anh bạn ; bây giờ đến lượt anh bạn chịu trận.

Vì sao chứng bệnh này quanh quần mãi ở địa phương này, chứng bệnh kia hoành hành tại địa phương kia ? Đó là chuyện y học. Anh bạn Hùng là một nhân vật của văn chương, anh chỉ khơi lên vài nghi ngại về một tiếng nói của dân tộc : Cái tiếng không tao nhã mà anh bạn đã mang lấy làm biệt danh.

Trong ngôn ngữ ta, ngoài tiếng thuần Việt, thành phần ngoại nhập sớm nhất và nhiều nhất là những tiếng gốc Hoa. Phải dùng đến tiếng người ngoài là vì tiếng ta bấy giờ còn thiếu ; tiếng còn thiếu là vì sự vật cần gọi tên, tư tưởng cần diễn tả hãy còn ít hơn của người : Bởi vậy việc phân biệt tiếng thuần Việt với tiếng gốc Hoa khiến chúng ta biết được đại khái cái trình độ sinh sống và kiến thức của dân tộc ta khi bắt đầu tiếp xúc với người Tàu.

Liên quan đến các bộ phận, cơ thể con người, ông Bình Nguyên Lộc có kê ra trong cuốn *Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt-nam* (trang 541) một danh sách 26 tiếng thuần Việt như : tóc, tai, lưng, bụng v.v. . Có lẽ, nếu muốn, ông còn có thể kéo dài danh sách thêm nữa, vì ai nấy đều biết hãy còn khá nhiều bộ phận khác được gọi bằng tiếng thuần Việt.

Nhưng dầu danh sách có được kéo dài gấp năm gấp mười thì những tiếng thuần Việt vẫn hãy còn dưới mức cần thiết để gọi tên đầy đủ các bộ phận cơ thể. Ngay từ khi vừa tiếp xúc với người Tàu, dân ta đã nhận thấy sự thiếu sót ấy, và đã mượn một số tiếng Tàu để xài : tủy, tinh, gan (do can), tim (do tâm), gân (do cân) v.v...

Một cái nhìn thoáng qua cho thấy đại khái các danh từ thuần Việt chỉ những bộ phận bên ngoài, danh từ

gốc Hoa chỉ những bộ phận bên trong cơ thể. Có lẽ khi đôi bên biết nhau thì người Tàu đã có những kiến thức sâu xa hơn chúng ta về cơ thể : ta thấy những cái dễ thấy vì phơi bày ra ngoài, họ thì còn biết cả những thứ ở tận trong kia. Kiến thức của ta đến *da* đến *thịt*, của họ đến *sợi gân* ; của ta đến cái *xương*, của họ thì đã đến *chất tủy* v.v...

Trong khi không có sách vở nào ghi lại trình độ hiểu biết của chúng ta về nhân thể vào những thời xa xưa, thì có lẽ các tiếng thuần Việt ấy có thể xem là một bằng chứng. Bởi vì một khi chúng ta đã biết đến một bộ phận nào, đã đặt ra tiếng để gọi nó, thì dù cho về sau, khi tiếng Tàu du nhập, có kẻ thích xài ngoại ngữ, tiếng thuần Việt vẫn cứ còn đó mãi mà không bị mai một : *thái dương* không làm mất *màn tang*, *cốt* không làm mất *xương*, *huyết* không làm mất *máu*, *yết hầu* không làm mất *cuống họng* v.v... Tiếng thuần Việt còn lại như một kho tài liệu để đánh dấu cái trình độ kiến thức của chúng ta hồi còn biệt lập với người Tàu. Đánh dấu trình độ, ngoài ra dường như còn có thể gợi những suy nghĩ về chiều hướng tư tưởng của ta, về ít nhiều đặc điểm trong kiến thức của ta.

Chẳng hạn có những bộ phận nằm hẳn bên ngoài, ai cũng có thể thấy được, thế mà ta không có tên gọi, phải mượn tiếng Tàu : cái *nhân trung*, cái *hồ khẩu* v.v... Quan niệm về tướng số, về y lý khác nhau của mỗi dân

tộc đã khiến người Tàu chú ý đến những chỗ ta không chú ý.

Lại chẳng hạn tại sao cùng là bộ phận nằm bên trong mà những món nằm ở hạ bộ được ta biết và gọi đích danh khá nhiều, nào là *lá mía*, *lá lách*, *mật*, nào là *trái cật*, *ruột non*, *ruột già*, *bong bóng*, *con trê* v.v... ; trong khi ấy có những bộ phận nằm ở phần trên cơ thể, thật lớn, choáng một khoảng thật rộng, mà ta lại làm ngơ không biết đến, phải chờ người Tàu nhắc cho, như *phổi* (do *phế*), *tim* (do *tâm*) ? Tại sao có cái chiều kiến thức hướng hạ ấy ?

oOo

Nếu lấy tiếng thuần Việt làm căn cứ tìm hiểu vốn kiến thức xa xưa của dân tộc, thì thấy rằng sự hiểu biết về cơ thể của chúng ta bấy giờ dường sao cũng phong phú hơn là về bệnh tật nhiều lắm.

Tiếng thuần Việt chỉ về bệnh tật thật nghèo.

Từ những chứng bệnh thông thường nhất cho đến những chứng bệnh nguy hại nhất, phần nhiều đều mang tên Tàu : *cảm*, *thương hàn*, *ban*, *thở tả*, *lao*, *cam tích*, *dịch hạch*, *lậu*, *trĩ*, (phát) *phì*, (lên) *đậu*, (mắc) *dịch* v.v... Người ta có cảm tưởng trước khi Tàu đến, ta chưa biết gì bao nhiêu về bệnh tật, chưa biết đích xác, chưa gọi được tên... Ta nói *đau đầu*, *đau bụng* v.v..., cũng như nói *đau đá*, *đau ỉa* v.v..., nghĩa là nêu lên cảm giác khó chịu khá mơ hồ, không phân biệt cái «đau» bất thường,

bệnh hoạn, với cái «đau» vô hại.

Ngay giữa tiếng *đau*, tiếng *ốm* của ta với tiếng *bệnh* của Tàu đã có sự khác biệt sâu xa. Đề diễn tả ý thọ bệnh, người Trung và Nam dùng tiếng *đau*, người Bắc dùng tiếng *ốm*. *Đau* vốn chỉ thị một cảm giác, nó đồng nghĩa với chữ *thống* của Tàu. Còn tiếng *ốm* thì ở Trung Nam có nghĩa là gãy. *Đau*, *ốm*, *gãy*, đều chỉ nêu lên những cảm giác và tình trạng của người bệnh, những biểu hiện của bệnh, chứ chưa thực đúng là bệnh. Dùng những tiếng ấy, ta chỉ kịp nhận ra mấy dấu hiệu cụ thể, ta chưa đạt tới một ý niệm tổng quát về bệnh, nói gì đến sự phân biệt tinh vi giữa *bệnh*, *tật*, *chứng* v.v... (toàn những tiếng gốc Hoa).

oOo

Vì ta xài nhiều tiếng gốc Hoa đề chỉ bệnh tật cho nên gặp được tiếng thuần Việt nào có thể ngờ rằng tiếng đó chỉ những chứng bệnh hoặc đã xuất hiện sớm nhất trong cở thời ở xã hội ta, hoặc hoành hành tác hại nhiều nhất ở ta, khiến được đặc biệt lưu ý. Chẳng hạn chứng ho, bệnh cùi, hủi, bệnh hen, bệnh sốt rét v.v.

Sốt rét là một trường hợp khá đặc biệt. Ta không dùng tiếng *ngược* của Tàu, có lẽ vì khi người Tàu đem danh từ đó sang thì dân ta đã quá quen thuộc, quá rành rẽ về chứng bệnh và tên gọi sốt rét.

Ở Trung và Nam không có tiếng *sốt* cũng không có tiếng *rét*, vậy nếu

bệnh chỉ có tên *sốt rét* có thể là nó xuất hiện trước tiên ở miền Bắc. Nhưng không phải vậy Danh từ *sốt rét* được phổ biến rộng rãi khắp nước và trở nên tên gọi chính thức của bệnh nọ có lẽ chỉ vì ngôn ngữ miền Bắc sớm có ưu thế trong văn chương sách vở, báo chí toàn quốc. Thật ra, trong dân chúng miền Trung một tiếng khác vẫn còn thông dụng: *bình*. Nơi thì gọi *sốt rét*, nơi lại gọi *bình*, nơi cho là *ngã nước*, nơi lại bảo *chống nước*, làm *cữ* v.v..., chứng bệnh nọ có lẽ được dân ta bắt gặp đồng thời ở nhiều miền khác nhau và dành cho khá nhiều quan tâm.

Nhưng chắc chắn mối quan tâm lớn nhất của dân tộc vẫn dành cho chứng bệnh của anh bạn Hùng.

Ghẻ là tiếng thuần Việt. Chúng ta không cần sự giúp đỡ của người Tàu, tự mình thừa sức hiểu biết về chứng bệnh nọ. Bảo «thừa sức», bởi vì chúng ta có cả một kho danh từ liên quan đến vụ *ghẻ*, chưa chắc Hoa ngữ đã phong phú bằng.

Ta phân biệt *ghẻ* với *chốc*, với *mụn*, với *nhọt*, với *lác*, với *gìori*, với *sài*, với *đẹn*, với *mề đay*, với *chùm bao*(1) Ta phân biệt ra bao nhiêu là thứ *ghẻ*: *ghẻ nước*, *ghẻ ngứa*, *ghẻ tàu*, *ghẻ bọc*, *ghẻ phỏng*, *ghẻ hờm*, *ghẻ ruồi*, *ghẻ cóc*, *ghẻ cái*, *ghẻ đen*, *ghẻ khoét* v.v.. Ta có bao nhiêu tiếng đề diễn tả những

(1) Ông Bình Nguyên Lộc cho là do tiếng Miên *Dom bau au* (Lột trần Việt ngữ. Nguồn xưa xuất bản, 1972, trang 282)

việc liên quan đến ghê : *ngứa, gãi, nặn* (mủ)v.v..., đề theo dõi chứng bệnh : *sưng, lở, loét, sẹo, rưng, rần, mưng, nung* (mủ), *cái kèn, cái còi, mạch lươn* v.v... Tất cả đều là tiếng thuần Việt.

Cái kiến thức mênh mông như thể của chúng ta về ghê khiến ý kiến của bác sĩ Trần ngọc Ninh cho rằng ta dạy tiếng *giỏi* cho Tàu(1) hấp dẫn hơn ý kiến ngược lại của giáo sư Lê ngọc Trụ. Về cái "vụ" này, ta còn phải học ai ?

Mớ danh từ phong phú xung quanh tiếng *ghê* không chứng tỏ tính cách nguy hiểm của bệnh ấy hay mối lo hãi đối với nó trong xã hội ta thời trước. Dữ dằn như sư tử mà không được ta đặt tên cho, vì nó xa lạ. Đến như cạp, voi v.v.. cũng chỉ có cái tên và một ít tiếng đề mô tả. Còn con gà thì địa vị của nó trong ngôn ngữ dân tộc quan trọng hơn gấp trăm lần,

Xung quanh cái lông, cái cựa v.v... của nó, bao nhiêu là danh từ. Từng cú đá, từng ngón đòn của nó, từng chứng bệnh của nó đều có tên. Nguyên những tiếng liên quan đến mổ vảy đóng trên chân nó, không phải tay chơi gà nhà nghề khó lòng nhớ cho hết. Như vậy giành được ưu tiên trong ngôn ngữ không phải là những vật lớn lao, nguy hiểm, đáng sợ đáng lo, mà là con vật gần gũi. Gần tầm tay, mật thiết với cuộc sống thường nhật, thì thu hút được sự bận tâm của ta, sự bận tâm ấy phản ánh trong ngôn ngữ.

Vậy "ghê" là một cái gì thân cận mật thiết như thế trong cuộc sống cổ thời ở ta chăng ? Anh bạn Hùng đã đau đúng niềm đau của dân tộc nghìn xưa chăng ?

VÔ PHIẾN

(1) Thương thảo về từ nguyên của hai tiếng "cái" và "con". *Bách Khoa* số 374 ngày 18-1972.

Sách Tử-vi đáng tin cậy ; Lê Thanh Thái giới thiệu :

Các bạn đã lập được Lá-sổ, muốn tự giải đoán lấy.

Các bạn đã biết giải đoán nhưng thiếu tài liệu chính xác.

Nên mua ngay :

TỬ-VI ĐẦU SỐ THỰC HÀNH

của LƯƠNG-QUỚI-NHƠN

TỬ-VI THỰC HÀNH

của DỊCH-LÝ HUYỀN-CƠ

Có phương pháp dạy lập CỤC, an sao Tử-Vi, và Phú Ma-Thị, Trần-Đoàn. Đặc biệt có bài giải đoán Tử-Vi của cụ Lê-Quý-Đôn soạn bằng văn vần.

Do nhà sách Khai-Trí, 62 Lê-Lợi, Saigon phát hành.

Một vài nhà tiên-phong trong ngành giải-phẫu

L.T.S. Trông trận đánh Ba Tơ, Quảng Ngãi hồi đầu tháng 6/72 vừa qua, một binh sĩ ĐPQ bị bắn trúng một trái M.79. Trái đạn lọt qua tròng mắt nhưng không nổ và nằm kẹt phía trên hốc xương quai hàm. Muốn cứu bệnh nhân, trái đạn phải được lấy ra, nhưng theo các chuyên viên đạn dược thì trái đạn có thể phát nổ khi y sĩ giải phẫu. Do đó, các y sĩ đã được khuyến không nên giải phẫu bệnh nhân hoặc giải phẫu thì nên thực hiện với các phương tiện đặc biệt để phòng ngừa tai nạn xảy ra. Với tư cách Trưởng khu Ngoại thương Tổng Y-viện Duy Tân Đà-nẵng, bác sĩ Phạm Văn Lương đã bác bỏ các ý kiến trên và quyết định đích thân giải phẫu cho bệnh nhân mà không cần xếp bao cát để phòng vệ. Kết quả, sau hơn hai giờ đồng hồ, trái phóng lựu M.79 đã được lấy ra và bệnh nhân được cứu sống. Sau cuộc giải phẫu hi hữu trên, bác sĩ Lương đã được mời trình bày về lịch sử của ngành giải phẫu. Bài báo đăng sau đây là bài nói chuyện của Bác sĩ Phạm Văn Lương trong dịp đó.

Cũng nên ghi thêm để bạn đọc rõ, bác sĩ Phạm Văn Lương cũng là người đã cầm lựu đạn mở chốt ở Hạ-viện đêm 9-12 năm 1970 để chống tham nhũng và thối nát mà báo chí hồi đó đã nói đến rất nhiều.

Năm 1964 lúc mà nước nhà đương ở trong một tình trạng vô cùng bi đát gần như vô Chánh-phủ. Thượng-tọa Thích-Giác-Đức trong một cuộc diễn thuyết tại trường Đại-học Văn-khoa Saigon đã nói đại-ý như sau : Bây giờ tôn-giáo nào, đảng phái nào, cá nhân nào, tập thể nào cũng đều nhắc đến lịch-sử 4000 năm văn-hiến, lịch-sử 1000 năm đánh giặc Tàu, một trăm năm đánh giặc Tây, sự-kiện này chứng tỏ rằng tình trạng nước nhà hiện tại không mấy sáng sủa bởi vì khi người ta không tìm thấy cái gì đẹp trong hiện tại thì người ta quay về với quá khứ vàng son để tự an ủi.

Tình trạng Khu Ngoại thương tại Tổng Y-viện Duy-Tân cũng vậy. Chúng tôi ở xa thủ-đô, thiếu sách, thiếu thầy, thiếu phương-tiện, do đó không thể nào hy vọng tìm kiếm ra điều mới lạ và vì vậy chúng tôi đành mượn cái hào quang của các nhà tiên-phong trong ngành giải-phẫu để tự an ủi mình.

Nói về những nhà tiên phong trong ngành giải-phẫu còn thêm một lợi ích nữa là thấy được những gương hy-sinh tận tụy, những sự chiến đấu gian lao của những vị tiên-bối đã trăm cay ngàn đắng để đem lại cho chúng ta ngày nay cảnh « lưỡi dao

giải-phẫu chinh phục tất cả những vị-thánh của những vị-thánh dù là tim não hay tủy sống « (le bistouri fait la conquête de tous les saints des saints, qu'il s'agisse du coeur, du cerveau ou de la moelle épinière).

Ngành giải-phẫu nói riêng, ngành Y-học nói chung đã có từ khi có loài nười, do đó mà bàn về một vài nhà tiên-phong trong ngành giải-phẫu như đề-tài hôm nay đã giới-hạn, cũng là cả một vấn đề vì không biết lấy khoảng thời gian nào làm mốc : lấy Adam, Hypocrate, Hoa-Đà hay Mukerji. Đó là chưa kể những nền văn minh đã chôn vùi mà chúng ta chưa biết. Vì vậy tôi đành phải theo Bertrand Gosset : « Lịch sử của ngành giải-phẫu là lịch sử của vài trăm năm gần đây. Ngành giải-phẫu bắt đầu năm 1846 với sự khám phá của chất mê-túy làm cho cuộc giải-phẫu không đau. Tất cả những gì xảy ra trước năm 1846 chỉ là đêm tối của ngu dốt và đau đớn, chỉ là sự sờ lằn mơ hồ trong u mê. Nhưng lịch sử của vài trăm năm gần đây cũng đã là một khám phá kỳ thú nhất mà nhân loại được biết. »

Mặc dù đã dùng năm 1846 như là cái mốc cho vấn đề, tôi cũng không thể không nói qua một vài nhà khai phá trước năm 1846. Nhà khai phá đầu tiên mà tôi muốn nói đến là Mac Dowell. Mac Dowell là học trò của John Bell, người thầy đã dạy cho Mac Dowell biết rằng : « Không ai có thể cắt được các bấu bên trong, dù là bấu tử cung, bao

tử, gan, túi mật, lá lách hay ruột non. Thượng-đế đã đặt biên-giới đó cho các nhà giải-phẫu, ai vượt qua là một kẻ sát nhân ».

Những lời thầy dạy hiện rõ trong óc của Mac Dowell khi, vào ngày 17-12-1809, ông ta đứng trước một bệnh nhân bị bấu buồng trứng và đang rên la quằn quại. Người bệnh này còn thúc giục Mac Dowell : « Hãy lấy cục đó ra đi, cắt đi, tôi thừa sức chịu đau mà. » Mac Dowell biết bệnh nhân thừa sức chịu đau nhưng vấn đề không phải chỉ đơn-giản có vậy, vì lần này là lần đầu Mac Dowell có ý vượt qua ranh-giới trời định mà không muốn trở thành kẻ sát nhân. Do đó ông ta phải lưỡng lự cân nhắc. Nhất là trong khi ông ta đang sửa soạn mổ trong nhà ông ta thì bên ngoài quần chúng hay được, đến gõ cửa đòi treo cổ tên sát nhân tàn nhẫn sắp giết người.

Quần chúng lá : « Tổng cổ nó ra trước khi nó giết chết bà ta ». Cũng may là ông Quận-trưởng đã can thiệp kịp thời để cứu sống cả hai người...: bác sĩ và bệnh nhân.

Kết quả cuộc giải phẫu đầu tiên này là bệnh nhân đã bình phục lại sau 20 ngày điều dưỡng. Nếu qui vị lùi lại 1809, thời kỳ chưa có thuốc mê, chưa có quan niệm sát trùng, chưa có trụ-sinh thì mới thấy sự quả cảm và ưu tư của nhà tiên-phong Mac Dowell. Bốn năm sau tức là vào năm 1813, Mac Dowell thành công một lần thứ hai nữa nhưng mãi đến

năm 1816, sau lần thành công thứ ba ông mới viết một bài tường trình về công việc của ông gửi cho các thầy. Nhưng việc làm của ông quá táo bạo và vượt thời-gian cho nên không ai theo kịp.

Nhà tiên-phong thứ hai mà tôi muốn nói đến là Civiale ở Pháp. Trong thời-kỳ mà bệnh sạn là một thứ bệnh thường đem lại sự đau đớn, chết chóc, tàn tật cho các bệnh nhân bởi vì các bác sĩ thường đề cõ con bệnh ra, rồi không có thuốc mê gì cả hay là chỉ vài giọt thuốc phiện, một điều xì-gà nhét vào đít, lấy dao rạch hội - âm (périnée) thò tay vào móc sạn ra và như thế là xong, sau đó bỏ mặc bệnh nhân cho số phận, nghĩa là cho sự viêm bàng-quang, mạch-lươn bọng đái... Trước sự tàn bạo và đẫm máu đó, Civiale cố tìm một phương-pháp êm đềm hơn để chữa bệnh sạn. Thực ra Civiale đã khai thác và áp dụng ý-kiến của một giáo-sư người Đức tên là Gruithuisen. Ông này ngoài y-học còn chuyên về hóa-học nữa, do đó ông định dùng chất hóa-học để làm tan sạn trong bọng đái và muốn vậy ông phải làm sao lấy ra được miếng sạn để thí-nghiệm. Ông dùng một ống tròn đút vào ống tiêu của các xác chết có sạn trong bọng đái, trong ống tròn ông ta đặt vào cái dây kềm tận cùng bằng một cái móc, khi cái móc đụng viên sạn ông ta kéo mạnh dây kềm và đem ra một miếng sạn. Với ý - kiến đó Civiale bèn nghĩ ra cách giữa các viên sạn trong bọng đái cho tan ra

thành từng mảnh nhỏ rồi đem ra r-gỏi. Trong 5 năm liền Civiale đã thí nghiệm trên bản thân mình và trên các xác chết trước khi đem áp dụng và thành công trên bệnh nhân. Nhưng sự thành công nào dù lớn dù bé cũng làm cho một số người ganh ghét và sau đây là lời của Civiale : « Gần hai mươi năm nay, tôi đã chữa hằng ngàn bệnh nhân và mặc dầu vậy vẫn phải chiến đấu hàng ngày cho phương-pháp của tôi. Trong những ngày đầu, Dubois, một nhà sản-phụ-khoa danh tiếng, đã cho tôi là một thằng điên nhưng điều này không cấm ông ta tìm đến tôi khi ông ta bị sạn. Sanson thì thích lấy sạn xuyên qua trực tràng nên không ngót mặt sát tôi, nhưng đến khi ông ta đau thì ông lại tìm đến tôi chứ không dùng phương pháp đẫm máu của ông ta ». Civiale là một nhà tiên phong của ngành giải phẫu mới, ông ta khám phá và hoàn thành một phương - pháp chữa bệnh sạn thường làm chết người, một phương-pháp mà cho đến ngày hôm nay, nhờ sát trùng, mà việc lấy sạn bằng đường trên đã trở thành thông dụng và đã làm mất đi sự kinh hoàng của quá khứ, vẫn còn được áp-dụng trong một vài trường-hợp với những dụng-cụ tinh-vi hơn.

Sau khi đã nói qua về hai « diện » là Mac Dowell và Civiale, bây giờ tôi xin đi thẳng vào « điểm » tức là sự khám phá ra chất mê-túy. Điều cần nhấn mạnh ở đây là người khám phá ra không phải là một y-sĩ mà là



một Nha-sĩ : Horace Well. Chúng ta biết rằng vào năm 1800 nhà Hóa học người Anh Humphrey Davis đã làm cho chính ông ta bớt đau răng bằng cách hít hơi Protoxide d'azote. Ông ta viết : " Nếu dùng Protoxide d'azote với liều lượng khá mạnh có thể làm hết đau, do đó chúng ta có thể dùng trong những cuộc giải-phẫu lớn ". Không ai để ý đến nhận xét của Davis và chính ông ta cũng không đào sâu vấn-đề.

Năm 1842, Bác sĩ Long đã cho bệnh nhân ngửi "éther" để xẻ mụt cho khỏi đau. Ý-kiến này là do bệnh nhân của ông gợi ra. Nguyên do là thường ngày, mỗi lần xẻ mụt, Bs. Long đều cho bệnh nhân uống rượu cho thật say để khỏi đau, nhưng đến phiên ông Venable, ông này thay vì uống rượu thì ngửi éther mỗi ngày, cho nên Bs Long nghĩ rằng nên cho Venable ngửi éther thì hơn, và kết quả cuộc giải phẫu đã rất mỹ mãn, nhưng Bs. Long không bao giờ nghĩ rằng mình vừa khám phá ra một điều có tầm quan trọng quốc-tế.

Việc khám phá ra chất mê-túy tuy được chính-thức nhìn nhận vào năm 1846 nhưng thật tình đã manh-nha từ tháng 12 năm 1844. Ngày 10-12-1844, trong một buổi trình-diễn "khí cười" (gaz hilarant) Horace Well nhận thấy có một người sau khi ngửi "khí cười" đã chạm mạnh cẳng chân vào bàn làm gãy xương tibia mà không thấy đau đớn gì hết. Từ nhận xét này Well đi đến kết-luận : chất « péroxide d' azote » có thể làm cho bệnh

nhân hết đau khi nhò răng hay giải-phẫu. Đêm đó Well không ngủ được, đánh thức các cộng-sự-viên dậy và cho hay ý-kiến của mình. Tất cả đều tin-tưởng vào sự khám phá của Well. Hôm sau, đích thân Well ngửi khí gaz hilarant để thí - nghiệm nhò răng cho chính mình mặc dù răng không đau và cuộc thí nghiệm thành công. Sau nhiều lần thí nghiệm khác, tin tưởng ở sự khám phá của mình, Well tìm đến trường Đại-học Harvard để chứng minh cho giáo-sư và sinh-viên thấy. Vì không quen ai ở trường này cho nên Well phải nhờ Morton, người học trò cũ, làm trung-gian để gặp giáo-sư giải-phẫu Warren mà châm-ngôn là : " dao và đau không thể xa nhau được » (*cou-teau et douleur sont inséparablement unis*). Cũng chỉ vì quan-niệm như vậy cho nên Warren, khi giới thiệu Well với sinh viên, đã nói thẳng những lời như sau : " Có một người nào đó tự cho là mình đã khám phá ra một chất nào đó làm cho hết đau trong khi mổ. Ông ta nói chuyện với các anh. Nếu có ai trong các anh thích nghe thì nghe ».

Rủi cho Well là bệnh nhân của ông ta đem ra thí-nghiệm hôm đó là một người nghiện rượu và mập cho nên cuộc thí nghiệm đã thất bại. Các sinh-viên la ó cho ông ta là lường gạt và đuổi ông ta ra về. Sự thất bại này đã đưa Well đến chỗ tự sát và đưa Morton đến thành công vào ngày 16-11-1846 cũng tại Y-khoa Đại-học Harvard với sự chứng-kiến của giáo sư Warren.

Ngày 19 tháng Giêng năm 1847 giáo sư Simpson đã cho sản-phụ ngửi éther sulfurique để cho đỡ không đau. Tuy nhiên vì éther sulfurique khó ngửi và làm cho sản-phụ hay sặc cho nên hai ông bà Simpson đã tự mình ngửi hàng trăm thứ khí khác nhau tìm ra một thứ khí thích hợp hơn cho sản-phụ. Cuộc thí nghiệm kéo dài cho đến ngày 4-11-1847 Simpson mới thành công với chất Chloroforme. Nhưng như trên tôi đã nói sự thành công nào cũng gây ra nhiều ghen ghét. Các Y-sĩ và các linh mục đã đem kinh thánh ra tấn công Simpson. Trong kinh-thánh có viết : « Mày sẽ phải chịu đau đớn khi sinh nở » (Tu enfanteras dans la douleur). Để trả lời Simpson cũng lại viện dẫn kinh-thánh : « và thượng đế làm cho người đàn ông ngủ say và lấy một xương sườn » rồi Simpson viết tiếp « và xin lỗi Thượng-đế đã cho phép dùng Chloroforme ». (1)

Trên đây tôi có nói đến «điềm» của bài thuyết-trình hôm nay là sự khám phá ra chất mê-túy nhưng sự-thực thì cũng như cuộc chiến hiện tại không biết đâu là «điềm» đâu là «điện». Bởi lẽ nếu sự khám phá ra chất mê-túy của Horace Well và Morton là điều quan-trọng thì sự khám phá ra vi-trùng và cách truyền-nhiễm của vi-trùng cũng quan trọng không kém.

Một điều bí hiểm là người khám phá ra cách truyền-nhiễm vi-trùng đã phải chết vì sự khám phá đó bởi không ai chấp nhận. Trong khi đó thì Bác sĩ Michaelis sau khi đọc

phúc-trình của Bác sĩ Ignas Semmelweis đã tự tử vì thấy mình giết người quá nhiều do sự ngu dốt của mình.

Ignas Semmelweis người Hung-gia-loy, sau khi tốt-nghiệp Đại học Y-khoa, được bổ nhiệm vào làm Bảo-sanh-viện Vienne. Một Bảo-sanh-viện rất nổi tiếng... vì có nhiều sản-phụ chết do bệnh sốt sản-hậu. Bảo-sanh-viện gồm có hai trại. Một trại do sinh-viên trông coi và một trại do nữ hộ-sinh trông coi. Ignas nhận thấy số sản-phụ chết ở trại do sinh-viên trông coi cao hơn ở trại nữ hộ-sinh trông coi, mặc dù hai trại nằm gần nhau và những người nhập viện cũng có hoàn cảnh giống nhau. Vì vậy sự khác biệt về tỷ-lệ chết chóc làm cho Ignas không hiểu nổi. Ông đem bàn với Giáo sư Giám-đốc nhưng ông

(1) Nhưng lý thú nhất là cách trả miếng của Simpson đối với lời chỉ trích của Bác sĩ Montgomery, Khoa-trưởng trường sản-phụ Dublin. Montgomery viết : « Je ne pense pas que personne ait juspu'ici utilisé à Dublin l'éther pour un accouchement normal. Le sentiment général s'élève contre son emploi dans les accouchements ordinaires et la suppression de la part de douleur que le tout puissant a, dans sa grande sagesse, prévue pour les accouchements normaux. Je suis entièrement de coeur avec ce sentiment. »

Simpson trả lời :

« Je ne pense pas que personne ait jusqu'ici utilisé à Dublin une voiture pour se déplacer. Le sentiment général s'élève contre son emploi pour les déplacements ordinaires et la suppression de la part d'efforts que le tout puissant a, dans sa grande sagesse, prévus pour le piéton. Je suis entièrement de coeur avec ce sentiment. »

này chỉ nhún vai không nói gì. Ignas bắt buộc phải tự tìm lấy sự giải-thích. Nhưng mặc dù cố gắng hết sức mà không làm sao tìm nổi. Một quá ông ta phải tạm nghỉ một thời gian. Sau khi trở lại làm việc ông ngạc nhiên thấy vắng Giáo sư Kolletschka. Hỏi ra mới biết vị nữ giáo sư này đã chết vì trong khi dạy sinh-viên giải-phẫu tử-thi, một sinh-viên vô ý đã làm ông bị thương. Vết thương không đáng kể do đó mà Giáo sư Kolletschka không quan tâm đến nhưng ngày hôm sau ông bị sốt, nổi hạch và chết. Biết chuyện tức thì Ignas đòi xem kết quả giải-phẫu tử-thi. Trong khi đọc ông tưởng như trời long đất lở vì trên tử-thi của Giáo-sư Kolletschka cũng giống hệt như trên tử-thi của một sản-phụ bị chết vì sốt-sản-hậu. Trong khi đó ông có cảm tưởng được soi sáng một cách kỳ lạ nhưng chính sự soi sáng kỳ lạ đó đã quyết định vận-mạng của ông.

Bởi vì kết quả giải-phẫu tử thi giống nhau thì nguyên nhân gây ra sự chết cũng giống nhau và ông đi đến kết-luận là những sản-phụ nằm ở trại do sinh-viên săn sóc chết nhiều hơn vì những sinh viên sau khi mổ tử thi đã không rửa tay trước khi khám bệnh. Tức thì ông dán bố-cáo trước trại của ông nguyên-văn như sau : «Kể từ ngày hôm nay 15-5-1847 tất cả y-sĩ và sinh-viên từ phòng giải-phẫu tử-thi đến phải rửa tay thật kỹ bằng nước Javel trước khi vào khám bệnh. Biện-pháp này áp-dụng cho tất

cả mọi người không trừ một ai». Đề cho biện pháp này được triệt để thi hành, ông đích thân kiểm-soát và nếu thấy ai không tôn trọng thì ông nổi giận đùng đùng. Con người trước đây dễ thương và vui tính thì bây giờ trở nên độc đoán đáng ghét nhưng nhờ vậy mà tỷ-lệ chết trong tháng 5 là 12/34 phần trăm đã trụt xuống 03/04 phần trăm vào tháng 6. Ignas tưởng đã thành công hoàn toàn nhưng ngày 02-10 một biến cố đã làm cho ông vô cùng đau khổ. Trong một phòng có 12 sản phụ thì tất cả đều bị bệnh, mặc dù không ai vào mà không rửa tay. Ignas phải moi đầu đê tìm và ông nghiệm thấy rằng sở dĩ 12 bà sản phụ đều bị bệnh là vì trong số 12 bà này có một bà bị ung-thư tử-cung. Các sinh-viên sau khi khám bà này đã đến khám bà khác mà không rửa tay do đó ông kết-luận : Những yếu-tố truyền bệnh không phải chỉ truyền từ người chết qua người sống mà còn có thể truyền từ người bệnh qua người lành. Ông liền ra lệnh phải rửa tay trước mỗi lần khám bệnh và đề những sản-phụ bị bệnh nằm riêng. Kết quả số sản-phụ bị chết xuống rất thấp : 2% rồi 1% vào cuối năm 1847. Vào tháng 4 năm 1848 Ignas viết bản tường trình đăng lên báo, đến đầu năm 1849 bài tường trình này được giáo sư Skoda chú ý vì sự khám phá của Ignas không phải chỉ có giá trị đối với bệnh sốt sản hậu mà còn có giá trị đối với những cuộc giải-phẫu. Nhưng không một giải-phẫu-gia nào theo lời khuyên cả. Giáo sư Skoda

liền lập một Ủy-ban để tìm hiểu sự khám phá của Ignas. Việc này đã làm cho Klein, viên Giám-đốc cay cú và ông này đã tìm cách loại Ignas. Chán nản ông ta rời Vienne trong đêm tối và trở về Budapest. Ngay giữa thành phố này ông ta cũng bị coi như một người rối loạn thần kinh. Những sự thất bại liên tiếp đã làm cho ông điên thật; Năm 1864 ông bỏ dạy đi lang thang ngoài đường gặp những cặp vợ chồng trẻ, ông ta yêu cầu họ rằng nếu cần khám bác-sĩ hay nhờ bác-sĩ đỡ đẻ thì đòi hỏi bác-sĩ phải rửa tay.

Ngày 14-8-1865, ông ta chết tương tự như trường hợp cô Kolletschka. Như vậy là sự khám phá ra sự truyền-nhiễm bệnh đã tạo nên hai cái chết, nhưng giới y-học hồi đó vẫn chưa lột xác để chấp nhận quan niệm mới. Sau này Joseph Lister đã dùng chất phénol để ngăn cản sự nhiễm-độc đối với các vết thương hở. Việc làm của ông ta đã đem lại những kết-quả rất khả quan, tránh cho bệnh nhân những trường-hợp chết vì nhiễm-độc hay nhiễm-trùng mặc dù lúc bấy giờ người ta chưa tìm ra được vi-trùng. Điều mỉa-mại là chính Giáo-sư Simpson, người đã vất vả vì sự khám phá ra chất Chloroforme, đã công khai loại bỏ phương-pháp hữu-hiệu của Lister và đòi đốt các Bệnh-viện để chữa bệnh tại nhà riêng. Trong khi đó thì tại Đức, Giáo sư Thiersch và giáo sư Bardeleben cùng nhiều giáo-sư khác đã áp dụng phương-pháp của

Lister và coi sự khám-phá của Lister có một tầm quan-trọng quốc-tế. Quả là đúng như câu châm ngôn: "Bụi chùa nhà không thiêng".

Phải chờ đến năm 1877, Bác-sĩ Koch khám phá ra những kẻ sát-nhân trong bóng tối bằng kính hiển-vi, mọi người mới công-nhận lý-thuyết nhiễm-độc do vi-trùng và phương-pháp khử-trùng của Lister. Khám phá ra thuốc mê, vi-trùng, cách truyền trùng đều là công tác của đàn ông nhưng khám phá ra đôi gant để khử trùng cho bàn tay thì cần phải có bóng dáng của đàn bà. Bây giờ thì tất cả mọi người đều biết Halsted, qua cuộc giải phẫu ung-thư vú của ông ta, nhưng ít ai biết được rằng thuở thiếu thời, Halsted đã vì đa tình mà khám phá ra đôi gant hiện giờ chúng ta đang dùng. Câu chuyện như thế này: Khi "những kẻ sát nhân trong bóng tối" được khám phá đầy đủ và khi những biện-pháp sát trùng được triệt-đề áp-dụng thì mỗi lần mổ không những người ta phải rửa tay thật kỹ mà còn phải rửa tay bằng chất phénol nữa. Bác sĩ Halsted ở dưỡng-đường John Hopskin có một nữ y-tá tên là Caroline Hampton, người nữ y-tá này chuyên môn phụ ông ta mổ và mỗi lần mổ phải rửa tay bằng phénol thì chất này lại làm lở tay cô ta. Sự-kiện này dẫn đến một trường hợp khó xử là nếu muốn khỏi bị lở tay thì phải rời bệnh viện Hopskin nghĩa là xa Halsted. Việc này không làm cho Halsted vui lòng, do đó mà ông ngày đêm suy nghĩ và

sau cùng đã nhờ công-ty Good year Rubber thực hiện một đôi gant bằng cao su mỏng. Và đôi gant này đã trở thành quà cưới của Halsted gởi cho Caroline. Sau này khi những phụ-tá của Halsted dùng gant đã phải thốt ra câu nói đùa : «Cái gì tốt cho con gà mái thì cũng tốt cho con gà trống»

Sự khám phá ra chất mê-túy, vi-trùng và cách nhiễm-trùng cũng như cách khử-trùng, tất cả những điều đó rất quan-trọng và rất cần thiết cho ngành giải-phẫu nhưng vẫn chưa thực sự đi vào ngành giải-phẫu.

Tôi xin bắt đầu vào ngành giải-phẫu bằng césarienne. Sự sinh nở bằng cách rạch tử-cung để đem con ra đã được ghi lại trong kinh Vệ-đà. Cho đến thời Trung-Cổ thì Giáo-hội bắt buộc phải xẻ tử-cung của bà mẹ vừa mới chết hầu kịp thời cứu sống những đứa con, hay rửa tội cho chúng. Năm 1480 người ta viết ra luật-lệ như thế này : làm césarienne phải làm về phía bên trái vì tim người đàn bà nằm phía bên phải. Năm 1581 François Rousset đã cho xuất bản ở Ba-lê một cuốn nói về césarienne. Ông là người đầu tiên mô tả cuộc giải-phẫu trên một người đàn bà còn sống, ông khuyên nên làm césarienne trong những trường-hợp : thai-nhi lớn, song thai, thai tử hay là xương chậu hẹp. Có một điều lạ là Rousset trong tác-phẩm trên khuyên không nên may tử-cung lại vì ông cho rằng những bắp thịt của tử cung mà ông gọi là những bắp thịt của sự đau đớn có thể mạnh đến nỗi tự đóng lại được. Một điều lạ nữa là chính

Rousset chưa bao giờ làm césarienne hay dự-khán một cuộc mổ césarienne nào cả. Theo Bauhin, người Ý, thì người đầu tiên làm césarienne là Jacob, ông này làm nghề thái thịt và khi thấy vợ đau bụng kinh khủng mà không sinh được ông liền lấy dao thái thịt rạch bụng đem đứa nhỏ ra và cũng theo lời Bauhin thì bà này sau này còn sinh thêm 5 lần nữa mà không phải mổ. Tuy nhiên những điều Bauhin viết sau khi dịch sách của Rousset không đáng cho chúng ta tin.

Như vậy lần césarienne đầu tiên đáng tin là do Bác sĩ Trautmann người Đức mổ cho sản-phụ Opitz vào ngày 21-4-1610, kết quả là đứa con sống và bà mẹ chết. Mãi đến năm 1778 Deleury người Pháp mới làm một cuộc césarienne thành công đúng nghĩa tức là mẹ tròn con vuông. Bởi vì thường thường những césarienne đem lại sự chết chóc cho bà mẹ, cho nên có những giải-phẫu đã đề-nghị nên nhúng bà mẹ xuống nước để mổ vì họ cho rằng chính không-khí xâm nhập vào trong tử-cung làm cho bà mẹ chết. Phải chờ đến công trình của Porro thì hành-động Césarienne mới trở thành hành-động thường được dùng đến. Ngày 21-6-1875 Porro làm césarienne đầu tiên mà không theo đường lối của Rousset. Sau khi đem đứa con ra ngoài, ông kéo cả tử-cung ra ngoài luôn thê và cột ngang cổ tử-cung một garrot thật chặt để cầm máu và để cái tử cung ra ngoài. Ông ta

đã cứu sống được cả mẹ lẫn con và bây giờ cái mà người ta gọi là Opération de Porro chắc mọi quí vị đã biết là như thế nào rồi.

Bây giờ tôi xin rời bỏ tử-cung để đi lên trên một chút tức là ruột thừa. Bệnh sưng ruột thừa bây giờ là một bệnh ít gây chết chóc nhất nhưng trước đây đã từng gây khốn khổ cho không biết bao nhiêu vị y-sĩ. Hồi trước người ta không gọi là appendicite mà gọi là pérityphlite. Năm 1848 Henry Hancock người Anh là người đầu tiên đã giải-phẫu một trường hợp appendicite nhưng là một trường-hợp giải-phẫu tình cờ vì ruột thừa bị sưng làm mủ và Hancock chỉ xẻ cho mủ chảy ra ngoài chứ không phải để cắt appendicite. Năm 1886, sau khi đã giải-phẫu 500 tử-thi chết vì bệnh ruột thừa, Giáo sư Fitz của trường Harvard mới đổi tên perityphlite thành appendicite và mới xác định rằng chỉ có một phương-thức chữa appendicite là giải-phẫu. Nhưng sự lười biếng của con người làm cho hầu hết các giải-phẫu-gia đã không nghe theo lời khuyên vàng ngọc của Fitz, phải đợi đến năm 1889 Murphy mới áp dụng lời khuyên của Fitz và ông ta còn tiến xa hơn bằng cách cắt bỏ appendicite ngay khi vừa mới khởi sưng, kết quả là ông đã thành công 100%. Mac Burney cái tên mà người ta dùng bây giờ để chỉ đường rạch mỗi lần mổ appendicite chỉ là người đi sau Murphy.

Rời appendicite chúng ta đi lên bao-tử. Trường-hợp mổ bao-tử đầu tiên là một trường hợp tình cờ vào năm 1602, Florian Mathis đã cứu

sống cho một người diễn tuồng khi người này vô ý nuốt con dao vào ruột. Muốn lấy con dao ra Florian phải dùng đá nam châm đặt ở bụng để hút con dao cho đến khi rờ thấy rồi mới rạch bụng để đem dao ra. Vào năm 1822 William Beaumont cũng tình cờ mà khám phá ra rằng người ta có thể nuôi ăn những người bị bứu ở cuống họng bằng cách mổ bao tử ra đưa thẳng thức ăn vào đó. Sự tình cờ đó xảy ra như thế này: Một người bị đạn lạc trúng bụng. Beaumont được mời đến để chữa. Sau một năm chăm sóc cho người bệnh bằng cách băng bó thông thường, người bệnh khỏi nhưng bị một cái fistule và nhờ quan sát fistule nào đó, Beaumont mới khám ra gastrosomie. Dĩ nhiên là những cuộc giải phẫu vĩ-đại về bao-tử là những cuộc giải-phẫu của Péan, Polya.

Rời bao tử tôi tiến qua thận, có lẽ trong cuộc khám phá về ngành giải-phẫu thì cuộc khám phá của Gustave Simon giải phẫu thận là gian khổ nhất, tình cờ nhất và thiên-tài nhất. Một người đàn bà tên Margaretha bị một cục bứu trong bụng. Bà ta đến bác-sĩ gần nhà nhờ giải-phẫu. Ông này khi mổ bụng ra cắt bứu thì cắt một phần của ống dẫn tiểu. Dĩ nhiên là sau khi đóng bụng lại, nước tiểu chảy làm dơ vết thương tạo thành một fistule. Fistule này làm cho người bệnh thành ghê tởm vì quá hôi hám. Cuối cùng bà ta tìm đến Simon vào năm 1846. Ông này cố gắng đóng cái fistule lại bằng cách vá da nhưng bất thành.

Simon đợi vài tuần và lại làm lại, lần này ông bắt bệnh nhân phải nằm thật lâu. Nhưng khi người bệnh vừa mới ngồi dậy thì fistule lại trở lại. Simon vẫn không nản, làm lại cuộc giải-phẫu lần thứ ba nhưng cũng thất bại, lần thứ tư cũng thất bại. Sau đó ông tìm cách đốt ống dẫn tiêu để cho nước tiêu không chảy ra nhưng sau 4 lần đều thất bại. Lúc bấy giờ Simon mới nghĩ đến việc cắt bỏ cái thận. Trong lịch-sử cũng có một vài trường hợp người ta xẻ thận đó là trường hợp của những người bị sạn thận làm mủ chảy ra giống như Hancock xẻ appendicite vậy. Vấn đề đặt ra cho Simon là một người có thể sống với một quả thận không, không ai trả lời được câu hỏi đó. Simon phải thí-nghiệm trên loài chó. Ông ta đánh thuốc mê bằng chloroforme và lấy thận của 10 con chó : Kết quả 3 chết 7 sống nhưng trong số 7 sống này thường thường hay mửa. Simon cho tạt vì cắt thận nhưng cũng có thể là vì bị thuốc mê, do đó ông làm lại thí-nghiệm không

đánh thuốc mê và hiện-tượng nôn mửa không còn nữa. Vấn-đề còn lại bây giờ là cầm máu và tránh nhiễm-trùng nhất là tránh péritonite. Để giải quyết vấn đề này Simon lại thí-nghiệm trên xác chết. Sau 23 năm thí-nghiệm Simon mới đi đến thành công là cắt bỏ quả thận của Margarcha.

Trên đây là sơ-lược một vài hàng về một vài nhà tiên phong trong ngành giải-phẫu. Những công trình của họ đã làm cho ngành giải-phẫu tiến một cách vượt bực và bây giờ biết bao nhà tìm tòi khác đã cố gắng thay thận, ghép tim v.v...

Ước ao rằng khu ngoại thương Tổng Y-viện Duy Tân được cung cấp phương-tiện đầy đủ để cho những bác-sĩ trẻ có cao vọng tìm kiếm, có dịp thi thố tài-năng và biết đâu, vâng biết đâu một ngày nào đó chúng ta lại có dịp quả cưới tương tự như đôi găng ái tình của Halsted.

Đà-nẵng ngày 11 tháng 6 năm 1972

PHẠM-VĂN-LƯƠNG

Sửa lại cho đúng

Trên Bách-Khoa số 373 ngày 15-7-1972 trong bài « Nhân ngày 20-7 nói về kế hoạch thống nhất đất nước của C.S. Việt » của Phạm Chi Lăng trang 14, phần « chú thích 3 » câu áp chót « Nguyễn Duy Trinh » đã in lầm là « Nguyễn Cư Trinh ».

Trên BK số 374 kể tiếp (1/8/72), trong bài « Số phận môn quốc văn » của Huỳnh Phan cũng có những sai lầm như sau : trang 39, cột 1, hàng 4 : « về thí vụ » (đã in : thí dụ) — trang 39, cột 2, hàng 5 (dưới lên) « một trang, không biết » bỏ chữ và) — trang 41, cột 2, hàng 4 (dưới lên) « nào xuống khi chương trình Triết » (thiếu chữ khi).

Tòa soạn Bách Khoa xin trân trọng cáo lỗi cùng ô. Phạm Chi Lăng, Huỳnh Phan và quý vị độc giả Bách-Khoa.

Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

Mấy lời kết thúc

Khi còn bé, mẹ bảo :

Lớn lên đi lính, con sẽ làm Tướng,

Lớn lên đi tu, con sẽ làm Giáo chủ.

Ông ta đã soạn nhạc, và trở thành Phạm Duy.

(Phỏng theo một câu của Picasso)

Sẽ không có một ai kể nghiệp Phạm Duy cả. Tôi nói thế là vì tôi biết mấy năm gần đây có đôi ba người tưởng rằng một nhạc sĩ trẻ Việt-nam nào đó sẽ là kẻ kế tục Phạm Duy. Nghĩ như thế là hiểu rất lầm về tính cách đích thực của tài năng Phạm Duy cũng như của tài năng người soạn giả trẻ tuổi nọ. Không có một ai đã thực sự «kế tục» Mozart, Beethoven, Schubert hay Chopin cả. Thế giới riêng biệt của một nghệ sĩ cùng mất theo với nghệ sĩ ấy. Những kẻ đến sau nghệ sĩ này hay nghệ sĩ khác không tiếp tục công việc của người đi trước, họ làm công việc khác. Dù sao, giả sử Phạm Duy có thể có một kẻ kế tục, người ấy phải có nơi mình cả thiên tài của Phạm Duy lẫn kiến thức nhạc học uyên bác của ông, ấy là chưa kể nhiều điều kiện khác nữa. Mà theo chỗ tôi biết thì không hề có một dấu hiệu gì tỏ ra có một «Phạm Duy thứ hai» đã ra đời ở Việt-nam, không cứ là Nam hay Bắc, trong vòng ba mươi năm nay. Vả lại bầu không khí

chung của cả nước Nam đã từ quá lâu trở nên hỗn độn, khó cho phép xuất hiện một thiên tài nghệ thuật mới. Cuối cùng — và có lẽ đây là điều quan trọng nhất — *những cơ hội đã tạo nên cuộc đời của một Phạm Duy đều quá ư đặc biệt và độc đáo, khó bề tái diễn một lần thứ hai.*

Những nhận xét vừa rồi cũng khiến tôi nói rằng Phạm Duy không phải là người nhạc sĩ của một thế hệ nào. Bảo rằng tác giả các bản *Trường ca* là «nhạc sĩ của thế hệ những năm 40 hay 50», hay bảo ông là «nhạc sĩ của ba thế hệ, đều là «xếp hạng» một cách hấp tấp. Hiểu rõ Phạm Duy tức là, ngoài các việc khác, nhìn nhận ông không phải là nhạc sĩ của một thế hệ nào cả. Thực ra, Phạm Duy là người nhạc sĩ *của mọi thế hệ*. Một sự nghiệp sáng tác lớn lao không cần qui định vào thời gian, không cần giới hạn phạm vi vào khoảng mấy chục năm. Phải từ chỗ thật cao nhìn bao quát công trình sáng tác của Phạm Duy mới nhận thấy rằng công trình ấy mặc dù đã hình thành trong

một thời nhất định, nhưng trong toàn thể vẫn là một công trình vĩnh cửu. « Mọi vĩ nhân đều liên hệ với thời đại của mình ở những khía cạnh nhỏ », Goethe đã nói thế, và điều này theo tôi hình như đặc biệt đúng với Phạm Duy. Tác giả các bản dân ca không phải lúc nào cũng vĩ đại, nhưng ông ta đã khá nhiều lần tỏ ra vĩ đại để cho một phần lớn tác phẩm của mình — nhờ tính cách chân và mỹ — có thể vượt khỏi khuôn khổ chật hẹp của thời kỳ chúng ra đời.. Sự kiện có nhiều ca khúc Phạm Duy của những năm 40 và 50 ngày nay được phổ biến như ngày chúng mới được sáng tác, sự kiện ấy rất có ý nghĩa.

oOo

Viết loạt bài này, tôi đã có ý muốn cố gắng phân tích thơ Phạm Duy. Tuy nhiên, trong khoảng 400 bài của ông, tôi chỉ có được bản dịch trọn vẹn của hơn một trăm tác phẩm. Khi đã biết các chỗ tế nhị vô cùng của thi ca Việt-nam, người ta sẽ hiểu vì sao tôi không dám nhờ Phạm Duy (một dịch giả tuyệt vời) hay một người nào khác làm cái công việc dài dòng và khó khăn là dịch hộ mấy trăm ca khúc khác. Tuy vậy tôi vẫn ao ước có được bản dịch lời ca của toàn bộ ca khúc Phạm Duy bởi vì tôi yêu lời thơ của ông — cũng như tôi yêu thi ca Việt-nam nói chung — vả lại, việc hiểu được lời ca cũng giúp tôi hiểu được ít nhiều chi tiết về khúc điệu và hòa điệu

trong một số ca khúc. Cuối cùng, sở dĩ tôi không phân tích thơ Phạm Duy, ấy cũng bởi vì tôi nghĩ rằng một người Việt-nam mà làm công việc phân tích ấy, mà nhận định về các đặc tính chủng tộc, tinh thần v.v... của lời thơ ấy thì vẫn hơn.

Mặt khác, mặc dù tôi không có gì bất mãn về loạt bài khảo luận về Phạm Duy này, tôi vẫn chớ rằng sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ còn có thể có một công trình khảo cứu xuất sắc hơn nữa. Thật ra một cuộc nghiên cứu mới và sâu rộng hơn về tác phẩm Phạm Duy do một người Việt hay một người Âu tiến hành, điều ấy không mấy quan trọng; chỗ thực sự quan trọng là người nào tiến hành một công cuộc nghiên cứu như thế trước tiên phải có một kiến thức *sâu xa như nhau* về toàn bộ nền âm nhạc cổ truyền Việt-nam cũng như về toàn bộ nền âm nhạc cổ điển và dân nhạc Tây phương. Tôi xin nhấn mạnh một lần nữa rằng nhạc Phạm Duy nằm trong cả hai truyền thống Việt-nam và Tây-phương, và nó phải được nhận định theo tính cách ấy.

oOo

Sự diễn biến của phẩm chất nhạc Phạm Duy trong tương lai một phần nào sẽ tùy thuộc vào nền hòa bình ít hay nhiều của nước Việt-nam và vào sự ổn định ít hay nhiều trong đời sống riêng của nghệ sĩ. Tuy vậy, dù cho rốt cuộc nước Việt-nam có được hòa bình và dù cho đời sống riêng của nhạc sĩ có thoát được mọi

ưu t... chẳng nữa, thì đề cho Phạm Duy, có thể hoàn toàn hồi phục, đề ông có thể lấy lại hồn mình, ông cần phải có một tình yêu — Bởi vì, cách đây mấy năm, khi người yêu ra khỏi cuộc đời ông, nàng như thể đã mang theo tất cả phần hồn của các bản tình ca Phạm Duy. Những lời thơ gọi lại mối tình cũ vẫn còn đẹp đẽ, nhưng các khúc điệu mang lời thơ ấy không còn cất cao được nữa, lắm khi lại quần quai lê mình sát mặt đất. Đề kích thích thiên tài mình, đề cho cảm hứng của mình lướt cao lên tuyệt đỉnh, Phạm Duy cần một mối tình *ngay trong hiện tại*. Và, thậm kịch thực sự và duy nhất của Phạm Duy trong lúc này, chính là sự vắng thiếu một mối tình như thế trong đời. Tôi đã nói về chuyện này ở những đoạn khác rồi, và sở dĩ tôi trở lại vấn đề một lần cuối, đó chỉ vì tôi muốn bày tỏ sự tiếc nuối cho Phạm Duy, một sự tiếc nuối sâu xa...

Bây giờ cái gì còn gọi hứng nhất cho Phạm Duy đó là một bài thơ hay. Về phương diện này, sự xuất hiện của thơ Phạm Thiên Thư trong thiế giới nghệ thuật của Phạm Duy vào khoảng đầu những năm 70 là một biến cố quan trọng. Những bài thơ của Phạm Thiên Thư giúp Phạm Duy tự phục hồi trong nghệ thuật khúc điệu còn hơn cả loạt bài của Georges Etienne Gauthier. Về đẹp khác lạ, tính cách thâm trầm, tế nhị và tình cảm kín đáo của những bài thơ Phạm Thiên Thư — trong mười bài *Đạo*

ca, cũng như trong các bài thơ khác như *Ngày xưa Hoàng thị, Em lễ chùa này và Đưa em tìm động hoa vàng* — đã gần như lần nào cũng gọi hứng cho Phạm Duy sáng tác nên những khúc điệu tinh tế, cực đẹp, những khúc điệu thấm nhuần một nhiệt tình mới mẻ, những khúc điệu chứng tỏ rằng khả năng sáng tạo của Phạm Duy hãy còn lớn lao biết bao mỗi khi nó được kích thích đúng cách. Nói cho đúng, ngày nay Phạm Duy cần một thi sĩ viết cho mình những bài thơ đẹp hơn là cần một người giải thích nhạc phẩm của mình, dù cho người giải thích ấy có tận tâm hay rộng lượng đến bậc nào. Tôi nghĩ rằng nếu trước đây tôi có kiêu hãnh chẳng về công cuộc nghiên cứu về Phạm Duy, thì một điềm nhận xét vừa rồi cũng đủ lời tôi về một thái độ khiêm cung lành mạnh...

oOo

Trong khi viết loạt bài này, giữa việc đòi hỏi Phạm Duy tiếp tục làm một người hùng cho đến cùng và việc cần ráng chấp nhận ông trở thành một nhạc sĩ xoàng, tôi đã thử chọn một thái độ trang dung. Khi xét về giá trị thực sự của Phạm Duy của những năm gần đây, tôi đã không tiếc lời tán thưởng nồng nhiệt. Khi xét đến một vài nhược điềm của Phạm Duy hiện tại, tôi đã hết sức công bình được chừng nào hay chừng ấy, không tìm cách triệt hạ ông hay làm ông nản chí, mà chỉ tìm cách gián tiếp gọi cho ông một

giải pháp khả dĩ tự phục hồi. Nhưng bởi vì tôi là một kẻ ngưỡng mộ nhiệt thành nhạc Phạm Duy và cũng là một người bạn thân của nhạc sĩ, cho nên mỗi lần đề cập đến vấn đề các nhược điểm hiện tại của Phạm Duy tôi vẫn có sự dè dặt. Tôi rất lo sợ làm Phạm Duy buồn lòng hay khó chịu. Nhưng vì mến yêu Phạm Duy và vì muốn thẳng thắn với ông — chứ không phải vì lý do nào khác — tôi đã đề cập đến vấn đề ấy. Hơn một lần — nhất là trong bài sau chót về khúc điệu Phạm Duy khi tôi nói đến những khúc điệu « thiếu cao nhã » — tôi đã tưởng lời phê bình khiến tôi mất tình bạn của Phạm Duy. Có những điều lo sợ của tôi đã sai lầm, nhưng cũng có những điều khác không sai lầm. Bởi vì nếu Phạm Duy có thể công nhận dễ dàng những nhược điểm trong tư cách làm người thì ông chấp nhận khó khăn hơn một số nhược điểm trong tư cách nghệ sĩ. Nhưng điều này cũng dễ hiểu, bởi vì tác giả các Trường ca là một con người rất kiêu hãnh !

Mặt khác, tôi muốn nhấn mạnh những nhược điểm nhận thấy ở nhạc Phạm Duy mấy năm gần đây, chỉ liên hệ chút ít với loại ca khúc mà ông ta đề cập. Như vậy nghĩa là xin thừa rằng tôi tuyệt nhiên không công phần vì một chục bài *tục ca* mới đây của Phạm Duy. Ở Phạm Duy, sự xuất hiện của lối hài hước *tục tũ* hay số sòng này cũng khá bình thường, do bản tính ông ta và tuổi tác hiện nay. Đại chúng thường không biết

rằng những nhạc sĩ « đứng đắn » như Chopin và Mozart, ấy là chỉ kể tên vài người, rất ưa thích sự hài hước tục tũ ; Mozart lại còn phổ nhạc một số bài thật số sòng. Phạm Duy như chính ông đã nói, làm những *tục ca* ấy « để đùa chơi » và chắc chắn cũng là để cho chúng ta cùng vui đùa. Và người Việt Nam hiện nay — hơn mọi dân tộc khác — đang cần cười một phát... và có lẽ cũng cần một bài học luân lý nho nhỏ nữa, bởi vì trong những câu hài hước họ cũng có ngụ một ý nghĩa răn đời nào đó. Tôi cũng ghi nhận rằng bốn hay năm bài *tục ca* có những khúc điệu khá xinh, mang chất Phạm Duy rõ rệt, những khúc điệu với những khía cạnh tinh quái và mỉa mai rất ngộ nghĩnh. Dĩ nhiên tôi không mong rằng Phạm Duy sẽ dành trọn những ngày còn lại của cuộc đời để làm *tục ca*, bởi vì loại nhạc ấy không thể đưa ông lên những tuyệt đỉnh cảm hứng nơi mà từ trước đến nay ông đã thành tựu những tuyệt phẩm phong phú và bất hủ. Tạm thời thì chúng ta hãy bằng lòng thừa nhận độ chục bài *tục ca* ấy, như là chút gia vị thêm vào một mâm cỗ nghệ thuật cũng đã khá cổ điển và khá ngon lành.

Trong loạt bài này, đôi khi tôi có quan tâm đến những nhược điểm của một số ca khúc gần đây của Phạm Duy tôi xin nhấn mạnh rằng sự quan tâm đó không dẫn tôi đến chỗ thương tổn. Do đó chắc chắn là tôi không nói, như một nhà phê bình

cách đây không lâu, rằng « sự nghiệp Phạm Duy như thể một tòa lâu đài đang sụp đổ »! Vâng, quả thực ở tầng trên của tòa lâu đài do Phạm Duy xây dựng, có những viên gạch non yếu, nhưng mà nền móng, vách tường và những ngọn tháp khác của tòa lâu đài đều đã được xây dựng vững chắc và theo tôi thì hiển nhiên là tòa kiến trúc nọ không hề đang hay sắp sụp đổ. Ngay cả những viên gạch non yếu nọ, xung quanh nó cũng có bao nhiêu là viên gạch bền đủ để cả khoảng tường ấy dù sao vẫn giữ được sự vững chắc của toàn thể. Mặt khác, nguyên một việc Phạm Duy đã xây dựng cả một tòa lâu đài trong khi bao nhiêu kẻ khác không làm được gì, một túp lều con cũng không nổi, việc ấy đã hàm chứa một sự xác nhận sức mạnh của tác giả các bản *Trường ca*!

Hãy xét qua về những nhạc phẩm Phạm Duy trong vòng một năm nay. *Tình khúc chiến trường*, *Vùng trời mang tên ta*, *12 tháng anh đi* — hãy đề ý rằng trong khúc điệu bồn chồn nhưng rất khéo ấy có một chuyển biến đặc biệt nồng nàn từ âm thể thứ sang âm thể trưởng — *Lên trời* — với đoạn đầu theo hình thức «bậc thang» rất lôi cuốn — *Tưởng như còn người yêu* — ở đây nhạc đề sơ khởi theo Si giảm trưởng có nét cao nhã uyển chuyển, nhạc đề ấy được lặp lại ở cuối ca khúc, nhưng lần này lại theo thể Ré trưởng, nhờ thế mà gây được một chuyển biến âm sắc đẹp để *dưa em tìm động hoa vàng* — khúc

điệu mang tình cảm nồng nàn một cách dịu dàng và gần như mê hoặc — *Áo anh sứt chỉ đường tà* — với lối kết cấu biến hóa một cách tài tình, lối kết cấu có phần nào giống với các bài *Đạo ca 3* và *Đạo ca 7* — những ca khúc trên đây tôi cho là rất thành công, nói tóm lại là thuộc thứ nhạc hay của Phạm Duy. Hơn nữa, những bài *Yêu tình tình nữ*, *Thôi 2*, *Nụ hôn đầu* và *Em lễ chùa này* theo tôi là những ca khúc có vẻ đẹp tầm thường hơn. Sau cùng, các bài *Thăm gọi tên nhau*, *Huyền thoại trên một vùng biển*, *Ở rừng U minh ta không thấy em*, *Còn chút gì để nhớ* và *Con đường tình ta đi* tôi thấy có vẻ yếu, sáo cũ và kém tương tượng. Đó! Bản tổng kết rõ ràng đâu có tẻ, thực ra tôi còn thấy trong đó những yếu tố khích lệ bởi vì số ca khúc xuất sắc hay tương đối thành công vẫn nhiều hơn là số bài kém. Dĩ nhiên tôi ước mong rằng trong tương lai nhạc phẩm của ông càng ít bài kém càng tốt, để sự nghiệp của ông giữ cho đến cùng mức độ chnug, chung về phẩm chất khá cao. Nhưng rốt cuộc tất cả đều do ở Phạm Duy, do ở thái độ nghiêm cách của ông đối với tính chất của cuộc sống và do đó đối với tính chất của nghệ thuật mình. Một trong những kỷ niệm đẹp đẽ nhất mà tôi còn ghi nhớ trong chuyến viếng thăm của Phạm Duy tận nhà tôi ở Montréal vào đầu mùa thu năm 1971, đó là hình ảnh của con người hào hiệp ấy hơn một lần vung tay chỉ vào chỗ

quả tim mà bảo tôi : «Xin anh yên trí : nào là nhạc, nào là những khúc điệu, còn đây cả trong đây !!!» Cảm động, tôi nghĩ rằng hẳn trong ngày thơ ấu xa xưa của nhà nghệ sĩ, thân mẫu và người vú nuôi của Phạm Duy đã truyền vào con tim ấy đầy những tình yêu thương và âu yếm đến nỗi mãi về sau, rất lâu về sau này, Phạm Duy vẫn còn hưởng được ở chính nơi mình nguồn yêu thương và âu yếm đã biến thành nhạc thành thơ. Hơn nữa, tôi vẫn thường nghĩ rằng một phần lớn của sự phong phú và vẻ đẹp trong nghệ thuật Phạm Duy bắt nguồn từ đâu đó trong buổi thiếu thời của ông, bên cạnh người mẹ hiền và người vú ân cần đã hết lòng thương yêu bé Càn. Phạm Duy đã làm được những bài như *Ru con*, *Tình ca*, *Mẹ Việt nam*, *Lời ru Bú mớm Nâng niu* (Đạo ca 6) và bao nhiêu kiệt tác khác, là nhờ rất nhiều vào hai người đàn bà phi thường nọ, ngay từ buổi bình minh của cuộc đời người nghệ sĩ, đã trao cho ông không tính toán tất cả tình yêu thương mà ông cần đến, Tình yêu thương ấy đã thực sự ru Phạm Duy đến tận muôn đời... Trước những điều tôi vừa nói ra, Phạm Duy có thể tin rằng tôi giữ nguyên lòng tin tưởng đối với sự nghiệp sáng tác của ông trong tương lai. Mà dẫu cho Phạm Duy có ít xuất sắc so với trước kia thì chúng ta vẫn có thể tha thứ cho ông, bởi vì dù sao chúng ta vẫn luôn luôn cần đến ông.

oOo

Một trong những tai hại của cuộc chiến tranh này là đã ít nhiều trực

tiếp ngăn trở việc phổ biến nhạc Phạm Duy ra khỏi nước Việt-nam. Dăm ba chuyến đi của ông sang Mỹ, sang Âu-châu và các nơi khác thực ra chỉ cho ông tiếp xúc với rất ít người — vì thiếu phương tiện — và nhạc Phạm Duy vẫn còn ít được biết đến ở ngoài Việt Nam. Trong lúc bao nhiêu loại nhạc Âu Mỹ — nhạc «pop», «rock», «twist» và các thứ khác, nhạc cổ điển và Dân ca — du nhập vào Việt nam một cách dễ dàng và bắt rễ ở đây khá vững chắc, thế mà nhạc Việt nam — dân ca và tân nhạc — vẫn cứ bị giam hãm bên trong biên giới xứ sở, tôi cho đó là điều có vẻ bất bình thường. Tuy nhiên, nếu những bản dân ca Việt Nam, những ca khúc của Phạm Duy và các nhạc sĩ Việt nam khác đã được kẻ viết loạt bài này yêu thích, thì chúng cũng có thể được hàng ngàn thính giả tây phương khác yêu thích nếu được nghe. Tôi từng có nhiều cơ hội đem các ca khúc Việt nam ra trình bày cho những cử tọa Gia-nã-đại và Hoa-kỳ. Lần nào thính giả cũng ngạc nhiên và say đắm vì cái đẹp và những xúc cảm của khúc điệu Việt-nam. Điều ấy, tôi thấy rất có ý nghĩa. Thực ra, các dân tộc trên thế giới có sự cần thiết cấp bách phải biết một hình ảnh của nước Việt-nam nào khác hơn hình ảnh một xứ sở luôn luôn lâm chiến, mãi mãi chìm trong máu lửa. Có thể là chuyện nực cười nếu ước mong rằng mai kia trong số những ngân khoản dùng vào việc tái thiết nước Việt-nam, hãy



dành ngân khoản nhỏ để gửi ra ngoại quốc mấy đoàn ca sĩ — ca sĩ thượng thặng, dĩ nhiên — để bắt đầu phổ biến ca khúc Việt-nam ra các nước. Nhưng tôi ước mong như thế. Các nghệ sĩ đã cùng nước Việt-nam sa ngã, họ phải cùng nước Việt-nam vươn dậy. Trong công cuộc tái thiết, nước Việt-nam sẽ phải cần đến sự giúp đỡ của ngoại quốc, nhưng không có tiền bạc nào, không có đường lối chính trị nào có thể đem lại những mối thiện cảm của người đời mà nước Việt-nam cũng sẽ cần đến không kém. Hơn tất cả ai khác, các nghệ sĩ sẽ đem về nhiều nhất cho Việt-nam những thiện cảm ấy của con người. Ai nấy hẳn đã biết rằng nghệ sĩ bao giờ cũng là và sẽ mãi mãi là những vị đại sứ tuyệt hảo nhất cho xứ sở mình. Hơn nữa, do kinh nghiệm đã sống qua, nước Việt-nam có thể nhắc lại cho các nền văn minh Tây phương hiện đại về *con đường nhân ái*, về tình thương nhân loại, về tấm lòng trắc ẩn, mà các văn minh họ đôi khi muốn quên đi. « Việt-nam đây tiếng gọi đi xây tình người », những tiếng ấy sẽ không còn là một khẩu hiệu hay một nguyện ước, mà sẽ là một thực tại.

oOo

Những kết luận bao quát hơn — mặc dù không nhất thiết là quyết định — sẽ được đưa ra khi nào Phạm Duy đã hoàn tất sự nghiệp sáng tác. Lời kết luận không nhất thiết là quyết định, đúng thế, bởi vì « khi việc sáng tạo đã xong, thì tác phẩm

liền tách lìa khỏi nghệ sĩ và, một mình nó, nó bắt đầu một cuộc phiêu lưu vô định trong các tâm hồn. Tác phẩm không phải một sự vật, bất động trong thời gian và trong cõi lòng mọi người. Vượt ra ngoài cái ý nghĩa do nghệ sĩ gán trao cho nó, ý nghĩa của nó biểu lộ tùy thời và tùy người, trong sự chuyển biến bất định của cuộc phiêu lưu của nó. Trong cuộc đối thoại giữa chúng ta với tác phẩm, chúng ta được tự do. Không có một ai — dù là chính người nghệ sĩ nữa — được quyền chi phối đến các tình cảm, các ý tưởng, các mối khích động phát sinh ra từ cuộc đối thoại nọ : chúng ta trọn quyền tự do chọn lựa sự sáng tác của chính mình khi tiếp xúc với tác phẩm... » (André Boucourechliev).

Từ khởi đầu, sự nghiệp của Phạm Duy, trong toàn thể, đã có một định mệnh khá tốt đẹp. Tuy vậy tôi tin rằng chỉ khi nào Phạm Duy không còn nữa thì tác phẩm của ông mới đạt tới số phận dứt khoát, số phận vinh quang nhất của nó. Và không muốn tiên tri quá đáng, chính loạt bài của tôi đã cố gắng hình dung trước cái số phận đó.

oOo

... Những giòng chót.

Thế là tôi đã đi đến cuối đường. Nhưng cái « xứ Phạm Duy » rộng lớn quá và còn nhiều điều để thưởng ngoạn quá, nơi này một đường cung khúc điệu đẹp đẽ, chỗ kia một nét hòa điệu kinh tế, chỗ nọ một hình

ảnh thi ca tuyệt diệu. Nhưng tôi không từ già tất cả những cái đó đâu, bởi vì cái xứ nọ từ nay vẫn vương mãi nơi tôi. Có phần nào như thể tôi thực sự là một « Phạm Duy khác vậy... »

Thường khi, bên dưới mỗi bài chép tay, bên cạnh tên ký của mình, nghệ sĩ đã vẽ hình một chiếc lá, đôi khi một bông hoa... Tôi nghĩ rằng Phạm Duy tự xem như một thân cây và mỗi lần ông sáng tạo một tác phẩm, có phần nào giống như một chiếc lá đã rời khỏi cành cây... Khi mùa thu qua đi, cây đại thụ Phạm Duy sẽ gần trở trụi, nhưng ở dưới gốc cây, chúng ta sẽ được ngắm một tấm thảm lá đẹp đẽ nhất, rực rỡ nhất! Tuy nhiên, khi mùa đông đến, thì cây đại thụ Phạm Duy sẽ không

chết. Có thể nó sẽ chỉ thiếp ngủ. Đợi chờ đợi một mùa Xuân mới. (*)

GEORGES ETIENNE GAUTHIER

Viết xong vào cuối tháng 6-1971

(Montréal — Gia-nã-đại)

(*) L.T.S. Loạt bài « Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy » của Georges Etienne Gauthier khởi đầu từ số 332 (1/11/70) đã chấm dứt nơi đây. Bài này đã đăng trên Bách Khoa các số 332, 334, 335, 337, 339, 340, 342, 345, 346, 347, 350, 354, 355, 363, 367, 372 và số 375 này. Khởi đầu có lẽ tác giả không có ý viết dài đến thế nhưng vì trong thời gian qua Phạm Duy vẫn sáng tác không ngừng, nào *Đạo ca*, *Tục ca* v.v... nên Gauthier cứ phải viết tiếp mãi. Bạn đọc theo dõi loạt bài này không khỏi có lúc đã sốt ruột, nhưng nếu vẫn sẵn lòng đọc đến bài chót này chính vì thấy một nhà nhạc học trẻ ngoại quốc đã đề tâm nghiên cứu nghệ thuật của một nhạc sĩ Việt-nam, và qua đó đã tha thiết mến yêu đất nước đau thương này như một quê hương thứ hai. Sau bài này sẽ là một bài ngắn của Phạm Duy « đáp lễ » người bạn Gia-nã-đại.

Bạn đọc nào muốn liên lạc thẳng với tác giả bài này xin gửi thư cho: Georges Etienne Gauthier, 3384 rue Lacombe — Apt 4. Montréal 250 — Québec — Canada

MỘT CUỐN TRUYỆN ĐANG ĐƯỢC NHIỀU NGƯỜI TÌM ĐỌC :

CÔ BÉ TREO MÙNG

TRUYỆN CỦA

HOÀNG NGỌC TUẤN

Dưới cái nhan đề có vẻ trẻ thơ, nhưng đây thực sự là một tác phẩm dành cho những người trưởng thành, không thể thiếu trong tủ sách chọn lọc của các bạn trẻ, sinh viên, học sinh và tất cả những ai hằng yêu mến văn chương, ham chuộng nghệ thuật và hết lòng ngưỡng mộ cuộc sống muôn màu.

Bên trong lớp vỏ ngôn ngữ say đắm ngọt ngào của tình ái, chất chứa nhiều đắng cay của lưu lạc, tan vỡ, chia lìa... Tiếng gọi thầm thì nhỏ bé mà gọi lên những cảm nghĩ, rung động lớn lao về những vấn đề cội rễ của lòng người: Cái đẹp thiên thu của người nữ, mái nhà và dang tử, tình bạn, cái chết, tình yêu đang dở trong thời chiến... và tất cả những tâm tình chân thật của con người tuổi trẻ khát sống,

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Sách dày 200 trang. Giá 250đ.

Danh từ mới của Trung-Hoa

● Đây là những danh-từ mà chúng tôi đã học từ hơn mười năm trước và có thể đã bị thay đổi mà chúng tôi không hay biết. Vì nào biết những danh từ mới hơn, xin tự bỏ chính, hoặc bỏ chính trên mặt báo cho mọi người cùng biết thì rất hay. Bài bỏ chính sẽ đăng ở mục này.

Hồng tửu : Rượu vang (Vin). Trong văn chương họ nói là *Bồ đào tửu*. Nhưng ngoài đời họ nói là *Hồng tửu*. Danh từ này hơi kỳ khôi vì *Hồng tửu* cũng chỉ *Vin blanc* tức *Rượu vang trắng*.

Bê tửu : Bière. Đọc là « *Pế châu* » (Phiên âm).

Sơn trúc : Đây là sáng tác riêng của đồng bào gốc Hoa ở Chợ-lớn, chớ Huế kiểu Đông-Nam-Á không có cái danh từ kỳ cục này. Sơn trúc: Măng cụt. Chữ Trúc viết y như Thiên Trúc. Số là trong Việt ngữ, 2 tiếng Măng (cụt) với Măng (tre) đồng âm. Thế nên Tàu mới dùng chữ Trúc (Tôn Trúc) là Măng tre để chỉ Măng cụt. Nhưng còn tiếng cụt, họ chẳng biết làm sao, họ bèn xô càn danh-từ Sơn vào đó, chớ thật ra thì măng cụt không mọc trên núi được. Hoa kiều ở Đông-Nam-Á cũng phiên âm, nhưng không dùng chữ Trúc vì ở các quốc gia khác Măng này với Măng nọ không đồng âm với nhau.

Ô-Hoa-Điền : Ovomaltine (Phiên-âm theo một món thực phẩm tương tự, có tên là Ovaltine).

Danh hỏa thối : Đây là danh từ

cổ chớ không phải mới sáng tác, chỉ có nghĩa là *Đùi heo muối*, nhưng người Tàu dùng để chỉ *Jambon*. Đó là danh từ *Danh hỏa thối*.

Riêng người Quảng Đông thì gọi là *Kim thối*. Nguyên *Lợn quay*, Quảng Đông gọi riêng là *Kim Thi*, thế nên Pháp mới dịch là *Porc laqué*. Vậy *Đùi heo muối* phơi khô, họ cũng gọi là *Kim Thối*.

Tô-du : Beurée. Chữ Tô viết như Tô trong danh từ *Đồ Tô*. Nhưng dân chúng Trung-Hoa không nói như đã viết. Họ nói là *Nguru du* : Dầu bò, vì Bơ làm bằng sữa bò.

Da-ua : Yaourt. Tàu đã biết Yaourt từ thời cổ. Đó là Yaourt lỏng của Mông Cổ và Nhục Chi, mà họ gọi là *Đồ Tô*. Nhưng ngày nay họ không dùng *Đồ Tô* nữa mà gọi theo phiên âm.

Quán đầu thực vật : Đồ hộp, Aliments en conserves.

Tây - Dương - Thái : Cresson; Xà-lách-xoong.

Tây Thị : Pomme de terre. Khoai tây.

Can-lạc : Fromage, Phô mách. Họ còn một danh-từ nữa, nhưng

chúng tôi đã quên mất. Xin quý vị
bồ chính.

Maggi : Tây Thị du (Phiên âm).

Duy-Kỳ-Thủy : (Phiên âm) Eau
de Vichy.

Duy-Tha-Mang : (Phiên âm)
Trong Y-khoa, họ gọi Vitamine là
Sinh tố, nhưng trong thực phẩm họ
gọi là Duy-Tha-Mang.

Eau de Vichy vừa là thuốc mà
cũng vừa là Eau de table, nên chúng
tôi sắp danh từ này ở phần Thực-
phẩm, chớ không phải phần Y-khoa.

Xin nhớ rằng chế-độ Pétain vẫn
được báo Tàu gọi là *Duy-Kỳ chế
độ* vào thời đệ-nhị thế-chiến (Régime
de Vichy). Những danh từ phiên
âm thì trừ phi theo dõi hằng ngày,
không thôi rất khó biết, bởi tự-điền
Tàu không cập-nhật-hóa như tự
điền Larousse, khó lòng mà tìm được
những danh từ quá mới trong đó.

Cũng đề "nghĩ xả hơi", chúng tôi
xin kể sự tích ngộ nghĩnh của vài
danh-từ cồ của Tàu mà ít ai biết
nguồn gốc.

Ba-la-mật : Trái mít. Danh từ
này đã làm điên đầu các nhà thám
nho. Nguyên Tàu đã phiên âm, một
danh từ Phật-giáo là Ba-la-mật.
Nhưng cái Ba-la-mật đó chẳng dính
liu gì tới trái mít hết, nó chỉ có
nghĩa là *Con đường độ thế* mà thôi.

Đó là danh từ Giao-Chỉ mà họ
vay mượn từ đời nhà Hán và chính
họ cũng không biết do đâu mà ra.

Nguyên thuở xưa dân ta không gọi

trái mít là Trái Mít, mà gọi là *Bơ
lái mít*. Đến thế kỷ 16 thì thấy các
cổ đạo ghi chép rằng ta gọi trái đó là
Bl'ái mít.

Người Tàu viết chữ ra, ta đọc
như thế, chớ quân lính của Mã Viện,
đọc theo Quan Thoại, thì nó là *Pỏ Ló
Mía*.

Ba-La : Trái Dứa : Trái Thơm.
Đây là vay mượn của Trung Hoa
đời Chu tại nước Việt của Câu
Tiễn. Dân Việt của Câu Tiễn di cư
đi Nam Dương (Đó là Lạc bộ Mã,
Austronésiens) nói là *Nanas*, Pháp
vay mượn biến thành *Ananas*. Tàu
viết là Ba-La, nhưng đọc là *Pỏ Ló*.
Quan Thoại rất nghèo âm *N*, nên họ
phiên âm *Nanas* không đúng lắm.

Tiêu : Chuối. Đây cũng là danh
từ Giao Chỉ mà quân đội của Mã
Viện vay mượn và đọc là *Chéo*.

Da : Dừa. Đây cũng là danh từ
Giao Chỉ mà quân đội của Mã Viện
vay mượn và đọc là *Dé*.

Lật tiêu : Bên Tàu không có ớt
và họ gọi ớt là *Tiêu cay dữ dội*.
Lật = Cay dữ dội. Nhưng *Tiêu* này
ta học của họ hay họ học của ta thì
chúng tôi tìm chưa đủ bằng chứng
để kết luận.

Quế Đố : Cà cuống. Đây là sáng
tác của Mã Viện, tại Giao Chỉ. Mã
Viện dâng Cà cuống về cho vua nhà
Hán và nói láo rằng đó là con Quế
Đố = Con mọt ăn quế. Thật ra thì
quế chỉ mọc trên núi cao, còn Cà
cuống chỉ sống được ở đồng ruộng
úng thủy. Họ Mã chỉ mỹ-hóa vậy
thôi chớ Cà cuống không có bao giờ
ăn quế.

(còn tiếp)

BÌNH NGUYỄN LỘC

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

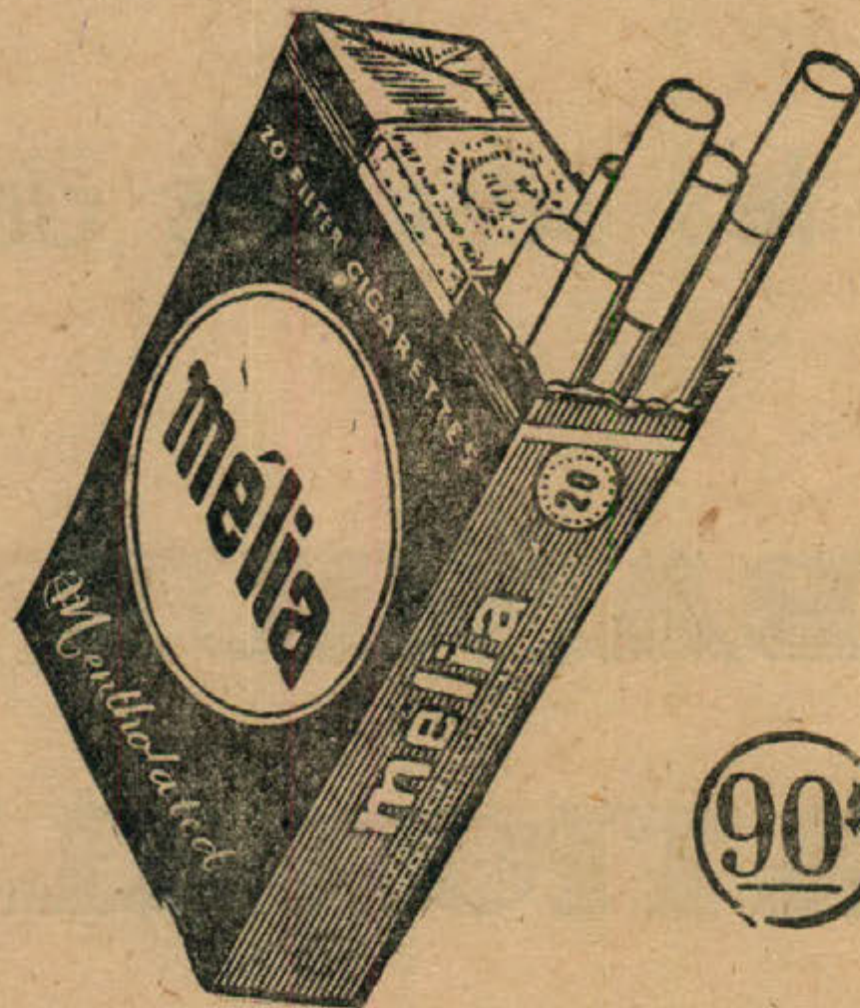
NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÃ (Menthol)



ĐẦU LỌC ĐIỀU DẪI
Thượng hảo hạng

Thông mũi - mát cổ - thơm dịu

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Qua phá Tam - giang

Thương em anh cũng
muốn vô

...Phá Tam-giang, tôi đang đứng trước một địa danh lịch sử, một tên gọi quen thuộc của tình yêu trong ca dao :

« Thương em anh cũng muốn vô
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam-giang »

Thương em anh cũng muốn vô hay thương anh em cũng muốn vô? Cái nào cũng có lý khi xét về lịch sử và địa dư nước ta. Có thể chàng là một lính thú quê mãi tận Quảng bình, Quảng trị, vì việc quân phải gạt nước mắt từ già nàng khi hồi trống ngũ liên giục già xuống thuyền, theo sông, theo biển đi mãi đến tại Thuận-an. Người vợ nào lại chẳng trông chồng, nhất là chồng đang làm lính thú đi trấn thủ lưu đồn. Đường xa cách trở, làm sao mà vượt núi băng sông đến thăm nhau, còn trường nhà Hồ, phá Tam giang đó.

Cũng có thể chàng là một sĩ tử từ miền Bắc Trung phần về kinh đô ứng thí, ngơ ngẩn trước nhan sắc hoàng hậu của các cô gái Huế, một lần chiêm ngưỡng bỏ đi không đành, về quê đem lòng thăm yêu trộm nhớ, nhiều lúc muốn vượt dậm trường trở lại cố đô thăm kẻ tình xa nhưng ngại ngần trước những ngăn trở của thiên nhiên.

Tôi đứng đó, đối mặt với phá Tam-giang lồng lộng gió biển. Bên kia

những đồi cát trắng xóa. mênh mông trải dài tỏa hơi nóng hừng hực lên mặt mũi, tay chân, xâm nhập vào cả trong quần áo. Phá Tam-giang chạy song song với bờ biển, bên trong những đồi cát trắng, dài khoảng 25 cây số, trải mình từ ấp Lại hà thuộc ranh giới hai quận Phong điền, Hương điền đến tận cửa Thuận an, quận Phú vang. Nơi rộng nhất của phá đo được 2 500 thước và hẹp nhất, 500 thước.

Sao phá lại có tên Tam giang? Thật ra, đúng tiếng Việt phải gọi phá Ba sông vì phá do nước ba con sông Ô lâu, Bồ và Hương đổ xuống. Có lẽ tên phá do các cụ đồ nho hoặc quan lại tinh thông Hán học đặt. Vào thời trước, với quan niệm « nôm na là cha mách quê » phá Ba sông là điều không ai có thể chấp nhận được. Lâu rồi tên Tam giang trở thành quen thuộc, như sông Hương ngày nay thỉnh thoảng vẫn có người viết Hương giang.

Lượn một vòng trực thăng theo con đường vô hình cắt dọc phá Tam giang, tôi nắm chặt chiếc mũ rùng trong tay, gió xô vào cánh cửa phần phật. Phía sau tôi hai xạ thủ ghim chặt súng đại liên chúc mũi xuống dưới trong tư thế sẵn sàng tác xạ. Con chuồn chuồn sắt nghiêng bên trái một vòng bốn mươi lăm độ rồi đảo về bên phải. Người tôi như cây kim trên bàn cân tự động, quay đúng một vòng chín mươi độ. Hết rà sát mặt nước, máy

bay lại vọt cao. Nước biển dâng lên rồi rút nhanh xuống như trong một cơn lụt lớn xảy ra hàng năm trên quê hương bất hạnh này.

Dưới chân tôi sóng vẫn vỗ dạt dào, nước xanh đen, nổi bật những lưới sáo bắt cá bằng tre, cuốn tròn hoặc lượn khúc nhịp nhàng, nhiều vô kể, hàng hà sa số, bên này kéo sang bên kia bờ hoặc đứt đoạn tênh hênh, cong mình như những con sấu chiều không lồ, từ đầu đến cuối mút 25 cây số đường chim bay của phá.

Tám bản đồ quân sự in cách đây mấy năm đã ghi rõ: vô số lưới cá trên phá. Sự kiện này không phải chỉ có trong năm nay mà đã có từ mấy chục hoặc mấy trăm năm về trước, kể từ khi chúa Nguyễn Hoàng trốn lưới gươm oan nghiệt của Trịnh Kiểm, chạy vào Nam lập nghiệp theo đúng lời dạy "Hoành sơn nhất dải, vạn đại dung thân". Chúa Nguyễn đóng đô ở Ái tử, Quảng trị rồi thiên đô về Phú xuân. Những người dân Việt theo chân chúa Nguyễn mang nghề chài lưới xuống phương Nam và ngoài biển Thuận an, phá Tam giang cũng là một nguồn lợi vô tận của nghề đánh cá.

Làng em vốn làm nghề chài lưới

Tôi theo một chuyến công tác chở tặng phẩm cứu trợ từ Huế ra Hương điền. Tiếp nhận tặng phẩm từ phi trường Phú Bài cho lên xe, chạy xuống cửa Thuận, qua phá và từ đó đến diềm hẹn Hương điền. Đồ đạc

được gói trong những thùng giấy lớn gồm mền, áo quần, mì, xà phòng và sách báo, xuất phát do lòng hảo tâm của một cơ quan từ thiện nào đó tại Việt nam hay ngoại quốc.

Một chị đàn bà bế con dại rưng rưng nước mắt bảo tôi:

— Không còn chi nữa hết anh ơi. Nhà cửa sụp đổ cả rồi, ruộng vườn, mồ mả.

Tôi nhìn chị an ủi:

— Thôi còn sống là mừng rồi chị.

Ồi! nổi mừng túi nghẹn ngào, ước mơ bình dị và thứ hạnh phúc khiêm tốn tưởng nhỏ bé bằng bàn tay vậy mà dân ta vẫn không thể với tới.

Qua phá xe chúng tôi phải dừng lại cạnh cái chợ nhỏ núp dưới vạt dương liễu cần cỗi. Phải chờ chuyển xe từ Hương điền ra xong chúng tôi mới vào được, đường hẹp nên chỉ đi một chiều. Tôi rảo một vòng quanh chợ lèo tèo vài hàng quán bán mấy thứ tạp nhạp, sẵn khoai, bánh trái và cá biển. Ngồi bệt trên cát nóng ăn đĩa bánh bèo với thật nhiều tôm chấy, tóp mỡ, nước mắm và ớt xanh, món sở trường của tôi mỗi lần trở lại quê hương. Hơi nóng từ cát biển tỏa ra hừng hực đúng với tên gọi của nơi tôi đang ngồi: Thôn Thái dương, với mặt trời chói lọi, biển cát mịn mịn, nóng kinh khủng và gió tàn khốc.

Sự chờ đợi rồi cũng chóng qua, xe rì rì chui vào cái thôn mang tên

chung với dân tộc Nhật bản. Mười bánh của chiếc quân xa ngập sâu một nửa vào cát trắng, lạch trườn tới một cách khó nhọc. Đây chỉ là con đường dã chiến vừa được thiết lập xuyên qua các thôn ấp chạy dọc theo phá Tam giang. Song song với con đường liên thôn này còn có một đường mòn khác nối liền Thuận an đến Quảng trị. Đường đất đắp trên những dãy ruộng vừa đủ cho người và một con trâu di chuyển. Xe gặp ghềnh, mấp mô qua ấp An lộc A, B, chợ Con gái (À ! cái chợ có cái tên thật kỳ cục nhưng chắc là nhiều con gái lắm), ấp Phường am, Thành công, Lãnh thủy, Minh hương. Vẫn khung cảnh quen thuộc, những lũy tre xanh, mái nhà lợp tranh hoặc tôn, những bà mẹ quê mượn sức gió để dênh lúa, dân làng di chuyển trên xe đạp hay đi bộ, cuống cuống nép sát vào bờ tre khi chiếc xe kèn còi của chúng tôi lạch chạy qua.

Gã tài xế trẻ măng bên tôi nói lớn trong tiếng gió «Bây giờ họ quen rồi chứ trước đây mấy tuần khi tụi tôi mới chạy qua làng, dân chúng túa ra hai bên đường để xem mặt mũi cái xe hơi ra làm sao cho biết». Xe qua vài thôn làng chuyên nghề đánh cá, trước sân phơi đầy những mẻ cá khô, các mảnh lưới phơi hoặc vắt lủng lẳng trên sào tre lấp lánh nắng vàng và ướp nồng hương biển mặn. Tôi đốt một điếu thuốc, hồn chột rung động, bênh bồng cảm giác ngày cũ khi nài nỉ được bác chài hàng xóm được theo thuyền ra khơi đánh

cá, cũng trên vùng biển xanh này mà độ sâu sát bờ đo được từ mười thước trở lên. Theo thuyền ra khơi, còn gì kỳ thú bằng giấc mơ phiêu du thứ nhất trong đời, làm quen với biển cả và những sóng gió triền miên mà tôi bắt gặp suốt đường đời khi lớn lên sau này. Động lực nào khiến chú bé mười tuổi dám làm chuyện tay gan đó ? Tất cả bắt nguồn từ một bài học thuộc lòng với những vần thơ óng ả nắng mai và hùng hồn như sóng, được đọc lên từ đôi môi hoa hồng của cô giáo trường làng :

*«Làng em vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây, cách biển nửa ngày
sông
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn
mã»...*

Tôi nhìn lui phía sau lòng xe, cát bụi tung lên mù mịt, không cần mài kiếm dưới trăng mà mấy chiến sĩ nhà ta tóc đã bạc trắng rồi.

Quê hương em nghèo lắm ai ơi

Tôi không muốn trầm trọng hóa một tình trạng xã hội và nhân sinh tại miền đất này nhưng nghèo là một tình trạng không thể chối bỏ, nghèo như một căn bệnh cố hữu đã ăn sâu vào xương tủy, nhìn thấy rõ rệt qua bề mặt đời sống. Trong những thôn làng nhà cửa tương đối còn gọi được là những mái nhà, thỉnh thoảng tôi còn bắt gặp một hàng rào dâm bụt, phát phơ những cành hoa đỏ chiu xuống như chiếc dù nhưng dọc theo

những đôi cát tôi đã thấy những túp lều tranh lụp xụp, những cái chòi thì đúng hơn, có khi một bức phên tre hay tấm cốt gác trên hai chiếc thuyền lật úp song song với nhau trên mặt cát nóng bỏng, dưới đó quây quần một gia đình sống như trong một hang động thời tiền sử, lúc nhúc những đứa bé trần truồng chỉ cách nhau một tuổi. Những chén cơm độn khoai sắn, ở giữa lòng chông một đĩa cá khô, loại cá phơi nắng để giữ năm này qua tháng khác. Chén cơm khốn khó, hạt ngọc cay đắng của đất trời chưa kịp lùa vào miệng, một luồng gió đã ập đến, cát bay rào rào phủ lên chén cơm. Sau cơn gió, người ta thản nhiên ăn, chén cơm trộn lẫn khoai và cát, không một nét nhăn nào hiện lên trên nhưng khuôn mặt quen chịu đựng.

Sống trên vùng đất đầy tai ương và bất trắc này con người phải biết hòa mình, thích hợp với thiên nhiên. Thích hợp, chưa đủ còn phải chế ngự và khắc phục thiên nhiên nữa. Bao lụt hằng năm rồi lại hạn hán, mất mùa, những ngọn roi khắc nghiệt của thiên nhiên, chưa kể những tai họa đến từ con người. Giặc Pháp vừa qua, vết thương chưa lành rồi chiến tranh qua phân lại ào đến, những trai tráng lần lượt bỏ làng bỏ thuyền, xa đồng xa biển để cầm súng không bên này thì cũng bên kia.

Những lườn cát dài nối đuôi nhau cao ngất, bên sườn trồng nhiều cây dương, một hình thức chống lại thiên nhiên, nếu không chỉ cần một cơn bão cát hoặc mưa lũ cuộn cuộn cũng có thể

cuốn một đôi cát dài hàng cây số đến một nơi khác. Trên những ruộng lúa, nông phu đào những vũng sâu để giữ nước ngọt, vừa uống, giặt rửa lại vừa cho nước vào ruộng. Vậy mà đồng ruộng vẫn xanh, dạt dào màu lúa con gái. Một đôi nơi lại có cảnh dân quê tụ tập tát vũng, bắt cá, đơm, còng. Đông đảo và hăng hái nhất vẫn là những đứa bé mình trần, bết bết những vệt bùn đen. Bữa cơm thanh đạm sau lũy tre xanh chiều nay thế nào chẳng có thêm bát canh đơm (một loại cua đồng nhỏ) kẹp với rau cải, đĩa cá đồng nướng hoặc kho.

Nhìn những khuôn mặt thấp thoáng đó đây dưới những chiếc nón lá tôi không biết họ đang buồn hay vui nhưng chắc trĩu đầy lo âu vì những vất vả của cuộc sống. Làm sao đọc được những tình cảm, ước mơ chôn kín dưới đáy sâu tâm hồn, khép chặt như sự rêu gọi của đại dương trong lòng con ốc nhỏ. Sự linh hoạt của đời sống nơi miền đất heo hút này chỉ còn được nhìn thấy trên những bước chân sáo của các bé thơ và sự chăm chút nhau sắc kín đáo của các nàng thôn nữ, các bộ quần áo vải hoa mỏng, những mái tóc chải suông sẽ hơn kể từ khi các anh «lính Saigon»chuyên quân qua làng. Trong một chiếc quán tại một ngôi chợ nằm sát phá Tam giang tôi còn nghe được vài bản nhạc nhẹ nhàng, tình cảm phát ra từ chiếc máy thu thanh. Ly đá lạnh nước lờ lợ đem đến chút tươi mát cho tâm hồn. Gió từ phá thổi lên lao xao những cảnh dương

tcần cỏi gọi chút ảo tượng bình an rong thoáng chốc.

Tôi nghĩ đến những bàn tay ngửa ra dọc hai bên đường kẻ cả vài bàn tay người lớn khi xe chúng tôi đi qua. Hãy rứt lại những bàn tay măng non, trời đất sinh ra để các em cầm viên phấn trắng run run viết chữ i chữ ò trên bảng đen hay nắn nét cán bút lưởi tre kẻ những chữ võ lòng trong trang vở lem nhem những bết mực tím. Và những bàn tay người lớn hãy trở về với công việc cần cù thường ngày trên cánh đồng làng, ngoài biển khơi. Đồng ruộng ta bao la, biển khơi ta vô tận, còn rất nhiều tài nguyên phong phú nằm yên trong lòng đất, trên núi thẳm rừng sâu chưa được khai thác, còn rất nhiều những khoáng sản, lâm sản, hải sản, mỏ quặng, dầu hỏa. Tôi thèm ăn những bữa cơm gạo đỏ mới cắt ngoài đồng về ngọt lịm, những con cá thân bạc trắng tươi ngon.

Đừng tưởng với sự nghèo nàn hiện bên ngoài cuộc sống tâm hồn người dân ở đây đã cần cỏi, cạn khô. Tôi muốn nghĩ ngược lại, có ai yêu nhà cửa, ruộng vườn quê hương cho bằng dân chúng nơi đây dù bên lưng biển lộng trùng trùng, cát đùn bốn phía, lưởi được rỏ cá cũng phải chống chỏi với sóng cả gió to, gặt được mùa lúa sau bao ngày đập đất, nhổ cỏ, cày bừa, rải phân, đập nước từ đồng sâu lên đồng cạn. Khi quân ta đến trấn đóng tại đây, dân chúng Hương điền đã đóng góp trên một trăm ngàn đồng, gọi là chút quà mọn

tặng các chiến sĩ gìn giữ quê hương.

Làm sao nói hết sự cảm động, ngậm ngùi trên đôi mắt những người lính chiến súng đạn đầy mình, áo quần bết bụi cát hành quân. Họ từng tiếp nhận những món tiền yểm trợ nhiều hơn, có khi lên đến vài triệu bạc của các phái đoàn đến từ Saigon, các nghiệp đoàn, hiệp hội công thương, kỹ nghệ giao trao những cọc giấy năm trăm mới tinh hoặc những con số ghi trên tấm chi phiếu. Nhưng trong trường hợp này con số một trăm ngàn đồng là sự tổng cộng những tấm giấy một trăm, hai trăm hoặc 50 đồng, những tấm giấy bạc còn ướp nồng mùi biển mặn và những vết bùn non rây từ những cánh đồng xanh rì ngọn mạ.

Ai đi trong gió trong sương

Theo chiến trận tôi có dịp đi khắp đó đây, qua những thôn làng nằm dọc phá Tam giang bằng đường bộ hoặc vượt qua phá trên chiếc trực thăng võ trang. Từ khu Đại nội đến Hương điền và trở về như đi chợ, sao cứ mỗi lần qua phá lòng tôi vẫn xao xuyến, ngất ngây như cảm giác ban đầu.

Trực thăng lượn theo chiều dài của phá, bay dọc sông Hương, rà sát những con đò bập bênh cắm sào đợi khách, làn khói lam uốn éo tỏa nhẹ trong sương chiều hoặc khi gã phi công kéo cần lái vọt lên cao tôi có thể nhìn thấy Huế toàn thê từ cửa Thuận an, quận Phú vang, thôn Vĩ dạ, sông Hương lững lờ, Hữu và Tả ngạn cho đến cầu Bạch thỏ, thôn Kim long, những vựa

cây xanh trái, mái ngói đỏ, thành quách rêu phong và các hồ sen bập bênh như những tấm áo hoa của thiếu nữ đang thời xuân sắc.

Huế bên dưới tôi đó, Huế cổ kính, mộng mơ, đẹp thoang thoảng dịu dàng nhưng cũng thâm trầm, ngọt ngào như một cánh ngọc lan bùng nở trong mưa, gửi hương theo gió. Huế với nếp sống, phong tục, tập quán và định kiến khép kín như những con sò dưới biển khơi. Huế còn được biết đến như một miền mộ đạo, các chùa chiền, lăng tẩm bận rộn lễ bái quanh năm. Huế, nơi những tâm thức quặn thắt, bất mãn chung thân và ước vọng làm người của các anh em, bằng hữu có khi đi quá đà nên thường bị kết tội quá khích, bảo thủ. Nhận xét này có lý riêng của nó nhưng muốn thấu triệt vấn đề phải là người sinh trưởng ở Huế, lớn lên tại miền đất này, yêu những tráng lệ huy hoàng một thời vãng bóng và sự bất hạnh thường xuyên, nghèo nàn cổ hữu.

Trở lại quê hương lắm lúc tôi quên mất mình là một phần tử gắn liền với tập thể, ngồi tản mạn nhớ lại những câu hát đã được nghe hoặc những ca dao mẹ tôi ru những ngày còn bé. Nhớ đề thăm thía hơn về những khổ cực của những nàng «con gái Nam phò ở lò trèo cau», về nỗi nhớ thương quay quắt của những người vợ trẻ thời xưa, bị vòng đai gia đình khép kín, nhớ cảnh nhớ quê chỉ biết than vãn qua câu hát «Ai về cầu ngói Thanh toàn, cho em về với một đoàn cho

vui», «Ai về cầu ngói Gia lè, cho em về với thăm quê bên chông».

Một lần qua phá Tam giang để khám phục thêm sức mạnh vĩ đại của dân tộc ta đã sống bám lấy đất, lấy biển, vật lộn thường xuyên với sự sống như những sinh vật lưu đầy phải thi hành một sứ điệp khắt khe của Thượng đế, không hề thở than, ngày ngày đờ mồ hôi trên những thửa ruộng nứt nẻ như những đường chỉ tay bất hạnh chằng chịt trên thân phận con người. Nhưng rồi mạ vẫn xanh, lúa vẫn chín, hoa nở trước sân và chiều chiều thuyền về cá chát đầy khoang, tiếng cười nói xôn xao trên bến đò. Tôi muốn quì xuống bên mỗi khóm hoa, hôn lên đề tỏ lòng khám phục, tạ ơn đời, tạ ơn tình người chứa chan bộc lộ nồng nàn trên các luống hoa lung linh màu sắc này.

PHẠM VĂN BÌNH

(Phá Tam giang 1-8)

(*) Các tiêu đề, những giọng in nghiêng và trong dấu ngoặc mượn từ ca dao, các bài thơ và nhạc Việt-Nam.

Đã phát hành :

NGƯỠNG CỬA

CHIÊM BAO

Thơ ĐÀM XUÂN CẬN

THẾ PHONG vào đề

SÁNG TẠO xuất bản

Giá 60đ. Ở xa xin gửi cho Doãn Quốc Sỹ, 338/60B Thành Thái, Saigon.

PHÂN ƯU

Chúng tôi được tin bà Quả phụ: **NGUYỄN Đ NH QUANG** nhờ danh **TRƯỜNG THỊ TIẾN** nhắc mẫu anh **NGU-Í NGUYỄN-HỮU-NGU** vừa từ trần ngày 27-7-1972 tại Quảng-Ngãi, hưởng thọ được 84 tuổi.

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến và anh chị Ngu và cầu chúc hương hồn Bác được về miền Cực lạc.

Lê-Ngộ-Châu, Nguyễn-Hiến-Lê, Lê-Thanh-Thái, Châu-Anh, Phạm-Văn-Thơm tự Sanh, Võ-Phiến, Vũ-Hạnh, Cô-Liêu, Xuân-Hiến, Nguyễn-Liên, Nguyễn-Văn-Kỳ, Đỗ-Nghê, Hoàng-Ngọc-Tuấn, Tôn-Thất-Hàm.



Nhức đầu
Đông
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

TRANG
SCIENCE

121/877/0009

ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.460

Trương Mục

TIẾT KIỆM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

Kể từ ngày 01-08-1972, ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG sẽ dành **LÃI XUẤT ĐẶC BIỆT** cho loại Kỳ Thác Tiết-Kiệm Định-Kỳ, tương-ứng với thời gian ký-thác như sau :

— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gửi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiệm Định-Kỳ « CON PHƯỢNG VÀNG » Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỬI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

* * *

KỶ THÁC TIẾT KIỆM THƯỜNG : LÃI SUẤT 19% MỘT NĂM
(THAY VÌ 17% MỘT NĂM).

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cnolon, 47 Tổng Đốc Phương ĐT : 51.047

— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh, 21 Yersin ĐT : 99.386

— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123 Gia-Long ĐT : 96.827

— Chi-Nhánh Thị - Nghè, 22 Hùng Vương ĐT : 96 251

— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10 Nguyễn Hữu Cảnh ĐT : 36

— Chi - Nhánh Banmêthuột, 80-82 Quang Trung ĐT : 148.083

— Chi-Nhánh Sađec, 139-141 Tổng Phước Hòa ĐT :

— Chi-Nhánh Vinh Bình, 24 Gia Long ĐT : 92

— Chi-Nhánh Long An, 36 Thống Nhất ĐT : 20

Chi-Nhánh Vĩnh Long, 49 Phan Thanh Giản ĐT : 93

— Chi-Nhánh Đà Nẵng, 197 Độc Lập ĐT : 21.077

V À O ĐỜ I

(tiếp theo B.K số 374)

Cái anh chàng dám mắng Tông-trường đến trễ gần nửa giờ. Mọi người đã đến đủ, và đang ngồi theo từng nhóm chuyện vãn dưới ánh đèn mờ. Ngay giữa sân thượng, hai cái bàn lớn phủ khăn trắng đầy những đĩa thức ăn. Ba bình hoa thủy tinh cắm lan trắng nổi hẳn trong không khí âm u huyền diệu, phảng phất đưa hương theo gió. Ghế nệm không đặt sát bàn ăn theo lối dọn tiệc thông thường. Hàng ghế kê sát theo lan can, dưới mấy bóng điện vàng nhờ nhờ. Mỗi người, có mỗi cái đĩa hoa lớn, một cái muỗng và một cái nĩa, để tự ý chọn món ăn thích hợp. Tẹt một lớn đầy đá để giữa bàn, chồng ly giấy đặt ngay bên cạnh Đâu bên kia, vài chai bia, nước cam, cô-ca mở sẵn. Ai muốn uống thứ gì, cứ việc gắp đá cho vào ly, chọn loại giải khát, rót ra từ từ cho bọt khỏi tràn đầy làm hoen tăm khăn trắng, rồi để ly lên đĩa của mình. Khách có thể bưng đĩa đi đâu cũng được, vừa ăn vừa nói chuyện với bạn bè. Chỉ có ông Tường ba Vân ngồi sát bên bàn ăn. Ông không quen với lề lối mới, nên bảo anh Hân đặt một cái ghế gần sát bên bàn, chặm rai, im lặng ăn uống, không nói chuyện với ai.

Vân là người trước tiên nghe tiếng chuông gọi công, nên vội chạy xuống mở cửa cho bạn. Quang hấp-tấp nói :

— Tao xin lỗi. Hai anh em cãi nhau suốt buổi chiều. Gia đình tao buồn quá. Đến lúc anh Lâm bỏ đi quán, tao mới mặc quần áo xuống đây bằng chuyển xe Lam cuối cùng. Tao đã tự nói với mình : Nếu bấm chuông đến lần thứ hai mà không ai ra, thì nên về. Đến trễ thật bất lịch sự.

Vân vội trấn an bạn :

— Không sao. Tao chờ mãi. Cũng anh em trong nhà cả. Có may, tiệc mừng của tao mới có ý nghĩa, vì con Thương lỡ đem may ra dụ khị tụi bạn rồi... Quang vừa đi theo bạn vừa cảm thấy ngượng ngùng. Vân mặc một bộ complet may đẹp màu xanh đen, cà vạt đỏ có sọc nâu. Cờ áo sơ mi trắng nuốt. Dáng điệu, cử chỉ của Vân đêm nay có vẻ tự tin, thành tạo, hoạt bác. Quang chỉ mặc áo sơ mi trắng dài tay và quần kaki vàng. Quang nghĩ thầm : May mình mang giày đàng noàng, chứ không mang xăng đan như mọi lần.

Vân dẫn Quang đến chỗ ông Tường ngồi, Quang đứng sau lưng Vân, khi bạn giới thiệu :

— Thưa Ba, đây là Quang, bạn con. Hôm trước, anh ấy có đến đây ngủ một đêm.

Ông cụ gật đầu, nghe một cách thờ ơ, nói một hai tiếng gì đó trong cồ họng không ai hiểu. Vân hỏi cha :

— Ba uống thêm bia con khui chai khác ?

Ông cụ lắc đầu, giữ im lặng khó hiểu, Quang cảm thấy ông cụ thực sự lạc loài giữa một khung cảnh quá khác lạ với nếp sống, nên mãi từ lâu, vẫn chưa hết ngỡ ngàng. Hơn thế nữa, sự hiện diện của ông cụ còn làm mọi người ngại ngùng. Không ai dám tự tiện đến trước mặt ông cụ gấp thêm đá, rót thêm nước ngọt, hay cầm vài cuốn chả ram. Nhiều người cầm cái ly không lắc qua lắc lại cho đá chảy ra, đưa lên miệng uống nước mát để giấu bối rối. Tiếng nói chuyện xầm xì hết sức e dè, nên không khí bữa tiệc đang càng ngày càng nặng nề, nhạt nhẽo.

Vân thấy nguy, đề nghị với cha :

— Ba có một đề con đưa vào phòng nghỉ ?

Ông Trưởng, bấy giờ mới nói, giọng đã hơi ngái ngủ :

— Ờ, ờ, nói thẳng Hân lo mời khách. Thưa lại quý ông cho ba xin kiếu.

Ông Trưởng nhìn Quang, gật đầu nhẹ nửa như muốn chào nửa ngờ ngộ không nhớ ra ai. Quang nói :

— Không dám. Thưa bác đi nghỉ.

Ông cụ vừa đi khỏi, không khí đã đổi khác. Giống như một phép lạ. Tiếng cười đùa lớn hơn. Ông Hân đích thân xách cái thermos đá gấp bỏ cho từng người. Thương và Vân khui thêm bia và nước ngọt. Vân dùng hai tay gom cứng bốn chai Coca mở sẵn đem lại phía nhóm phụ

nữ đang khúc khích hàn huyên. Vân bảo Quang :

— Mày đi theo tao. Có việc cần gấp lắm.

Các cô gái đang ngồi dưới tàn cây bông giấy. Ngọn đèn nấp sau một chùm hoa ánh sáng lắt lay nháy múa trên các khuôn mặt tươi đầy. Vân đề các chai nước xuống cái bàn thấp bên cạnh cô mặc robe đen :

— Đây, nguồn suối lạnh và cơn sóng dữ của các cô đây.

Nhiều tiếng cười nhỏ và tiếng xuýt xoa chế giễu. Thương bảo anh :

— Chi mà văn hoa quá. Anh định cướp nghề văn của hai cô ban C trường nữ trung học sao ?

Vân vội vàng biện minh :

— Không, không. Trăm lần không. Ngàn lần không. Đầu dám múa rìu qua mắt thợ. Phải không Diệu Thúy, Tiểu Hoa. Trong đầu tôi toàn là cây cỏ, đất đá, phổi phèo máu huyết mà thôi. Nhưng mấy chai nước ngọt ướp đá này không phải là nguồn suối lạnh à ? Còn ông trưởng dám mắng vào mặt Tổng trưởng đây không phải là cơn sóng dữ sao ?

Các cô bây giờ mấy chú ý đến Quang. Quang bối rối, đôi tay cảm thấy thừa thãi, và cả sự có mặt của mình, đứng tần ngần ở chỗ này, cũng trở thành trở trên lối bịch. Quang chơi vơi, đang cần một cái gì đó nắm trong bàn tay, một chỗ vững để tựa lưng vào. Vân cứu nguy cho bạn bằng cách đưa một ly giấy có sẵn đá ;

— Quang uống bia không. Các cô không phải dân nhậu, nên từ nãy đến giờ chai bia đem đến đây còn nguyên vẹn.

Quang phục sự tế nhị của bạn, cố gắng nói một cái gì :

— Mấy chị học ban C hết à ?

Cả đám cười khúc khích. Thương mau miệng tự nhận là phát ngôn viên của nhóm nữ nhi :

— Chỉ có hai chị thôi.

Rồi Thương cố ý dẫn mạnh chữ CHỊ để kích bác lối xưng hô không thích hợp của Quang.

— Chị Tiểu Hoa và chị Diệu Thúy.

Cô mặc robe đen lên tiếng :

— Còn chị Thương Thương thì theo ban A như anh Vân.

Quang không biết cô vừa nói tên Tiểu Hoa hay Diệu Thúy, tìm cách giải thích nhưng rõ ràng lúng túng ngay từ đầu :

— Cô... cô...

Cả bọn con gái lại cười. Vân cũng cười, nhưng làm ra vẻ đàn anh :

— Kia. Cái gì mà cười. Dân An-nam ta có khác, gì cũng cười. Hay cũng hì, dở cũng hì, phải cũng hì, trái cũng hì. Mọi sự hì một tiếng, mất hết cả nghiêm trang.

Vân cố lấy giọng đọc bài ê a để nhái lời Nguyễn văn Vĩnh. Cả bọn lại cười.

Thương xin lỗi :

— Lỗi tại em không giới thiệu rõ ràng cho anh Quang. Em xin lỗi. Bây giờ xin giới thiệu cho quý liệt vị biết nhau nhé : chị mặc robe đen này là Tiểu Hoa, chị mặc polo đỏ này là Diệu Thúy. Chị mặc áo trắng này là Na, bà con của em. Còn đây là anh Quang, người hùng của trường nam.

Quang vội nói :

— Cô Thương đừng nói thế, tôi thẹn lắm. Tôi hối hận thật sự, nghĩ đi nghĩ lại không biết có ma quỷ ám hay không mà lên nói thao thao, trong khi biết rằng rồi ra, chẳng đi tới đâu hết. Đi đâu, nghe ai nhắc lại chuyện đó, tôi cảm thấy nhột nhạt, muốn...

Diệu Thúy chen vào :

— Thương nó nói đùa cho vui, anh đã giận, đòi bỏ về.

Quang bối rối chữa lại :

— Không, tôi muốn nói là nghe ai nhắc tới vụ đó, tôi muốn độn thổ luôn.

Tiểu Hoa bảo :

— Ngược lại, bọn em dưới trường nữ nói chuyện với nhau, đều xem anh như một người hùng. Dám lên giữa khán đài, bảo thẳng vào mấy ông thắt cà vạt...

Vân cắt ngang :

— Nói xấu gì mấy ông thắt cà vạt đó ? Tôi có thắt cà vạt đây.

Tiểu Hoa cải chính :

— Không, em nói mấy ông thắt cà

vạt suốt đời kia. Thất đến nỗi cồ nghệt, nói không ra hơi, vai so lại có rồ. Nói cho mấy ông hiểu bọn trẻ sợ mấy ông mà không phục mấy ông, là điều can đảm.

Thương hỏi bạn :

— Vì sao sợ mà không phục? Có phục mới sợ chớ?

Tiêu Hoa cãi :

— Có trường hợp sợ mà không phục. Sợ cô giáo cho zéro hạnh kiểm hay hôm nào cũng gọi lên đọc bài.

Sợ cô giáo lên lớp, bảo không được quyền mặc quần corsaire đi phố. Nhưng cô giáo bảo mình phải tuân theo những điều cô nói, mà đừng bắt chước những điều cô làm. Cô bảo cấm mặc corsaire thì phải vâng lời, không được thắc mắc vì sao cô lại mặc corsaire đi picnic.

Vân lắc đầu nhẹ nhẹ, cười nói :

— Ai dà, toàn là những tâm hồn phần nộ. Toàn là những người hùng im lặng không phục mà không thề tỏ ra lời nói.

Thương và cả bọn đều cười thích thú. Thương nói :

— Vậy mới oai.

Vân nhận xét :

— Oai ở chỗ đưa ra một thứ triết lý corsaire, chứ không phải cái oai ngậm miệng ăn thua. Không ngờ Tiêu Hoa nhân cái quần phụ nữ mà diễn tả được «tâm tình tuổi trẻ, niềm đau thể hệ». Nhưng coi chừng lỗi thời lúc nào không hay đấy. Báo thời trang

báo hiện nay một quần đàn bà không bó sát vào thân thể nữa, mà rộng thùng thình. Càng rộng càng tốt. Giống như kiểu quần chân voi của lính thủy.

Rồi Vân cùng với Diệu Thúy, Thương, Tiêu Hoa, bàn luận huyền thiên về thời trang, từ quần áo, cách chải tóc cho đến các bản nhạc rock đang được ưa chuộng. Quang đứng dựa vào lan can, cầm ly bia lắc qua lắc lại nghe tiếng đá chạm vào thành ly lạch cạch cho qua thì giờ. Quang chú ý cô áo trắng vì cái vẻ lạc lõng giữa không khí rộn rã lạ hoắc, giống y tâm trạng của Quang. Cô trạc tuổi với Thương, nhưng tóc kẹp lại gọn ghẽ, mặc áo dài trắng, quần đen, không đủ kiến thức để góp lấy một câu nói. Cái nhìn của cô bé hướng về Vân tràn đầy niềm cảm phục say sưa. Na theo dõi từng cái hươ tay, từng câu nói, từng tiếng cười của Vân. Đôi mắt đăm đăm và khi ánh đèn chiếu lên, tỏa ra một luồng sáng khác thường. Quang theo dõi nét mặt của Na một lúc, lại chán, trở về với câu chuyện chung. Vân đang hùng biện :

— Nói cho cùng, đàn bà chỉ có bấy nhiêu đó. Thay đổi một miết cho lắm rồi cũng vậy thôi : cái cồ cao lên tới mang tai, rồi lại hạ thấp xuống tới ngực. Hở rồi kín. Kín rồi hở. Cánh tay khi thì rộng thùng thình, khi thì bó hẹp lại. Khi lên cao. Khi xuống thấp. Quan trọng đâu phải ở thời trang, Quan trọng là người mặc quần áo. Cứ thấy người ta mặc đẹp, thì bắt chước. Người ta mặc thành ra thiên nga.

Mình mặc vào thì cả thành phố khóc thét. Giống như trường hợp cô bé ở bên cạnh nhà chị Lý. Một hôm, cô ta thấy Tiều Hoa mặc robe, cũng bắt chước về may.

Tiều Hoa giờ nắm tay ra trước dọa.

— Cái anh Vân này. Kỳ quá. Mặc gì có Tiều Hoa trong đó.

Vân vờ nghiêng mình tránh cú đâm tưởng tượng, cứ nói tiếp :

— Thật mà. Cô ta bắt chước Tiều Hoa. Ai ngờ, Tiều Hoa mặc thì..., còn cô bé kia mặc vào, thì ai cũng biết cô ta bị ghê ruồi kinh niên.

Cả bọn lại phá lên cười,

Anh Hân bên nhóm mấy-ông-thất-cà-vạ, hỏi sang :

— Mấy cô mấy cậu bàn chuyện gì mà vui vẻ thế ?

Nhóm thanh niên đang hút thuốc nói chuyện gần cầu thang cũng quay lại. Một người mặc áo sơ mi trắng, mang kính cận thị gọng vàng, quần màu nhạt, tách khỏi đám đi về phía Vân, Quang. Cả Tiều Hoa lẫn Diệu Thúy đều ngưng bật, mặt mày sợ sệt ngồi nép sâu vào bóng tối. Diệu Thúy nói nhỏ :

— Chết. Thầy đến hỏi nào tụi mình không hay. Cười nói thả giàn.

Ông giáo sư đến gần Vân. Vân hỏi :

— Tụi này chờ anh lâu lắm. Anh lên hỏi nào ? Chị đâu ?

Không cần nghe câu trả lời của

ông giáo sư, Vân quay lại phía Quang giới thiệu :

— Đây là anh Vinh, dạy dưới trường nữ, chồng của chị Lý. Cái nhà đảng Phan Bội Châu tụi mình ở hôm trước là do anh chị thuê. Anh Vinh sắp được đòi vào dạy trong Saigon.

Bấy giờ mấy cô gái mới nhao nhao lên hỏi :

— Thầy đòi đi nơi khác thật không thầy. Ở lại dạy bọn em thầy.

Ông Vinh phải dùng kể hoãn binh.

— Chưa có gì chắc đâu. Từ tình xin về thủ đô khó khăn lắm. Ở đây sương chán, cần gì đi đâu nữa. Từ nãy đến giờ, anh Quang kể chuyện tù binh chiến công vui quá. Nhưng chắc không bằng đảng này.

Ông Vinh cố gắng đem cái không khí tự nhiên cho nhóm mấy cô học trò. Nhưng chính ông cũng nhận thấy mình thất bại. Sự có mặt của mình, không được ai mong đợi cả. Chính ông cũng mất tự nhiên, sau khi biết mình đã làm cho bọn trẻ mất tự nhiên. Ông Vinh hỏi Vân :

— Ban tam ca đảng kia đang thiếu bia. Có còn nhiều không Vân ?

Vân nhìn lên cái bàn con :

— Ở đây còn cả khối. Các cô chỉ uống nước ngọt. Hay là kêu mấy ông tướng đó lại đây cho vui.

Ba người thanh niên tiến về phía tàn bông giấy. Trong lúc Vân lại lo giới thiệu, thì ông Vinh tiến về phía Quang.

— Anh là bạn cùng lớp với Vân ?

— Dạ.

— Anh đậu rồi chứ ?

— Thừa vâng. Em học B, Vân học A. Nhưng chúng em làm việc với nhau trong Ban Chấp Hành.

Ông Vinh ngạc nhiên, hỏi vội :

— Thế em là Quang phải không ?

— Dạ.

Ông Vinh vồn vã kéo tay Quang về phía nhóm kia :

— Như vậy em phải đi với tôi lại đảng này. Phải đứng gần người lớn, kề sát vào mấy vóc dáng lừng lững

đã từng thẳng thừng qua bao nhiêu phế hưng đó, đề tìm hiểu họ. Nghe xem họ đã làm gì, đã nghĩ gì, và bây giờ, định làm gì nữa...

Nhóm trẻ đang bắt đầu cuộc bàn luận, không chú ý gì đến Quang và ông Vinh nữa. Chỉ có ông Hân mỉm cười chào Vinh, còn ba người kia mãi miết tranh luận. Ông Vinh ngồi xuống cái ghế gần ông Hân ngay dưới bóng đèn treo trên giàn hoa.

Quang ngồi ở góc tối, như một người dự cuộc dè dặt, lo xa...

(còn tiếp)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

THÔNG-CÁO

Ban Thường Vụ Trung Tâm Văn Bút Việt Nam trân trọng kính mời các Văn hữu xa gần về tham dự phiên họp Đại Hội Đồng Thường niên, niên khóa 1972 — 1974 vào lúc 9 giờ sáng Chủ Nhật 20-8-1972 tại trụ sở của Hội ở số 107 đường Đoàn Thị Điểm, Saigon.

BAN THƯỜNG VỤ

Đã phát hành

BAO GIỜ

Tập truyện của TẠ TỰ

Một tác giả đang được ái mộ.

Gìn Vàng Giữ Ngọc xuất bản — Giá 300đ.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Một sớm mai về
Thơ TƯỜNG LINH

Một sớm mai về
Ngày vui thứ nhất
Ta đi chân đất
Mặc áo vải thô
Dẫm lá tre khô
Rụng đầy lối sỏi
Ta cười ta nói
Ta hát nghêu ngao
Bước thấp bước cao
Qua bờ ruộng nhỏ
Mẹ già ta đó
Hái mướp bên rào
Áo nâu thuở nào
Thêm nhiều mụn vá
Cần chi mẹ ạ
Một sớm mai về
Thằng bé nhà quê
Thoát tầm lưới đạn
Đầu ngày nắng sáng
Nhà ai chung vườn
Khói bếp mẩn thương
Thơm xôi nếp mới.

Chia xa với vợ
Một sớm mai về
Tắm nước sông quê
Ngàn đời chẳng đục.

Ta buông cần trúc
Bờ cỏ im ngời
Con giếc thử mỗi
Con rô đớp bóng
Đài sen sương đọng
Hồ lộng màu thu
Trên ngọn mù-u
Có đôi chim gáy
Trông chòm lau sậy
Tiếng quốc u oa
Dưới bóng đa già
Cút côi quán nước
Năm trên cỏ mướt
Ta nhằm vần thơ...

Giấc mơ choàng tỉnh
Ngày ấy...bao giờ ?

Em gái hồi cư

Thơ ĐÔNG TRINH

Ừ thôi em sửa soạn về,
Nắng hanh đã có mây che ngang đầu.
Lòng tôi xin là con tàu,
Xuôi em một trạm cho sàu nặng vai.
Tóc xin thả gió về trời,
Môi em hàm tiếu xin tươi nụ hồng.

Bước đi em, rất ngập ngừng,
Phượng trong thành nội sẽ mừng em ra.
Sen vui nở đóa bất ngờ,
Rủ hàng bông muối rụng thơ xuống lòng.

Lời em vui họp chợ đông,
Áo bay ẩm lại bến sông thân tình.
Vai cầu cưới bàn tay xinh,
Nón nghiêng bóng lá thuyền xanh bóng người.

Em về tắt hết giùm tôi
Ngọn trong hiu hắt ngọn ngoài tiêu sơ
Ngọn ma quái, ngọn dật dờ
Hiên im vắng đợi, công ngo ngoác nhìn
Em về khơi sáng niềm tin,
Sân tươi bóng lá vườn in dấu hài.
Cây đời trở nụ tương lai
Có con chim vỗ cánh ngoài bóng đêm.

thuốc ho viên

**Pectal
FORT**



trị các chứng **HO**



ho gà, ho khan,
ho từng cơn,
ho ra đờm,
cảm - suyễn,
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

**PECTAL
FORT**

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan

ho từng cơn

ho ra đờm

cảm suyễn

sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây

Những Nhà Văn Thi sĩ tiền chiến Hà Nội đã xuất hiện tại Sài-gòn, do một nhà văn Miền Nam -- Kim Nhật -- hướng dẫn và giới thiệu, thành phần có mặt:

1- HUY CẬN

3- XUÂN DIỆU

5- NGUYỄN CÔNG HOAN

7- TÔ HOÀI

2- NGUYỄN TUÂN

4- NGUYỄN ĐÌNH THI

6- CHẾ LAN VIÊN

8- NGUYỄN HỒNG

Các Bạn Văn Nghệ sĩ, Trí thức, Sinh viên học sinh v.v... muốn biết đầy đủ chi tiết về tin tức này, xin đến các nhà sách đứng đắn trên toàn quốc hỏi:

Những Nhà Văn Tiền Chiến Hôm Nay
của KIM NHẬT

để biết rõ về cuộc đời và sự nghiệp văn học nghệ thuật của họ từ năm 1945 đến "hôm nay".

HOA ĐĂNG xuất bản

LÊ LỢI THƯ QUÁN tổng phát hành

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Đạo chích

Tác phẩm giật gân ở Mỹ hiện nay có lẽ là tác phẩm của ông Abbie Hoffman. Nó mang nhan đề : *Hãy ăn cắp cuốn sách này*.

Đó là sách hô hào cách mạng. Bởi vì A. Hoffman là một nhà cách mạng, và ăn cắp là một hành động cách mạng ! Chủ thuyết cách mạng dạy rằng xã hội Mỹ là tư bản, là đế quốc, là "đế quốc Heo". Sự sinh sống ở "đế quốc Heo", chủ yếu là ăn cắp : Kẻ giàu có, quyền thế thì ăn cắp của hạng nghèo khổ, thất thế, kẻ thành công, được trọng vọng là những kẻ đã ăn cắp nhiều nhất. Vậy người cách mạng hãy ăn cắp của cái bọn ăn cắp. Đó là đạo đức mới, đường lối cách mạng mới ở đế quốc Heo.

Nhà cách mạng A. Hoffman không hô hào giữa sa mạc : giới trẻ hôm nay ở Mỹ hưởng ứng ào ào. Trong thời gian gần đây các cửa tiệm điên đầu vì những vụ ăn cắp vặt, các nhà hàng khốn khổ vì nạn ăn giựt, nhiều công ty méo mặt vì các vụ gọi điện thoại quít tiền v.v... Lực lượng cách mạng hoạt động hăng hái đến nỗi cầm nhầm luôn hàng hóa bày bán tại các cửa tiệm của các "đồng chí", tức của các nhóm hippy. Thừa thắng xông lên, lực lượng lên vào nhà lãnh tụ A. Hoffman bê luôn chiếc Tivi màu, khiến lãnh tụ chửi thề ồm tỏi.

Trước làn sóng cách mạng đang lên, phe phản cách mạng cũng có vài sự chống trả. Chẳng hạn hầu hết các đài phát thanh và báo

chỉ xúm nhau tẩy chay, không chịu quảng cáo tác phẩm của Hoffman ; rất nhiều hiệu sách không chịu bày bán ; một số tiểu bang không cho sách vào ; có những quốc gia (như Gia-nã-đại) chặn sách ở biên giới, tổng cò về Hoa Kỳ v.v...

Nhưng chừng ấy phản ứng ăn thua gì. Nay mai mà McGovern làm nên Tổng Thống, thì chính trị ấy văn hóa ấy sát cánh với nhau : Ma-túy, đồng tính luyến ái, ăn cắp v.v... mọi hoạt động cách mạng nhất loạt tung ra, sức mấy mà "đế quốc Heo" không gục ? Hãy yên chí : Ở đó sẽ không còn một đế quốc nào nữa, ở đó sẽ chỉ có một cảnh địa ngục.

Đạo sờ

Tư tưởng cách mạng ở Anh không theo kịp tư tưởng cách mạng Mỹ. Desmond Morris không hô hào đánh gục đế quốc nào, ông ta chỉ chép miệng than phiền rằng ở xã hội văn minh ngày nay sự sờ mó không còn được tự do, như vậy văn minh làm hại con người nhiều lắm.

Vị cựu Giám đốc Sở thú Luân-đôn, chuyên về các động vật có vú, đã từng viết về *Con khỉ trụi*, nay lại vừa cho xuất bản cuốn sách nói về *Đôi lứa trần trụi* (Le couple nu).

Nhận định rằng chúng ta không phải có một thân xác, chúng ta chính là thân xác, tác giả lấy làm tiếc là xã hội đã đặt ra quá nhiều ràng buộc cấm đoán đối với tấm thân xác ấy. Thân xác có những thích thú của nó : Thuở nằm trong bào thai nó

hưởng cái hơi ấm giữa lòng mẹ, nó được từng cử động của mẹ lắc lư ru đây... Những tiếp xúc mơ n trốn ấy làm nó thích thú. Thế rồi nó bị tổng xuất ra cõi đời, tai hại hơn nữa là ra cõi đời văn minh. Ở đây thân xác mỗi người thành một cấm kỵ, phải che giấu, không được công nhiên hưởng sự tiếp xúc mơ n trốn. Cho nên bên có những mơ n trốn trá hình : đấm bóp, ngoáy tai, cạo mặt, gội đầu v.v...

Theo chiều hướng ấy, đạo sờ là một đường lối cách mạng văn hóa. Đạo liếm thì hơi tả khuynh quá đà một chút.

Tư bản khờ

Maurice Duverger không kêu gọi đồng chí tiến lên lật đổ xã hội tư bản bằng chiến lược "bỉ vô" như A. Hoffman, tuy vậy ông ta cũng chê tư bản tận mạng, trong cuốn *Janus, hai bộ mặt của Tây phương* (Janus, les deux faces de l'Occident).

Tư bản lấy sản xuất, lấy lợi tức làm mục đích đuổi theo lợi tức, xã hội tư bản phá hoại môi trường sinh sống của con người, tiêu hủy thiên nhiên... Nói cách khác, xã hội tư bản đang tích cực tự tiêu diệt.

Trong kho huyền thoại Tây phương có con vật tên gọi là catoblépas. Tương truyền rằng đó là con vật khờ dại nhất đời : nó xơi mất tứ chi của mình hồi nào không hay.

Tư bản là con catoblépas khờ dại ấy.

Tư bản lại khờ

Maurice Duverger quên nêu ra cái khờ dại này của xã hội tư bản : là

nó không hâm mộ sách giá trị của M. Duverger bằng sách tấp nham của Roger Peyrefitte.

Cuốn sách bán chạy nhất nước Pháp hiện nay là cuốn *Manouche* của R. Peyrefitte. Văn chương không ra văn chương, lịch sử không ra lịch sử, cuốn sách này là một thứ truyện ký về cuộc đời của mẹ Germaine Germain, tự Manouche. Trong đời, mẹ ta từng trông coi nhiều quán nhậu, tại mỗi nơi như thế từng có nhiều nhân vật lui tới, hoặc chính khách, hoặc nghệ sĩ, tài tử v.v... Thế là thành truyện, thành sách, vui đáo đẽ. Sách in hàng trăm nghìn cuốn, tung ra một cái, thiên hạ tranh nhau vồ.

Phong kiến khốn ngoạn

Tuồng Nô của Nhật là một bộ môn nghệ thuật cổ điển thời phong kiến. Nó cũng cổ kính như hát bội ở ta.

Hát bội thì bây giờ ít khách quá, các nhà lãnh đạo văn hóa tha hồ gồng mình lên chấn hưng, nó vẫn cứ uể oải.

Giới hâm mộ tuồng Nô ở Nhật đã có một sáng kiến lấu lỉnh, khiến họ tung được bộ môn kịch tuồng cổ điển ấy sang tận Tây Âu. Số là năm 1923, Paul Claudel đang làm Đại sứ Pháp tại Tokyo, Nhật yêu cầu ông ta viết chơi một bản tuồng Nô. Nhà ngoại giao nghệ sĩ bèn ngửa nghề chấp nhận.

Nửa thế kỷ sau, đầu tháng 7 năm nay, tuồng *Người đàn bà và cái bóng của nàng* (La femme et son ombre) được diễn ngay tại Ba-lê. Nhật hí hửng mà Pháp cũng cảm động.

TRĂNG THIÊN

Đặc-san thứ 5 của Vương-Hồng-Sên

Ông Vương Hồng Sên, 70 tuổi, đã «bàn về nghệ thuật sống dai» trên Bách Khoa, mấy năm gần đây có viết một loạt sách mang chung tên là «Hiếu cổ đặc-san» số 1, 2, 3, 4... Ba cuốn đầu ông che là «sách vỡ lòng, khơi mào cho độc giả biết ham thích đồ cổ». Cuốn thứ 4 có tựa là «Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa» thuật lại theo bộ «Les poteries et porcelaines chinoises» của bà Daisy Lion-Goldschmidt. Nay ông lại vừa cho ra cuốn thứ 5 «Khảo về gốm cổ sành xưa, lò Cảnh-Đức-Trần» với tựa là Cảnh Đức Trần đào lự, thuật theo bản dịch ra Pháp của bộ sách cũng mang tên như trên, do Ô. Đường-Anh viết dâng lên vua Kiến-Long năm 1743 hiệp với bộ «Đào thuyết» của ông Châu-Đông-Xuyên cũng soạn từ đời Kiến-Long. Như vậy, theo ông Vương Hồng Sên, cuốn thứ 5 năm này là tiếng chuông của người Trung-Hoa bỏ túc cho cuốn thứ 4 là tiếng chuông của người Tây phương. Đặc biệt là ở sau cuốn thứ 5 có 48 trang «Dẫn mục những chữ Hán thường gặp trong sách» những chữ thuộc danh-từ chuyên môn, địa - phương - danh v. v... Ngoài ra còn 14 mục bản trình bày bằng hình vẽ về cách làm đồ sứ của người Trung-Hoa từ lúc lấy đá «cao lãnh» trong núi cho tới lúc làm thành đồ vật nung trong lò.

Các cuốn «Hiếu cổ đặc san» không phát hành theo đường lối thông

thường. Tác giả bán tại nhà riêng (11 Nguyễn Thiện Thuật, Gia Định) và chỉ gửi bán tại Tòa soạn Bách Khoa cùng hiệu sách Tư Lực ở đường Lê Lợi Saigon. Người «hiếu cổ» muốn mua sách cũng thật mất lắm công phu như tìm mua đồ cổ vậy.

Tập truyện thứ 4 của Hoàng Ngọc Tuấn

Hoàng Ngọc Tuấn là một nhà văn trẻ đã có nhiều truyện đăng trên Bách Khoa từ năm 1967-68... và Bách Khoa cũng đã phỏng vấn anh trên số 351 (15-8-71) nhân dịp anh cho xuất bản tập truyện đầu «Hình như là tình yêu».

Sau đó anh còn cho ra liên tiếp tập truyện Ở một nơi ai cũng quen nhau và Thư về đường Sơn Cúc. Trong lời Tựa của cuốn truyện thứ 3, Võ Phiến viết về Hoàng ngọc Tuấn đã nhận xét như sau : «Mặc dù Hoàng Ngọc Tuấn không gieo vần, hầu hết các tác phẩm của anh đều có hoặc ít nhiều hoặc rất nhiều tính chất thơ... Từ tác phẩm này đến tác phẩm khác — những tác phẩm «hình như là tiểu thuyết» — Hoàng Ngọc Tuấn mãi mê làm thơ về hái đề-tài: Tình yêu và Thiên nhiên... Dù cho không luôn luôn lãng mạn cao khiết như ở thời trung cổ xa xưa, các mối tình của Hoàng Ngọc Tuấn cũng gọi lên cái thời của ca dao, của cu gáy bướm vàng v.v... nghĩa là một thuở nào hoàn toàn xa lạ với thời kỳ của thân xác hừng hực, thời kỳ nhiễm độc vì những kích động não nhiệt mà chúng ta đang sống».

Một năm nay Hoàng ngọc Tuấn đã viết rất nhiều truyện đăng trên khá nhiều báo. Nhưng đối với những truyện mà anh góp lại để in thành tập « *Cô bé treo mũng* » (do Trí Đăng xuất bản) thì nhận xét trên của Võ Phiến vẫn còn rất đúng. Nếu phần « *Thiên nhiên* » có giảm sút thì phần « *Tình yêu* » trong 6 truyện vẫn « đẹp và lành không chịu được » và « tính chất thơ » cũng vẫn bằng bạc trong tập truyện thứ 4 này.

Với hình bìa rất dễ thương và sự trình bày trang nhã, « *Cô bé treo mũng* » chắc sẽ được bạn đọc hoan nghênh như những cuốn đã xuất bản trước đây.

Hiện tượng sách Quỳnh-Dao

Cách đây 6 năm trên tạp san Văn nhà văn lão thành Vi huyền Đắc có dịch một bài của Sơn Phương đề giới thiệu rất tường tận về thân thế và văn nghiệp của Quỳnh Dao, một nhà văn phái nữ Trung Hoa. Khoảng hai năm nay một số nhà xuất bản cho dịch các truyện của Quỳnh Dao và những truyện dịch này càng ngày càng có rất đông độc giả. Có nhà xuất bản in ra 5000 cuốn mà bán vẫn hết rất nhanh. Số độc giả này chắc không phải là độc giả của bài giới thiệu Quỳnh Dao trên báo Văn, nhưng hẳn có truyện của Quỳnh Dao là họ mua liền.

Vì vậy truyện của Quỳnh Dao được dịch và in ra liên tiếp, và có cuốn đã được tái bản. Một cây bút trẻ dịch được khá nhiều tác phẩm của Quỳnh Dao là Liêu Quốc Nhĩ, một người Việt gốc Hoa đã đậu Cử

nhân Hóa học, một văn bằng không dính dáng gì đến khả năng dịch luật của anh cả. Hiện tượng sách Quỳnh Dao ăn khách lúc này cũng như truyện chường của Kim Dung được nhiều người mê thích là điều cần ghi lại.

Cách đây 1 tháng, một truyện khá dày của Quỳnh Dao, nguyên tác là « *Thuyền* », đã được 2 nhà xuất bản cùng cho sắp chữ. Lúc in xong một truyện mang tựa là *Thuyền* (do Phương Quế dịch, Trí Đăng xuất bản) một truyện mang tựa là *Trôi theo dòng đời* (do Liêu Quốc Nhĩ dịch, Khai Hóa xuất bản). Cuốn sách của nhà Trí Đăng phát hành trước cuốn của nhà Khai Hóa chừng nửa ngày hay 1 ngày gì đó. Có điều nếu so sánh 2 bản dịch thì người ta sẽ có lắm ngạc nhiên. Xin chỉ trích một đoạn đầu trong sách để bạn đọc xem chơi :

Bản dịch của Phương Quế : « *Trời đêm lặng lẽ, mưa nhẹ bay bay. Trên mặt đường đen ướt loáng nổi lên ánh đèn và bóng người. Hai chiếc đèn treo trên thánh giá của một giáo đường điểm trang thêm cho đêm Giáng sinh. Từ cánh cửa sổ của một tòa nhà cất theo kiểu Tây phương, lời ca tiếng nhạc vọng ra với nhiều tiếng cười nhiệt náo. Đêm lạnh được sống lại rồi.* »

Bản dịch của Liêu Quốc Nhĩ : « *Mưa bụi lất phất, gió đêm mát lạnh. Mặt đường nhựa bóng loáng thấp thoáng ánh đèn phố và người qua lại. Hai chuỗi dây đèn màu nơi góc*

chuông nhà Thờ lấp lánh tô điểm cho vẽ mỹ miều của màn đêm. Trong một biệt thự sang trọng, tiếng hát của Bội Tàn và Ty Đại đưa với tiếng cười tiếng nói làm khơi dậy sức sống của đêm khuya.»

Tuy nhiên nghe đâu cả 2 cuốn của 2 nhà xuất bản vẫn cứ bán chạy như thường.

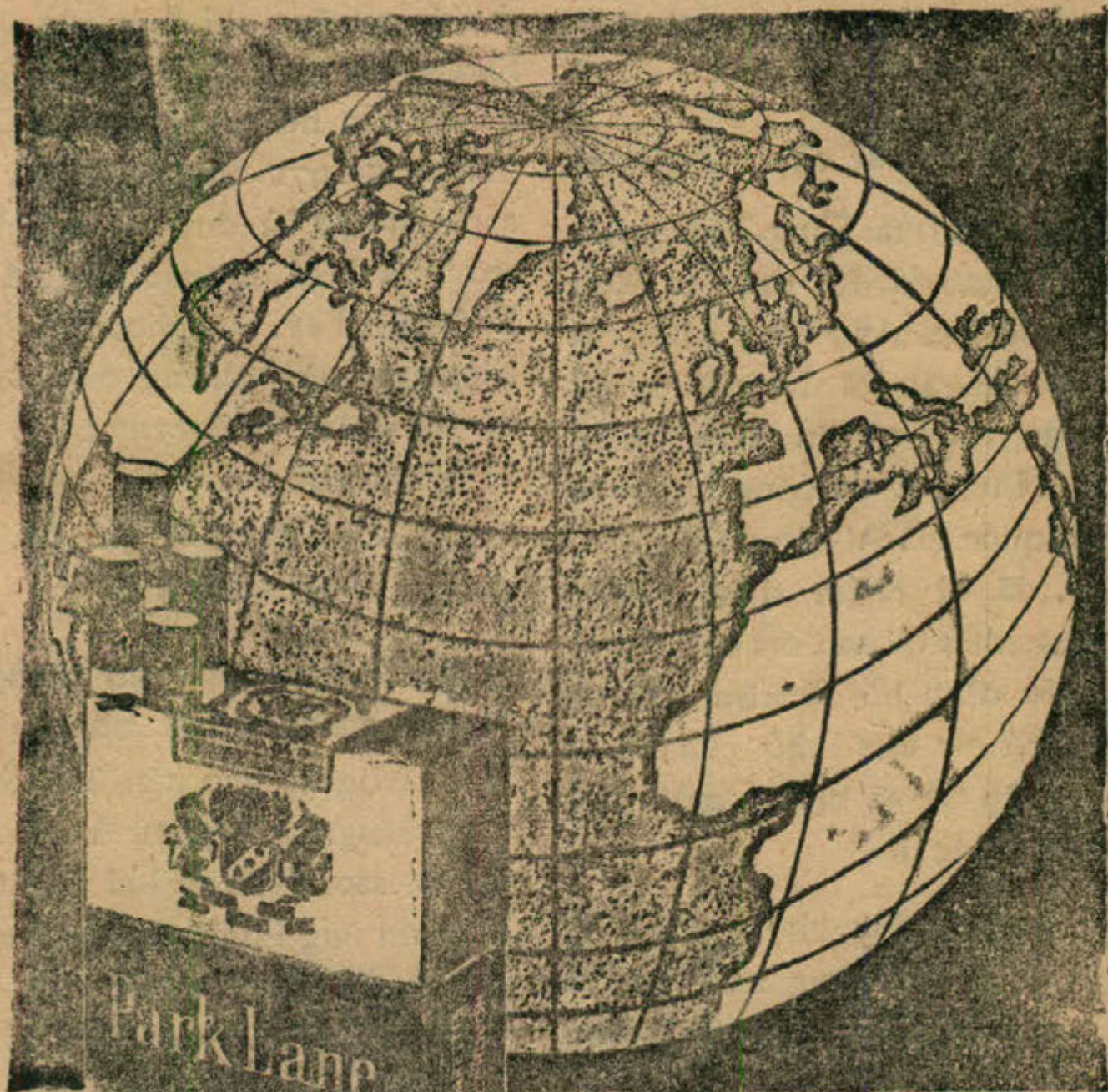
Nhạc Việt ở Nam Mỹ

Một buổi trình tấu nhạc Việt bằng dương cầm đã được tổ chức tại

Argentina và những bản nhạc được giới thiệu hôm đó là của các nhạc sĩ : Ivana Adzija (nữ nhạc sĩ Argentine và cũng là người trình tấu dương cầm hôm đó), Luisa Nguyễn văn Ty và Phạm Duy.

Ngoài 6 bài của Ivana Adzija, có 2 bài của Luisa Nguyễn văn Ty là «Thuyền trôi trong đêm trăng», «Con ngựa ô», và 6 bài của Phạm Duy là : *Nhờ gió đưa về, Mẹ trong lòng người đi, Sông còn mãi mẹ, Mẹ trùng dương, Mẹ Việt Nam ơi, Việt Nam Việt Nam.*

THU THỦY



HIỆU THUỐC THƠM
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...

ĐẦU LỘC

MICHELON

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Trong những tuần vừa qua người ta đã nói nhiều tới việc Ai-cập trục xuất cố-vấn Nga sau khi Nga từ chối không chịu cung cấp phản-lực-cơ Mig-23. Việc ông Thomas Eagleton rút lui khỏi liên danh của ông Mc Govern cũng đang dư-luận chú ý. Tại Ai-nhĩ-lan chính-phủ Anh bắt đầu có thái độ cứng rắn đối với phe Công-giáo. Và sau hết tại Trung Cộng chính phủ Bắc-kinh đã chính thức xác nhận cái chết của Lâm Bưu.

Tranh chấp Ai cập - Nga sô

Ngày 17-7 vừa qua Tổng-Thống Ai-cập Anwar Sadat đã đột ngột ra lệnh cho các cố vấn quân sự Nga phải rút khỏi lãnh thổ Ai-cập và đặt các cơ-sở quân-sự Nga dưới quyền điều khiển của Ai-cập. Như vậy sự cộng-tác quân sự giữa hai quốc gia Ai-cập và Nga-sô, sau 5 năm, đã bị chấm dứt. Nhiều người không hiểu tại sao mà ông Sadat lại có quyết định hồ đồ như vậy vì nếu không có sự che chở của Nga, lãnh-thổ Ai cập tất sẽ bị làm mồi cho không quân Do-thái.

Nhưng thật ra đây không phải là một quyết-định vội vàng như người ta tưởng. Quyết định này chỉ là hậu quả của một tình trạng căng thẳng trong sự giao thiệp giữa ông Sadat và các lãnh-tụ Điện Kremlin từ hai năm qua mà thôi. Từ khi ông Sadat lên thay thế Tổng-Thống Nasser, ông luôn luôn yêu cầu Nga cung cấp cho

Ai-cập các phản-lực-cơ tân tiến loại Mig-23 để Ai-cập có thể đương đầu lại với các phản-lực-cơ Phantoms mà Hoa kỳ bán cho Do thái. Nhưng các nhà lãnh đạo Nga vẫn cứ khất lần hoặc ra điều-kiện khó khăn. Trước hết họ nói rằng vì việc sử dụng Mig-23 rất khó nên người Ai-cập phải được huấn-luyện trong 5 năm. Sau họ lại nói là các phi cơ này phải được đặt dưới quyền chỉ-huy của Nga. Ông Sadat cho rằng đó là một vi phạm chủ quyền của nước ông nên không chịu. Tháng 5-1971 ông Podgorny đột ngột sang Ai-cập và đưa ra một bản hiệp-ước mà Nga đã thảo sẵn để bắt ông Sadat phải ký. Tuy chưa thảo luận gì về hiệp-ước này nhưng ông Sadat cũng cứ ký vì ông Podgorny có dỗ ông Sadat rằng nếu Sadat ký thì ông Podgorny "hứa danh dự" sẽ gửi Mig 23 sang Ai cập trong vòng 4 ngày.

Thế nhưng đến tận tháng 10-1971 Ai-cập vẫn không nhận được một chiếc Mig-23 nào nên ông Sadat đành phải sang tận Mạc-tur-khoa để xem cơ sự ra sao. Nhưng khi ông tới thủ-đô Nga thì ông Podgorny lại lánh mặt lấy cớ là bị đau. Ngày 7-7-1972 ông Vinogradov, Đại-sứ Nga, xin vào gặp ông Sadat và trao cho ông Sadat một bức thư mật sát ông Heikal, Chủ-nhiệm tờ báo Al Ahram, và bạn thân của ông Sadat. Tổng Thống Ai cập nổi giận ra lệnh cho chính phủ Ai-cập trục xuất các cố vấn Nga trong vòng 10

ngày. Lệnh này được ông Sadat đọc ngay khi Đại-sứ Nga còn có mặt trong Văn-phòng Tổng-Thống.

Như vậy người ta thấy Nga, trong những năm qua, tuy cố gắng cung cấp vũ khí cho Ai-cập nhưng cũng luôn luôn tìm cách đối đãi với nước này như một chư-hầu. Mất sự ủng hộ của Nga, Ai-cập chỉ có cách là quay về phía Mỹ trong khi Mỹ vẫn còn luôn luôn ủng hộ Do-thái.

Sự rút lui của Thượng nghị sĩ Eagleton

Thượng nghị sĩ Thomas Eagleton thuộc Tiểu bang Missouri đã được ông McGovern cử làm ứng-cử-viên Phó Tổng-thống của đảng Dân-chủ, Nhưng ngay sau khi liên-danh McGovern — Eagleton được Đại-hội đảng hoan hô cổ vũ thì người ta bắt đầu bới móc đời tư của ông Eagleton. Một nhà báo đã nói rằng ông Eagleton đã bị bắt 6 lần về tội lái xe khi say rượu. Sau đó người ta tung ra một trái bom mới là ông Eagleton bị bệnh thần-kinh và đã phải vào điều trị 3 lần tại bệnh viện.

Thật ra thì bệnh thần-kinh của ông Eagleton không có gì nặng nề đến nỗi ông phải rút bỏ việc ra ứng-cử. Nhưng nhiều người cho rằng một người phải chạy điện để chữa bệnh thần-kinh thì tinh thần khó mà quân bình để nắm quyền tối cao trong nước. Tuy là Phó Tổng-thống nhưng nếu Tổng-thống mệnh-hệ nào thì ông Eagleton vẫn có thể trở thành

Tổng-thống.

Hơn nữa người ta còn trách là ông Eagleton thiếu thành-tín đến nỗi không báo cho ông McGovern biết trước về bệnh tình của mình khi nhận đứng chung liên danh ứng cử. Nhưng ông Eagleton giải-thích rằng lúc ông McGovern điện-thoại mời thì vợ con và công-sự-viên của ông mừng quá nên ông không kịp báo. Hơn nữa không riêng gì ông Eagleton có lỗi, mà ông McGovern cũng có lỗi là đã không lựa chọn kỹ ứng-cử-viên Phó Tổng-thống.

Sau cùng ông McGovern đã chọn ông Sargeant Shriver ra thay thế ông Eagleton. Ông Shriver là em rể của Tổng-thống Kennedy, đã từng là lãnh tụ «đoàn quân hòa bình» (Peace Corps) và làm Đại-sứ ở Paris. Với ông Shriver uy-tín, của liên danh Dân-chủ được tăng cường hơn. Nhưng dù sao thì liên-danh này cũng vẫn ít hy vọng đắc cử.

Chính quyền Anh cứng rắn tại Bắc Ái-nhĩ Lan :

Khi quyết định đặt vùng Bắc Ái-nhĩ-Lan dưới quyền trực tiếp của chính phủ Anh, Thủ-tướng Heath muốn bảo-vệ cho cộng đồng Công-giáo trước các bạo động của cộng-đồng Tin-lành. Nhưng khi tổ-chức Quân đội Cộng hòa Ái-nhĩ-lan (IRA) của phe Công giáo càng ngày càng cường tín thì ông Whilliam Witelaw, Quốc-vụ-khanh đặc trách vấn đề Ái-nhĩ-lan quyết thẳng tay đàn áp. Tô

chức IRA đã tổ chức một ngày «Thứ Sáu đẫm máu» tại Belfast: 20 quả bom đã nổ khiến 9 người bị thiệt mạng và 130 người bị thương. Ông Whitelaw đã cho quân đội đàn áp các căn-cứ của tổ chức IRA tại miền Nam gần biên giới Nam Ái-nhĩ-lan. Chính quyền Nam Ái-nhĩ-lan từ trước tới nay luôn luôn ủng hộ phe Công-giáo ở Bắc Ái, nay cũng đã bắt đầu chán nản trước những bạo động quá cuồng nhiệt. Thủ-tướng Nam Ái John Lynch đang tìm cách đề ngăn chặn các phần tử quá khích của IRA, trong khi dân chúng không còn sốt sắng quyên tiền cứu trợ cho Bắc Ái nữa.

Cái chết của Lâm-Buru

Gần một năm sau khi Lâm Buru qua đời, giờ đây chính phủ Bắc-kinh mới xác nhận cái chết của ông. Chính Mao-Trạch-Đông đã kể chuyện với nữ Thủ-tướng Tích-lan Sirimano Bandaranaike và Ngoại-trưởng Pháp Schumann về cái chết này. Trước khi chết Lâm-Buru, Tổng-trưởng Quốc-phòng và là người được chỉ định kế vị Mao, đã chống lại chính sách xích lại gần

Hoa-kỳ của họ Mao vì một chính sách như vậy làm suy giảm ảnh hưởng của quân đội, trong khi quân đội lại là căn bản quyền hành của Lâm-Buru. Vì vậy Lâm lập mưu hạ sát Mao. Âm-mưu này được dùng mã-hiệu là chiến dịch «571». Và trong chiến dịch này người ta dùng mật mã «B-52» để chỉ Mao. Khi âm mưu bị bại lộ Lâm-Buru và thủ hạ đáp máy bay trốn sang Nga. Ngày 12-9-1972 máy bay của Lâm-Buru bị rơi tại Mông-cô, tất cả hành khách trong chuyến đi đó đều thiệt mạng.

Tuy nhiên chánh phủ Bắc-kinh vẫn không chịu tiết lộ vì sao máy bay bị cháy. Người ta không biết máy bay bị ngộ nạn hay bị không quân Trung Cộng hạ. Người ta cũng không biết trong số người thiệt mạng có vợ và con trai của họ Lâm hay không vì cả hai người này đã biến mất cùng một lúc. Sau Luru Thiểu Kỳ, đây Lâm Buru là một người thừa kế thứ hai của Mao bị loại khỏi chính trường. Trong tương lai tất họ Mao lại phải thận trọng hơn trong việc chọn người thừa kế.

TÙ-MINH

Đón đọc :

CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA

của IVO ANDRITCH

giải Nobel 1961

NGUYỄN HIẾN LÊ dịch

TRÍ ĐĂNG xuất bản

SINH HOẠT

Sắc luật sửa đổi Quy chế Báo chí

Ngày 4-8-1972, trong khuôn khổ luật ủy quyền về các lĩnh vực an ninh, quốc phòng, kinh tế tài chính Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã ký sắc Luật số 007/TT/SLU sửa đổi luật số 019/69 ngày 30-12-69 ấn định quy chế Báo chí. Sắc luật mới này có những đặc điểm như sau :

— Các báo đã xuất bản cũng như báo mới ra đều phải đóng số tiền ký quỹ là 20 triệu đồng (đối với nhật báo) và 10 triệu đồng (đối với báo định kỳ) để bảo đảm việc thanh toán các ngân hình án phí và tiền bồi thường thiệt hại dân sự nguyên cáo định trong những bản án tuyên xử liên quan đến những vi phạm các điều khoản của Luật này.

— Nếu báo nào muốn phát hành lấy sẽ phải ký quỹ thêm 5 triệu (nhật báo) hay 2 triệu rưỡi (báo định kỳ) nữa.

— Các báo của các chính đảng ch phải đóng $\frac{1}{2}$ số tiền ký quỹ nói trên.

— Các tạp chí định kỳ có tính cách thuần túy nghiên cứu về từng

lĩnh vực chuyên biệt : giáo dục, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật, được miễn đóng tiền ký quỹ.

— Các biện pháp chế-tài đều gia tăng gấp bội. Thí dụ :

* Các Báo bị tịch thu vì lý do an ninh quốc gia hay trật tự công cộng đến 2 lần đều có thể bị Bộ Nội-vụ tạm thời đình bản trong khi chờ đợi phán quyết của Tòa án.

* Có điều luật mà nếu báo chí vi phạm có thể bị phạt tù từ 2 năm tới 5 năm hay phạt cấm cố và phạt vạ từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng.

— Các báo hiện đang xuất bản có một thời hạn là 30 ngày kể từ 4-8 để điều chỉnh tình trạng pháp lý (ký quỹ 20 triệu hay 10 triệu).

Người ta chưa rõ từ nay tới hết hạn 30 ngày (2 tháng 9 ?) sẽ có bao nhiêu báo đóng được tiền ký quỹ nói trên nhưng chắc số báo hàng ngày sẽ không còn tới 10 tờ (hiện nay có 28 tờ) và số báo định kỳ sẽ còn lại ít hơn thế nữa, kể cả các báo được miễn tiền ký quỹ.

Chiến-sĩ Quân-Y

Hồi 12 giờ trưa ngày 5-8-1972 vừa qua, tại Câu lạc bộ Huỳnh Hữu Bạt (Tân Sơn Nhứt), Y sĩ Thiếu tướng Cục trưởng Cục Quân-y có tổ chức một bữa tiệc mừng các chiến sĩ Quân-y hữu công tại các mặt trận Trị Thiên, Tam Biên, An Lộc, dưới quyền chủ tọa của Phó Thủ tướng :

Bác-sĩ Nguyễn-lưu-Viên. Cuộc họp mặt và bữa tiệc đã được tổ chức rất hoàn hảo và kết quả thực là đẹp.

Những thành tích của các chiến sĩ Quân-y hữu công được giới thiệu hôm đó đã làm những người tham dự vừa ngạc nhiên vừa xúc động :

Chẳng hạn Y-sĩ Trung-úy Lê-Minh-Tâm, Y-sĩ Trưởng Tiểu-đoàn 2 Nhảy dù, đã được mệnh danh là « người y-sĩ dõn mặt tử thần ». Khi Công-quân khởi sự tổng tấn công vào cuối tháng 3, tại Kontum, Y-sĩ Trung-úy Tâm đã cùng Tiểu-đoàn 2 Nhảy dù tham dự trận đánh lịch-sử tại căn cứ Delta gần vùng Tam biên. Trong trận đánh này, Sư đoàn thép 320 của địch, bằng quân số đông gấp 3, đã tấn công biên người và tràn ngập được một phần căn cứ. Một toán địch đã nhào đến hầm cứu thương của Y-sĩ Trung-úy Tâm gọi đích danh anh ra đầu hàng. Bằng phản ứng chớp nhoáng của một chiến sĩ dạn dày kinh nghiệm, anh đã rút rút Colt bắn chết tên trưởng toán và bằng mình ra ngoài. Một tên địch từ phía sau ném theo một trái bộc phá và một tên khác bắn anh một tràn A.K. Trong khoảng cách không đầy 10 thước anh bị sức nổ ném văng đi và vì vậy đã không trúng đạn và dù bị thương anh vẫn còn bình tĩnh lăn xuống một căn hầm khác và cùng 5 chiến sĩ tại đây tiếp tục cố thủ trước khi địch bị cánh quân khác của Tiểu-đoàn 2 Nhảy dù đánh bật ra khỏi căn cứ và giải vây cho anh.

Y-sĩ Trung-úy Huỳnh Văn Chính, một chiến sĩ Quân-y hữu công khác, chính là ca sĩ Trung-Chính hồi xưa trên đài Truyền hình. Nay anh đã ra trường và là Y-sĩ trưởng trong nhiều Tiểu-đoàn Thủy quân Lục chiến, đã tham dự hầu hết các mặt trận then chốt tại chiến trường Trị Thiên trong

4 tháng vừa qua, đặc biệt là các cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị từ 13-5-72 đến nay. Theo bản giới thiệu thành tích của anh thì trong cuộc hành quân trực thăng vận ngày 11-7-72 của TĐI/TQLC vào vùng phía Bắc thị xã Quảng Trị, địch đã tấn công ngay từ phút đầu và xử dụng tối đa phòng không, gây cho một số lớn binh sĩ và Y-sĩ Trung-úy Hoan, nguyên Y-sĩ Trưởng TĐI/TQLC, bị thương cùng với một số y-tá. Y-sĩ Trung-úy Chính đã tình nguyện vào vùng hành quân giữa làn mưa đạn thay thế Y-sĩ Trung-úy Hoan. Lúc đó vùng hoạt động của TĐI/TQLC nguy hiểm đến độ trực thăng chở anh Chính đã để tất cả nhân viên phi hành ở lại, trên trực thăng chỉ có một phi công và anh Chính. Khi tới trận địa, anh Chính đã phải sẵn sàng cho 50 thương binh nặng nhẹ dưới mức độ pháo kích 2.000 quả mỗi ngày, trên một quãng đất nhỏ hẹp, không công sự phòng thủ chắc chắn. Anh Chính đã chịu đựng như vậy trong ba ngày liền và đã điều khiển binh sĩ đóng bè chuối đi tản hết thương binh và thương vong vượt sông về khu vực an toàn.

Những thành tích tận tâm, dũng cảm, hy sinh... tại ba chiến trường Trị Thiên, Tam biên, An lộc, của các y sĩ, y tá, trợ y, v.v... được nêu lên hôm đó, rất nhiều không kể xiết. Nhưng người tham dự còn thích thú hơn nữa là có vị y-sĩ quân-y bị hãm trong mặt trận An Lộc mấy tháng liền với những cuộc tấn công và

pháo kích dữ dội của địch như vậy, mà vẫn còn thì giờ và tìm hồn để chụp lại rất rõ và đẹp một số hình màu những cảnh lửa cháy, đạn rơi, người bị thương quanh mình, kể cả hình căn phòng của ông bị một quả đạn làm tan nát hết chỉ còn lại duy nhất chiếc máy chụp hình mà ông đã sử dụng !

Trên báo chí mấy năm nay, từ vụ Hà Thúc Nhơn đến vụ mới đây một ông lớn Quân-y « tử thủ »... trong chức vụ của mình mặc dầu bị điều tra xử phạt, người ta chỉ thấy trong ngành Quân-y rất nhiều chuyện không đẹp, mà chuyện đẹp thì hầu như là

màu thu, sao buổi sớm ! Nhưng tham dự buổi họp mặt trên đây, được nghe những thành tích các chiến sĩ quân y tử thủ thực tại An-Lộc hay đã lao vào lửa đạn để cấp cứu những binh sĩ bị thương trong đơn vị, quên cả thân mình tại các chiến trường Tam biên, Trị Thiên, thì người ta lại lạc quan mà thấy trở lại niềm tin và cảm mến đối với cả một thế-hệ Y-sĩ trẻ, vừa tận tâm vừa dũng cảm, mà hồn nhiên có những hành động thực anh hùng.

THẾ NHÂN

Đã phát hành :

ZEN VÀ Ý-THỨC NÓI VỀ ĂN CHAY

Tác giả : THÁI-KHẮC-LỄ

Một công-trình khảo-cứu vĩ-đại do cây bút được lắm độc-giả mến-chuộng đã tạo nên một cuộc cách-mạng trong lối ăn uống và trong phép chữa bệnh ngày nay, đã truyền một luồng sinh-khí hùng-hậu vào nền y-triết-ly Đông-phương, đã ảnh-hưởng sâu-đậm trên lối suy-tư và trong nếp sống của nhiều nhà đại trí-thức Việt-Nam hiện-đại.

Trình-bày sự tương-quan giữa Sắc Không của Thiền-ly với Âm-Dương của Dịch-ly cùng nghệ-thuật ăn chay dưới mọi hình-thức ; giải-thích được-tính và Âm-Dương-tính nhiều loại thực-phẩm đến phép tọa-thiền theo nguyên-ly Âm-Dương.

Sách dày 460 trang, giấy rộng, in đẹp do Nhà Sách KHAI-TRÍ xuất-bản.

Giá nhất-định : 350đ.

Ô. Giám-đốc Nhà sách KHAI-TRÍ hoặc

62, Đại-lộ Lê-Lợi

SAIGON

Thư-từ xin gửi :

Ô. Phạm-Châu

Thư-viện Đại-Học Huế

HUẾ

HỢP THƯ

— *Tạp chí Bách Khoa* đã nhận được những bài của quý bạn sau đây:

Murong Mán (Chuyện mùa); Vương Đại Lợi (thơ); Chu Vương Miện (thơ); Bùi Bá Bồng (thơ); Nguyễn Đức Nhân (thơ); Đỗ Tứ (thơ); Hồ Văn Dương (thơ); Hoàng Ngọc Hiền (thơ); Nguyễn Minh Hữu (Trăm bước chim di); Lê Đình Phạm Phú (thơ); Phạm Cung Nghiệp (Ai còn ai mất ở Bồng Sơn); Phú Quân (Khủng bố, một thời-đại-tính); Trần Hoàng Vi (thơ); Hồng Băng (thơ); Lý Thiện Ngô (thơ); Lê Viễn Phố (thơ); Huy Uyên (thơ); Phan Thanh Phương (thơ); Hồng Minh (Khả năng trí tuệ và vấn đề thiếu ăn); Vương Anh Lạc (Địa lý hình thể; Chuyến thăm ông Vua Lừa); Nguyễn Thị Thu (thơ); Nguyễn Tiến Cung (thơ); Lương Hoàng Phủ (thơ); Trần Dza Lữ (thơ); Trần Minh Quang (thơ); Trần Nguyễn Trần (thơ); Trầm Hương Thanh (thơ); Ngô Anh (thơ); Cao Viễn Phương (thơ); Nguyễn Tiên Trung (thơ); Thượng Thuật (thơ); Mặc Tùng Dzu (thơ); Nguyễn Thành Khâu (thơ); Thủy Triều (thơ); Thanh Uyên Vũ (thơ); Nguyên Thư (thơ); Hồ Khê Bạc (thơ); Lương Châu (thơ); Lê Yên Linh Phương (thơ); Nguyễn Miên Thượng (thơ);

Những bài được lựa đăng, chúng tôi sẽ liên lạc bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên các số *Bách Khoa* tới đây.

— Các anh: Kinh Dương Vương, Lữ Quỳnh, — Đã nhận được truyện

của các anh và đã gửi thư riêng đến các anh rồi.

— Lê-Tâm: Rất mừng được tin anh và bài của anh. Mong anh có dịp ghé qua Tòa soạn để nói chuyện nhiều.

— Tống Châu Ân: Đã nhờ Ngụy Ngữ nói với anh về bài bút ký rồi

SÁCH MỚI

— Rắn thần họ Lý truyện thiếu nhi Nam Quân dày 158 trang, thuộc loại Hoa đỏ, giá 90đ, Ghềnh đá cheo leo truyện thiếu nhi của Thanh Hiền, dày 92 trang, thuộc loại Hoa đỏ, giá 70đ. Các sách trên đây đều do nhà xuất bản Tuổi Hoa gửi tặng, in rất đẹp và nội dung hợp với tuổi thơ.

— Đường vào Dược khoa do Hội ái hữu sinh viên Dược-khoa ấn hành và gửi tặng, in ronéo gồm những tài liệu dành cho các bạn tân sinh viên Dược khoa.

— Vũ trụ Thơ của Đặng-Tiến do Giao-Điểm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 162 trang gồm 5 tiểu-luận về các nhà thơ; Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, và Đinh Hùng. Giá 220đ.

— Thăng Gù nhà thờ Đức Bà, nguyên tác của Victor Hugo, bản Việt văn của Trần Quang Huề, do Hàm Thụ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 280 trang gồm 23 chương. Giá 230đ.

— Lương Nhữ Lộc điệp viên của Lai Hồng phóng tác từ « Laucelot agent secret » của Lieutenant X do Hàm Thụ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 182 trang. Giá 150đ